

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA KINH TẾ

Phạm Thị Thúy Hằng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT
QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH
SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT

Mã sinh viên: 2653011177

Ngành : Kế toán

NINH BÌNH, (2026)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA KINH TẾ

Phạm Thị Thúy Hằng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT
QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH
SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT

Mã sinh viên: 2653011177

Ngành: Kế toán

Người hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Oanh

NINH BÌNH, (2026)

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan kết quả đạt được trong báo cáo Khóa luận tốt nghiệp này là sản phẩm của cá nhân em, các kết quả nghiên cứu và kết luận trong báo cáo này trung thực, không sao chép của người khác. Việc tham khảo các nguồn tài liệu đã được trích dẫn và ghi nguồn tài liệu tham khảo theo đúng quy định.

Em xin chịu trách nhiệm cho lời cam đoan của mình!

Ninh Bình, ngày 20 tháng 05 năm 2026

Sinh viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Thúy Hằng

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Sinh viên Phạm Thị Thúy Hằng đã nghiên cứu nghiêm túc và hoàn thành đúng tiến độ các giai đoạn của quá trình làm chuyên đề khóa luận tốt nghiệp. Có tinh thần học hỏi, tìm kiếm tài liệu và chỉnh sửa bài theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn. Các nội dung trình bày theo đúng đề cương đã được duyệt, đề tài đảm bảo tính khoa học và có ý nghĩa thực tiễn cao.

Ninh Bình, ngày 20 tháng 05 năm 2026

Người hướng dẫn

ThS. Phạm Thị Oanh

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Từ viết đầy đủ
CKTM	Chiết khấu thương mại
DN	Doanh nghiệp
DT	Doanh thu
DVT	Đơn vị tính
GTGT	Giá trị gia tăng
GBC	Giấy báo có
GBN	Giấy báo nợ
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
KQHDKD	Kết quả hoạt động kinh doanh
KKTX	Kê khai thường xuyên
KKDK	Kiểm kê định kỳ
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
TTDB	Tiêu thụ đặc biệt
TSCD	Tài sản cố định
TK	Tài khoản
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TMCP	Thương mại Cổ phần
VND	Việt Nam đồng

DANH MỤC HÌNH

Hình 2.1. Xưởng của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát	42
Hình 2.2. Một số sản phẩm thuộc ngành kinh doanh chính của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát	57
Hình 2.3. Giao diện vào chứng từ bán hàng trên MISA	64
Hình 2.4. Giao diện chứng từ bán hàng trên phần mềm MISA	65
Hình 2.5. Hóa đơn GTGT số 00000074 ngày 17/01/2026	66
Hình 2.6. Giao diện chứng từ bán hàng số 000058 trên phần mềm MISA	69
Hình 2.7. Hóa đơn GTGT số 00000080.....	70
Hình 2.8. Giao diện trích Sổ chi tiết bán hàng trên MISA	72
Hình 2.9. Giao diện trích Sổ cái trên MISA.....	77
Hình 2.10. Giao diện trích sổ Tổng hợp tồn kho trên MISA	79
Hình 2.11. Giao diện vào Trả lại hàng bán trên MISA.....	84
Hình 2.12. Giao diện hàng bán bị trả lại	84
Biểu 2.13. Bảng báo giá kiêm xác nhận đơn hàng của Công ty	88
Hình 2.14. Quy trình tính giá vốn hàng bán trên phần mềm MISA	89
Hình 2.15. Giao diện tính giá xuất kho trên phần mềm MISA tháng 1/2026.	89
Hình 2.16. Giao diện phiếu xuất kho XK00842	90
Biểu 2.17. Phiếu xuất kho số XK00842 ngày 17/01/2026.....	91
Biểu 2.18. Bảng báo giá kiêm xác nhận đơn hàng của Công ty	92
Hình 2.19. Giao diện phiếu xuất kho XK00848	93
Biểu 2.20. Phiếu xuất kho số XK00774 ngày 18/01/2026.....	94
Hình 2.21. Giao diện phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại số NK000083.....	95
Biểu 2.22. Phiếu nhập kho hàng bị trả lại số NK000083.....	96
Hình 2.23. Quy trình xuất sổ chi tiết trên MISA	97
Hình 2.24. Giao diện vào Chứng từ nghiệp vụ khác trên MISA	102
Hình 2.25. Giao diện chứng từ nghiệp vụ khác số KH00008 tại Công ty....	102
Hình 2.27. Giao diện Chứng từ nghiệp vụ khác số NVK000016.....	109
Hình 2.29. Hóa đơn GTGT điện tiêu thụ tháng 1/2026 số 50153	110
Hình 2.28. Chứng từ mua dịch vụ số MDV00038.....	111

Hình 2.29. Hình ảnh GBC của khoản lãi nhập gốc của Công ty	114
Hình 2.30. Giao diện vào thu tiền trên MISA.....	115
Hình 2.31. Giao diện doanh thu hoạt động tài chính trên phần mềm MISA	115
Hình 2.32. Giấy báo nợ số 25284	117
Hình 2.33. Giao diện ủy nhiệm chi số UNC00012	118
Hình 2.34. Giao diện Chứng từ nghiệp vụ khác số KH00009.....	121
Hình 2.35. Giấy báo Có số 25363.....	123
Hình 2.36. Giao diện Chứng từ nghiệp vụ khác số KH00015.....	124
Hình 2.37. Giao diện chứng từ nghiệp vụ khác số NVK000055	127
Hình 2.38. Giao diện tài khoản chi tiết của TK 421 trên phần mềm MISA.	133
Hình 2.39. Giao diện kết chuyển lãi lỗ NVK000056.....	134
Hình 2.40. Giao diện trích Sổ nhật ký chung trên MISA	140
Hình 2.41. Giao diện vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên MISA	144
Hình 3.1. Giao diện tính khấu hao trên phần mềm MISA	153
Hình 3.2. Giao diện chọn kỳ tính khấu hao trên phần mềm MISA	153

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Bảng 2.1. Tình hình tài chính và kinh doanh tại Công ty trong 3 năm 2023, 2024, 2025	46
Bảng 2.2. Danh mục hàng hóa tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát.....	56
Bảng 2.3. Bảng tính khấu hao TSCD bộ phận bán hàng tháng 1	101
Bảng 2.4. Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội tháng 1	108
Biểu 2.1. Hợp đồng nguyên tắc mua bán	60
Biểu 2.2. Biên bản giao nhận hàng hóa của Công ty ngày 17/01/2026	67
Biểu 2.3. Phiếu thu số PT0043 ngày 17/1/2026.....	68
Biểu 2.4. Biên bản giao nhận hàng hóa của Công ty ngày 18/01/2026	71
Biểu 2.5. Trích sổ chi tiết bán hàng Thép tròn phi 25	73
Biểu 2.6. Trích sổ chi tiết bán hàng Tôn lạnh màu đỏ BRL01 AZ050 17/05: 0.45 mmx1200mm G55	74
Biểu 2.7. Trích sổ chi tiết bán hàng Tôn mạ màu 0.40x1200 TL	75
Biểu 2.8. Trích Bảng tổng hợp bán hàng theo mặt hàng tại Công ty tháng 1.	76
Biểu 2.9. Trích sổ cái TK 5111	78
Biểu 2.10. Trích Bảng tổng hợp nhập xuất tồn tại Công ty tháng 1	80
Biểu 2.11. Biên bản trả lại hàng bán ngày 20/01/2026	83
Biểu 2.12. Hóa đơn GTGT số 00000101	85
Biểu 2.13. Trích sổ chi tiết TK 632.....	98
Biểu 2.14. Trích sổ cái TK 632	99
Biểu 2.15. Chứng từ kế toán số KH00008	103
Biểu 2.16. Trích sổ chi phí bán hàng 6421	106
Biểu 2.17. Chứng từ kế toán số NVK000016 tại Công ty	109
Biểu 2.18. Trích sổ cái TK 642	112
Biểu 2.19. Trích sổ chi tiết tài khoản 6422	113
Biểu 2.20. Trích sổ cái TK 515	116
Biểu 2.21. Trích sổ cái TK 635	119
Biểu 2.22. Trích sổ cái TK 711	122

Biểu 2.23. Trích sổ cái TK 811	125
Biểu 2.24. Chứng từ kế toán số NVK000055	128
Biểu 2.25. Trích sổ cái TK 821	128
Biểu 2.26. Trích sổ chi tiết TK 821.....	130
Biểu 2.27. Chứng từ kế toán số NVK000056	135
Biểu 2.28. Trích sổ cái TK 4212	136
Biểu 2.29. Trích sổ chi tiết TK 4212.....	137
Biểu 2.30. Trích sổ cái TK 911	138
Biểu 2.31. Trích sổ chi tiết TK 911.....	139
Biểu 2.32. Trích sổ nhật ký chung	141
Biểu 2.33. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tháng 1 năm 2026.....	145
Biểu 3.1. Mẫu giấy đề nghị thanh toán	152

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14
Sơ đồ 1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	16
Sơ đồ 1.3. Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX	20
Sơ đồ 1.4 Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK.....	21
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng	23
Sơ đồ 1.6. Kế toán chi phí quản lý DN	24
Sơ đồ 1.7. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	25
Sơ đồ 1.8. Kế toán chi phí tài chính	26
Sơ đồ 1.9. Trình tự kế toán thu nhập khác	27
Sơ đồ 1.10.Trình tự kế toán chi phí khác	28
Sơ đồ 1.11. Trình tự kế toán Chi phí thuê thu nhập DN	30
Sơ đồ 1.12. Trình tự hạch toán kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh	31
Sơ đồ 1.13. Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung.....	32
Sơ đồ 1.14. Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký- Sổ cái	33
Sơ đồ 1.15. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	35
Sơ đồ 1.16. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ.....	36
Sơ đồ 1.17. Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán trên máy tính	38
Sơ đồ 2.1. Quy trình hoạt động mua hàng tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát.....	44
Sơ đồ 2.2. Quy trình hoạt động bán hàng tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát.....	45
Sơ đồ 2.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát.....	49
Sơ đồ 2.4. Tổ chức bộ máy kế toán Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát.....	51
Sơ đồ 2.5. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán	53
Sơ đồ 2.6. Quy trình ghi sổ trên máy vi tính thông qua phần mềm.....	55
Sơ đồ 2.7. Quy trình lập hóa đơn điện tử.....	67

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC	ii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	iii
DANH MỤC HÌNH.....	iv
DANH MỤC BẢNG, BIỂU	vi
DANH MỤC SƠ ĐỒ	viii
MỤC LỤC	ix
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu.....	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	3
3.1. Mục đích.....	3
3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
5. Phương pháp nghiên cứu	4
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn	4
6.1. Ý nghĩa khoa học	4
6.2. Ý nghĩa thực tiễn.....	4
7. Bố cục khóa luận.....	4
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
1.1. Những vấn đề chung về kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh	5
1.1.1. Khái niệm và vai trò của kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	5
1.1.2. Yêu cầu và nhiệm vụ của kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	6
1.1.3. Đặc điểm tổ chức bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	7

1.2. Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp Thương mại	11
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng.....	11
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	14
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	16
1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng.....	21
1.2.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	23
1.2.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	25
1.2.7. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	26
1.2.8. Kế toán thu nhập khác.....	27
1.2.9. Kế toán chi phí khác.....	28
1.2.10. Kế toán chi phí thuế thu nhập DN.....	29
1.2.11. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh	30
1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán sử dụng trong kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	31
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	31
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái.....	33
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	34
1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ.....	35
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	36
Chương 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT	39
2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát.....	39
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	39
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh.....	43
2.1.3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh trong những năm gần đây	46
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý.....	49
2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	50

2.1.6. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán	52
2.1.7. Đặc điểm tổ chức công tác bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát	56
2.2. Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát	58
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng.....	58
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	81
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	86
2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	100
2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	114
2.2.6. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	117
2.2.7. Kế toán thu nhập khác.....	120
2.2.8.. Kế toán chi phí khác	122
2.2.9. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	125
Chương 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT	146
3.1. Đánh giá chung về thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát	146
3.1.1. Ưu điểm.....	146
3.1.2. Nhược điểm.....	148
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát	151
KẾT LUẬN	161
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	162

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh hiện nay, khi Việt Nam đang tiến hành chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, vấn đề quan trọng nhất đối với các doanh nghiệp là lợi nhuận. Vì vậy, kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trở thành một mắt xích trung tâm, cung cấp thông tin trung thực, kịp thời và chính xác cho nhà quản trị để ra các quyết định chiến lược. Nếu kế toán bán hàng phản ánh chính xác các giao dịch phát sinh thì việc xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp nhìn rõ lãi lỗ, từ đó đưa ra quyết định quản trị đúng đắn. Đồng thời, làm cơ sở cho việc phân tích và đưa ra các quyết định chiến lược như: mở rộng hay thu hẹp sản xuất, điều chỉnh giá bán hay thâm nhập thị trường mới,... đáp ứng yêu cầu quản lý và tăng cường khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tôn xộp, ống hộp, thép cốt pha,..., với đặc điểm các mặt hàng sản phẩm có sự đa dạng về chủng loại như thì việc kiểm soát quá trình bán hàng có thể coi là biện pháp hữu hiệu và quan trọng nhất để tăng lợi nhuận cho Công ty. Vì vậy điều tất yếu là Công ty phải quan tâm đến khâu kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. Tuy nhiên, công ty chưa tận dụng được hết tính năng của phần mềm kế toán, chưa ứng dụng nhiều kế toán quản trị doanh thu; chi phí trong kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. Chính vì lẽ đó, kế toán bán hàng trong công ty còn bộc lộ một số hạn chế nhất định, gây mất nhiều thời gian dẫn đến việc xác định kết quả kinh doanh vẫn chưa đảm bảo.

Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh đến sự vận hành và phát triển của doanh nghiệp, em đã lựa chọn đề tài: ***“Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát”*** nhằm đi sâu và tìm hiểu rõ hơn các vấn đề liên quan đến công tác kế toán, đặc biệt là về tình hình kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh từ lâu đã là một trong những đề tài nền tảng và xuyên suốt trong quá trình nghiên cứu kế toán trong một doanh nghiệp. Phần lớn các nghiên cứu đều thống nhất về tầm quan trọng

của công tác này, nhưng có sự tập trung vào những khía cạnh khác nhau tùy theo các góc độ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và sự phát triển của nền kinh tế. Có thể kể đến một số tác giả với một số đề tài cụ thể như sau:

Phạm Thị Khánh Huyền (2024), *“Kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Thành Tiến”*, Trường Đại học Hoa Lư. Bài viết này đã cung cấp cái nhìn tổng quan về kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng. Tuy nhiên vẫn còn những hạn chế nhất định như: các vấn đề vẫn chưa được khai thác một cách triệt để, chưa đi sâu vào phân tích số liệu để chứng minh và làm rõ về tình hình bán hàng của Công ty.

Nguyễn Thị Mai Thao (2024), *“Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Vận Tải và Thương mại Duy Long”*, Trường Đại học Hoa Lư. Trong bài viết, tác giả đã phản ánh đúng và chi tiết về quy trình bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại các Công ty thương mại nói chung. Trên cơ sở đó tác giả đã phân tích được thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Duy Long. Bên cạnh đó, người viết còn nêu lên được những mặt hạn chế còn tồn tại như việc doanh nghiệp vẫn chưa có kế hoạch sử dụng vốn hiệu quả và áp dụng mẫu sổ chi tiết giá vốn hàng bán chưa thực sự phù hợp. Vận dụng những lý luận đó vào thực tiễn để đánh giá thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát, từ đó tìm ra giải pháp phù hợp để hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Nguyễn Thị Thu Quyên (2021), *“Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất phụ tùng xe máy Đức Minh”*, Học viện Tài Chính. Qua nghiên cứu, tác giả đã hệ thống hóa và khái quát được những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, từ đó đánh giá được ưu điểm, những hạn chế còn tồn tại trong công ty. Từ thực trạng đã nêu ra, tác giả đã đưa ra phương hướng và giải pháp hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị. Tuy nhiên một số nội dung nghiên cứu của tác giả về kế toán quản trị còn trùng lặp với nội dung của kế toán tài chính, cách tiếp cận trên hai góc độ này còn rời rạc, chưa chặt chẽ.

Các nghiên cứu trên đã đề cập một cách toàn diện dựa trên lý thuyết và cơ sở thực tiễn xét theo góc độ pháp luật, phân tích được những điểm mạnh, mạnh, điểm yếu và phản ánh được thực trạng của các doanh nghiệp, đưa ra giải

pháp hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh cho các doanh nghiệp. Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát chưa có một công trình nghiên cứu nào viết về đề tài kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. Do đó, việc lựa chọn đề tài “Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát” là yêu cầu cấp thiết, nội dung phản ánh được thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty, từ đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện cho kế toán bán hàng tại Công ty.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Tìm hiểu và đánh giá thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH SX & TM Vĩnh Phát để đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, nhiệm vụ nghiên cứu của Khóa luận là:

- Luận giải các khái niệm, đặc điểm, nội dung của Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh
- Phân tích thực trạng Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH SX & TM Vĩnh Phát
- Đưa ra một số đánh giá và đề xuất giải pháp chủ yếu cho việc hoàn thiện Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH SX & TM Vĩnh Phát

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH SX & TM Vĩnh Phát.

- Phạm vi nghiên cứu: Đề tài đi sâu vào nghiên cứu những vấn đề thực tiễn của kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH SX & TM Vĩnh Phát.

- Thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu trong phạm vi các tài liệu về tình hình tài chính và hoạt động kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2023, 2024, 2025, 2026.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu lý luận: Nghiên cứu tài liệu về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.
- Phương pháp thống kê: thu thập tài liệu nghiên cứu.
- Phương pháp quan sát: Thực hiện quan sát các hoạt động của của doanh nghiệp, bộ máy kế toán và công việc của các nhân viên trong Công ty, đặc biệt là nhân viên phần hành kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.
- Phương pháp phỏng vấn trực tiếp: trực tiếp gặp gỡ, trao đổi với các kế toán, bộ phận có liên quan tại Công ty.
- Phương pháp thực nghiệm: Thực tập kế toán phần hành kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.
- Phương pháp tính toán, phân tích, tổng hợp số liệu.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Đề tài góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận chung về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh; giúp xác định yếu tố ảnh hưởng và tìm ra giải pháp để nâng cao chất lượng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh, từ đó giúp Doanh nghiệp tìm ra những thiếu sót để có biện pháp khắc phục kịp thời.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Các biện pháp đề xuất trong Khóa luận sẽ góp phần nâng cao hiệu quả kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát. Ngoài ra, đề tài còn là tài liệu tham khảo hữu ích cho sinh viên ngành Kế toán.

7. Bố cục khóa luận

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận Khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát.

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1. Những vấn đề chung về kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.1.1. Khái niệm và vai trò của kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.1.1.1. Khái niệm về bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

➤ Khái niệm bán hàng

Bán hàng là khâu cuối cùng trong quá trình hoạt động kinh doanh của DN thương mại, là quá trình người bán chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ cho người mua để nhận quyền sở hữu về tiền tệ hoặc có quyền đòi tiền ở người mua.

Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế DN thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động kinh doanh thông thường của DN, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu của các DN bao gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và các hoạt động khác.

Chi phí: Là khoản tiền mà DN phải chi trả trong quá trình phân phối, tiêu thụ sản phẩm, cung cấp dịch vụ cho khách hàng để có thể đem lại doanh thu cho Doanh nghiệp.

➤ Khái niệm xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Xác định kết quả hoạt động kinh doanh là việc so sánh giữa chi phí kinh doanh đã bỏ ra và thu nhập đã thu về trong kỳ. Nếu thu nhập lớn hơn chi phí thì kết quả bán hàng là lãi, thu nhập nhỏ hơn chi phí thì kết quả bán hàng là lỗ. Việc xác định kết quả bán hàng thường được tiến hành vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm, tùy thuộc vào từng đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của DN.

1.1.1.2. Vai trò của kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Bán hàng là khâu cuối cùng của trong quá trình kinh doanh của DN còn xác định kết quả hoạt động kinh doanh là căn cứ quan trọng để đơn vị quyết định tiêu thụ hàng hoá nữa hay không. Do đó có thể nói giữa bán hàng và xác định kết quả

hoạt động kinh doanh có mối quan hệ mật thiết. Kết quả bán hàng là mục đích cuối cùng của DN còn bán hàng là phương tiện trực tiếp để đạt được mục đích đó.

Bán hàng đóng một vai trò rất quan trọng không chỉ đối với bản thân mỗi DN và với cả sự phát triển chung của toàn bộ nền kinh tế xã hội.

Đối với DN, kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh giúp phản ánh kịp thời các chỉ tiêu liên quan đến doanh thu và chi phí của các hoạt động trong DN. Số liệu kế toán cung cấp giúp nhà quản lý có thể phân tích, đánh giá và đưa ra những quyết định kinh doanh đúng đắn cho DN.

Từ các số liệu trên báo cáo tài chính mà kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng cung cấp, Nhà nước nắm được tình hình kinh doanh, tình hình tài chính của các DN. Từ đó thực hiện chức năng quản lý, kiểm soát vĩ mô nền kinh tế, đồng thời kiểm tra việc chấp hành về kinh tế, tài chính và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước của các DN.

Ngoài ra, thông qua số liệu kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng cung cấp, các đối tác biết được khả năng sản xuất kinh doanh của DN từ đó đưa ra quyết định về đầu tư, cho vay hay thiết lập quan hệ làm ăn với DN.

Đối với nền kinh tế quốc dân thì việc thực hiện tốt khâu bán hàng là điều kiện để kết hợp chặt chẽ giữa lưu thông hàng hóa và lưu thông tiền tệ, thực hiện chu chuyển tiền mặt, ổn định và củng cố giá trị đồng tiền, là điều kiện để ổn định và nâng cao đời sống của người lao động nói riêng và toàn xã hội nói chung.

1.1.2. Yêu cầu và nhiệm vụ của kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.1.2.1. Yêu cầu của kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Trong tiến trình hội nhập nền kinh tế khu vực và thế giới, có rất nhiều thuận lợi để thúc đẩy DN phát triển nhưng cũng đặt DN trước những khó khăn thách thức lớn. Để thực hiện kinh doanh có hiệu quả DN cần quản lý chặt chẽ các khoản chi phí, doanh thu. Với nội dung và cách xác định KQHDKD theo góc độ kế toán quản trị DN cần thiết phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tổ chức kế toán chi phí, doanh thu theo từng nội dung yếu tố cấu thành để xác định kết quả kinh doanh.

- Tổ chức tốt hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán một cách chi tiết để có được thông tin cần thiết cho việc xác định kết quả kinh doanh

- Thực hiện phân bổ các chi phí theo các tiêu thức phân bổ hợp lý tức là phải đảm bảo được các mối quan hệ tỉ lệ thuận giữa số chi phí cần phân bổ với các tiêu chuẩn phân bổ, cụ thể để xác định kết quả bán hàng và cung cấp dịch vụ từng loại sản phẩm hàng hoá, dịch vụ cần phân bổ chi phí mua hàng, chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN.

1.1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Với những đặc điểm và vai trò nêu trên, kế toán bán hàng và xác định KQHDKD có những nhiệm vụ sau:

- Một là ghi chép phản ánh đầy đủ kịp thời khối lượng hàng hoá bán ra, tính toán đúng đắn trị giá vốn của hàng bán ra và các chi phí nhằm xác định chính xác KQHDKD của DN.

- Hai là cung cấp thông tin kịp thời về tình hình bán hàng phục vụ cho lãnh đạo, điều hành hoạt động kinh doanh thương mại.

- Ba là kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận, kỉ luật thanh toán và quản lí chặt chẽ tiền bán hàng, kỉ luật thu nộp ngân sách.

Kế toán bán hàng và xác định KQHDKD thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình sẽ đem lại hiệu quả thiết thực cho công tác bán hàng nói riêng và cho hoạt động kinh doanh nói chung của DN. Nó giúp cho người sử dụng những thông tin của kế toán nắm được toàn diện hoạt động kinh doanh của DN, giúp cho người quản lý trong việc ra quyết định kịp thời cũng như trong việc lập kế hoạch kinh doanh trong tương lai.

1.1.3. Đặc điểm tổ chức bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.1.3.1. Đặc điểm của quá trình bán hàng

Hoạt động bán hàng và kinh doanh khác với hoạt động sản xuất. Hoạt động kinh doanh thực hiện chức năng cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, nhằm đưa sản phẩm tới tay người tiêu dùng, phục vụ nhu cầu sản xuất, tiêu dùng cũng như xuất khẩu của họ. Do đó đối tượng của hoạt động bán hàng và kinh doanh

trong DN thương mại là hàng hóa – đó là những sản phẩm lao động được các DN thương mại mua về để bán ra. Và vốn hàng hóa ở DN thương mại là vốn chủ yếu.

Hoạt động bán hàng và kinh doanh trong các DN thương mại có thể được hiểu là mua hàng hóa để bán ra nhằm kiếm lời, thu tiền rồi lại tiếp tục mua hàng hóa, bán ra với số lượng nhiều hơn. Như vậy, hoạt động bán hàng và kinh doanh trong DN thương mại bao gồm quá trình mua hàng, dự trữ hàng, trao đổi hàng và bán hàng hóa trên thị trường chứ không liên qua đến quá trình sản xuất ra sản phẩm ra sao, sản phẩm được sản xuất ở đâu,...

Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động bán hàng và kinh doanh của các DN thương mại bao trùm lên tất cả các lĩnh vực của đời sống, việc mua bán hàng hóa được thỏa thuận về giá cả giữa người mua và người bán. Các DN kinh doanh thương mại chỉ có thể bán thông qua thị trường. Do vậy việc đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu thị trường là mục tiêu hàng đầu đối với bất kỳ một DN thương mại nào. Hoạt động kinh doanh trong DN thương mại tạo ra lợi nhuận cho chính DN đó. Tuy nhiên, công tác bán hàng mới hoạt động chính tạo ra lợi nhuận cho DN thương mại. Các DN thương mại sử dụng lợi nhuận để bù đắp chi phí và tiếp tục công việc kinh doanh của họ.

Quy trình kinh doanh đồng thời là quy trình cung cấp sản phẩm, lao vụ cho khách hàng, vì vậy không có sản phẩm làm dở, không có sản phẩm nhập kho.

Chính vì đặc trưng trên đã chi phối trực tiếp đến công tác kế toán bán hàng và xác định KQHDKD trong các DN thương mại.

1.1.3.2. Các phương thức bán hàng

Việc bán hàng trong các DN thương mại có thể thực hiện theo hai phương thức: bán buôn và bán lẻ, được chi tiết dưới nhiều hình thức khác nhau (trực tiếp, chuyển hàng...), tùy thuộc vào đặc điểm hàng hóa, sản phẩm tiêu thụ.

➤ Phương thức bán buôn

Phương thức bán buôn là một hình thức không thể thiếu trong Công ty Thương mại, nó chiếm tỷ trọng lớn trong quá trình bán hàng hóa tại công ty. Với hình thức này việc tiêu thụ hàng hóa thông qua các hợp đồng kinh tế được

ký kết giữa các tổ chức với công ty vì vậy đối tượng của bán buôn rất đa dạng: có thể là các doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp thương mại, doanh nghiệp dịch vụ,..., hình thức tiêu thụ hàng hóa này giúp cho hàng hóa tiêu thụ nhanh và được bán với khối lượng lớn, tránh sự tồn đọng của hàng hóa. Mặt khác với hình thức này công ty sẽ mở rộng được quan hệ hợp tác kinh doanh với nhiều loại hình doanh nghiệp khác nhau, từ đó có thể mở rộng quy mô kinh doanh, tăng sức cạnh tranh và uy tín trên thị trường.

Phương thức bán buôn được thanh toán bằng chuyển khoản và tiền mặt. Khi bên mua chấp nhận thanh toán hoặc thanh toán tiền ngay thì hàng hóa được xác định là tiêu thụ. Trong phương thức bán buôn có hai phương thức:

- + Phương thức bán buôn hàng hoá qua kho: Bán buôn hàng hoá qua kho là phương thức bán buôn hàng hoá mà trong đó, hàng bán phải được xuất từ kho bảo quản của DN. Bán buôn hàng hoá qua kho có thể thực hiện dưới hai hình thức là giao hàng trực tiếp và chuyển hàng.

- + Phương thức bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng: Theo phương thức này, DN thương mại sau khi mua hàng, nhận hàng mua, không đưa về nhập kho mà chuyển bán thẳng cho bên mua. Phương thức này có thể thực hiện theo hai hình thức là giao hàng trực tiếp và chuyển hàng.

➤ Phương thức bán lẻ

Bán lẻ hàng hoá là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế hoặc các đơn vị kinh tế tập thể mua về mang tính chất tiêu dùng nội bộ. Bán hàng theo phương thức này có đặc điểm là hàng hoá đã ra khỏi lĩnh vực lưu thông và đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá đã được thực hiện. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ, giá bán thường ổn định. Có nhiều phương thức bán lẻ như:

- + Phương thức bán lẻ thu tiền tập trung: Theo phương thức này, nghiệp vụ thu tiền của người mua và nghiệp vụ giao hàng cho người mua tách rời nhau. Thường được áp dụng đối với những mặt hàng có giá trị lớn, cần có sự bảo quản chặt chẽ và thận trọng.

Các doanh nghiệp thương mại áp dụng hình thức bán hàng này thường là các doanh nghiệp kinh doanh vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

+ Phương thức bán lẻ thu tiền trực tiếp: Theo phương thức này, nhân viên tiêu thụ vừa làm nhiệm vụ giao hàng vừa làm nhiệm vụ thu tiền cuối mỗi ca bán hàng, nhân viên bán hàng tiến hành kiểm kê hàng hoá tồn quầy, xác định lượng hàng bán trong ca, xác định doanh thu của ca bán hàng, lập báo cáo bán hàng và nộp tiền cho thủ quỹ. Ví dụ như các doanh nghiệp kinh doanh bán lẻ xăng dầu, bán lẻ xe máy, xe đạp.....

+ Phương thức bán lẻ tự phục vụ: Theo phương thức này, khách hàng tự chọn lấy hàng, mang đến bàn tính tiền và thanh toán tiền hàng. Nhân viên thu tiền kiểm hàng, tính tiền, lập hoá đơn tiêu thụ và thu tiền của khách hàng. Cuối ngày, nộp tiền cho thủ quỹ. Ví dụ như các doanh nghiệp kinh doanh siêu thị.

+ Phương thức bán trả góp: Theo phương thức này, doanh nghiệp sẽ dành cho người mua ưu đãi được trả tiền hàng trong nhiều kỳ. Khi đó, doanh nghiệp được hưởng thêm khoản chênh lệch giữ giá bán trả chậm, trả góp với giá bán trả ngay.

+ Phương thức gửi đại lý bán hoặc ký gửi hàng hóa: Doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý, ký gửi để các cơ sở này trực tiếp tiêu thụ. Bên nhận đại lý, ký gửi sẽ trực tiếp tiêu thụ, thanh toán tiền hàng và được hưởng hoa hồng đại lý bán hàng.

1.1.3.3. Các phương thức thanh toán

Hàng hóa được coi là đã tiêu thụ chỉ khi DN nhận được đầy đủ tiền bán hàng hoặc được khách hàng chấp nhận thanh toán. Các phương thức thanh toán trong các DN thương mại như:

- Thanh toán ngay: Là thanh toán khi nhận hàng, khách hàng thanh toán bằng tiền mặt hoặc qua ngân hàng.
- Thanh toán bù trừ: Là khách hàng đã ứng trước cho đơn vị một khoản tiền hàng, sau khi nhận toàn bộ số hàng thì khách hàng sẽ thanh toán đủ số tiền còn lại được tính bằng tổng tiền hàng trừ đi số tiền đã ứng trước.
- Trả chậm: Đối với khách hàng có uy tín, thân quen, DN có thể cho khách

hàng nợ tiền trong khoảng thời gian nhất định theo thỏa thuận. Nếu khách hàng thanh toán trước hạn sẽ được hưởng chiết khấu theo quy định (nếu có).

- **Trả góp:** Đây là hình thức tín dụng của DN cho khách hàng được thanh toán nhiều lần. Mức trả và thời gian trả theo thỏa thuận giữa hai bên và khách hàng phải trả thêm khoản lãi nhất định theo quy định.

Có nhiều phương thức thanh toán khác nhau, DN cần phải linh hoạt lựa chọn phương thức đúng đắn, phù hợp, đó là điều kiện giúp cho DN đẩy mạnh doanh số bán hàng, nâng cao doanh thu và mở rộng thị trường.

1.2. Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp Thương mại

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng

➤ **Điều kiện ghi nhận doanh thu:** Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, doanh thu từ bán hàng chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn quyền quản lý hay kiểm soát hàng hóa như một người sở hữu.
- Doanh thu được xác định một cách đáng tin cậy.
- Doanh nghiệp đã hoặc có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ kinh doanh.
- Các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng đã được xác định rõ ràng.

➤ **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

- Doanh thu được xác định dựa trên giá trị hợp lý của các khoản tiền đã hoặc sẽ thu được từ các giao dịch bán hàng, bao gồm cả phụ thu hoặc phí bổ sung mà doanh nghiệp có quyền hưởng (nếu có).

- Giá trị doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định thông qua thỏa thuận giữa doanh nghiệp và bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Khoản doanh thu này được tính bằng giá trị hợp lý sau khi loại bỏ các yếu tố như chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Đối với các khoản tiền hoặc tương đương tiền không được nhận ngay, doanh thu được tính bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa các khoản sẽ nhận thành giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu, dựa trên tỷ lệ lãi suất hiện hành. Điều này đồng nghĩa giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận có thể thấp hơn giá trị danh nghĩa dự kiến nhận trong tương lai.

- Trường hợp hàng hóa được trao đổi để lấy hàng hóa khác có cùng bản chất và giá trị tương đương, giao dịch này không được xem là tạo ra doanh thu.

1.2.1.1. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

Chứng từ kế toán

Trong công tác kế toán doanh thu tại DN thương mại, kế toán thường sử dụng các chứng từ sau:

- + Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng hóa
- + Hóa đơn GTGT
- + Bảng kê hàng hóa bán ra
- + Phiếu thu, chi/ GBN, GBC

Sổ sách kế toán

Kế toán doanh thu tại Công ty sử dụng các sổ sách sau: sổ chi tiết TK 511, Sổ cái TK 511, Sổ Nhật ký chung,...

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

Căn cứ Thông tư số 133/2016/TT- BTC của Bộ Tài Chính phản ánh doanh thu bán hàng sử dụng TK 511 : “Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ” dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của DN trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tài khoản này có 4 TK cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118 : Doanh thu khác

Kết cấu của TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ”

- Bên Nợ:

- + Các khoản giảm trừ doanh thu.
- + Các khoản thuế gián thu phải nộp: Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

+ Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

- Bên Có:

- + Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của DN thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

1.2.1.3. Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng

➤ Điều kiện ghi nhận doanh thu :

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- DN đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- DN không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- DN đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ Nguyên tắc ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được từ các giao dịch bán hàng hóa bao gồm cả phụ thu và các khoản phí thu thêm mà DN được hưởng (nếu có).

Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thỏa thuận giữa DN với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.

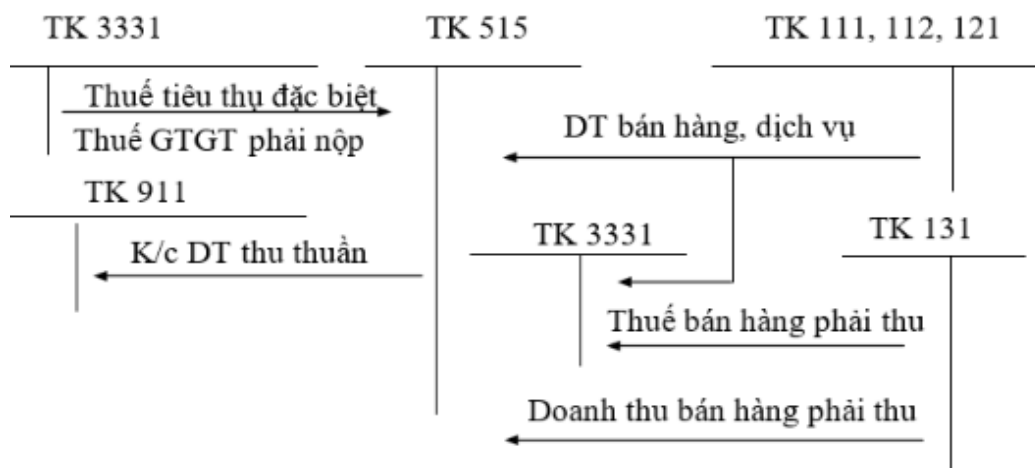
Đối với các khoản tiền và tương đương tiền không được nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ

thu được trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi suất hiện hành. Giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể nhỏ hơn giá trị danh nghĩa sẽ thu được trong tương lai.

Khi hàng hóa được trao đổi để lấy hàng hóa tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu.

Sơ đồ hạch toán TK 511 - Doanh thu bán hàng được thể hiện:

Sơ đồ 1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chiết khấu thương mại: Trên hóa đơn ghi rõ tỷ lệ và số tiền chiết khấu.

Ngoài ra chứng từ kèm theo là các văn bản về chính sách CKTM của Công ty.

- Giảm giá hàng bán:

+ Giấy đề nghị giảm giá hàng bán

+ Biên bản giảm giá hàng bán

- Hàng bán bị trả lại :

+ Giấy đề nghị trả lại hàng

+ Biên bản hàng bán trả lại

+ Hóa đơn xuất trả lại

+ Hóa đơn photo liên 2 đã xuất giao cho khách hàng

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Các khoản giảm trừ doanh thu ghi giảm trực tiếp vào bên Nợ TK 511 “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

1.2.2.3. Phương pháp kế toán giảm trừ doanh thu

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC, các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

Chiết khấu thương mại: là khoản giảm trừ cho người mua khi người mua với số lượng lớn hoặc mua đạt được một doanh số nào đó, hoặc theo chính sách kích thích bán hàng của DN trong từng giai đoạn.

Giảm giá hàng bán: DN giảm giá hàng bán khi sản phẩm của DN sắp hết hạn sử dụng, DN muốn tiêu thụ hết hàng tồn kho hay sản phẩm không được như cam kết với khách hàng...

Hàng bán bị trả lại: Là số hàng hóa hàng bán bị trả lại trong trường hợp DN cung cấp hàng hóa sai quy cách, phẩm chất, kích cỡ... so với hợp đồng kinh tế.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại:

Trường hợp trên hoá đơn đã thể hiện khoản CKTM cho khách hàng hưởng là khoản giảm trừ vào số tiền khách hàng phải thanh toán (giá bán trên hóa đơn là giá đã trừ chiết khấu thương mại) thì DN ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá đã trừ CKTM (doanh thu thuần).

Kế toán phải theo dõi riêng khoản CKTM mà DN chi trả cho khách hàng nhưng chưa được phản ánh là khoản giảm trừ số tiền phải thanh toán trên hóa đơn. Trường hợp này, DN ghi nhận doanh thu ban đầu theo giá chưa trừ CKTM (doanh thu gộp).

Giảm giá hàng bán:

Trường hợp trên hoá đơn đã thể hiện khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng hưởng là khoản giảm trừ vào số tiền khách hàng phải thanh toán (giá bán trên hóa đơn là giá đã giảm) thì DN ghi nhận doanh thu theo giá đã giảm (doanh thu thuần).

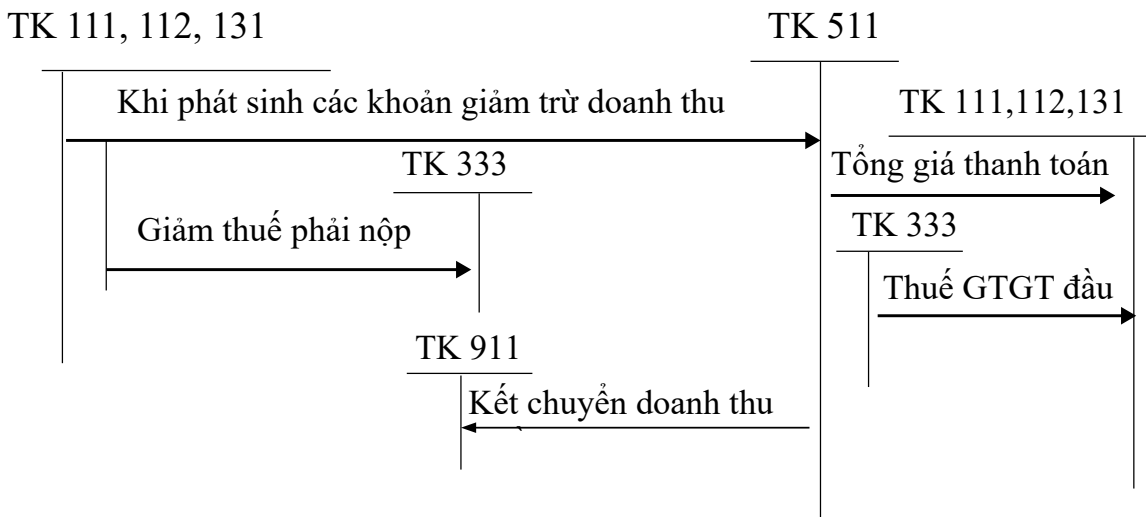
Kế toán phải theo dõi riêng khoản giảm giá hàng bán đối với các khoản DN giảm trừ cho khách hàng do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng (đã ghi nhận doanh thu) và phát hành hoá đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất,...

Hàng bán bị trả lại:

Trường hợp DN đã xuất hoá đơn, khách hàng đã nhận hàng, khách hàng phát hiện hàng không đúng quy cách, không đảm bảo chất lượng, ... yêu cầu trả lại hàng. Khi xuất trả, bên mua phải lập hoá đơn. Hoá đơn này là căn cứ để bên bán, bên mua điều chỉnh doanh số mua hàng, bán hàng và số thuế GTGT đã kê khai.

Trường hợp DN đã xuất hoá đơn, khách hàng chưa nhận được hàng, khách hàng phát hiện hàng không đúng quy cách, không đảm bảo chất lượng, ... yêu cầu trả lại hàng. Khi trả lại hàng khách hàng phải lập biên bản trả lại hàng kèm theo hoá đơn gửi trả lại cho DN để lập lại hoá đơn tương ứng với số hàng chấp nhận mua và làm căn cứ để DN điều chỉnh lại doanh thu và thuế GTGT đầu ra.

➤ Trình tự kế toán



Sơ đồ 1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

➤ Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp: được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng sản phẩm, hàng hóa xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

- Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

➤ **Phương pháp xác định giá vốn hàng bán**

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC, các DN có thể áp dụng một trong những phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho sau:

- **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):**

Theo phương pháp này dựa trên giả định hàng nào được nhập kho trước thì được xuất trước. Do đó giá của hàng hoá xuất bán là giá của hàng hoá nhập trước còn giá của hàng hoá tồn kho cuối kỳ là giá của hàng hoá nhập sau.

Ưu điểm: Cho phép tính giá hàng xuất kho một cách kịp thời, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

Nhược điểm: Phải hạch toán chi tiết hàng hoá tồn kho, giá trị hàng hoá xuất kho không được phản ánh chính xác.

- **Phương pháp bình quân gia quyền:**

Theo phương pháp này, trị giá thực tế của hàng hóa, thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa, thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân theo công thức:

$$\text{Giá trị xuất kho trong kỳ} = \text{Số lượng hàng xuất kho} \times \text{Giá đơn vị bình quân}$$

Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ:

Đơn giá xuất kho bình quân cả tháng	=	$\frac{\text{Giá trị tồn đầu tháng} + \text{Giá trị nhập kho trong tháng}}{\text{Số lượng tồn đầu tháng} + \text{Số lượng nhập kho trong tháng}}$
---	---	---

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ

Nhược điểm: Không phản ánh được sự biến động giá sau mỗi lần nhập, công tác tính giá hàng xuất bán dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến thời gian của các bộ phận kế toán khác.

- Phương pháp tính theo giá đích danh:

Theo phương pháp này, khi xuất kho hàng hóa thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó để tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho. Phương pháp này được áp dụng cho những DN có chủng loại hàng hóa ít và nhận diện được từng lô hàng.

Ưu điểm: Phương án này đặt nguyên tắc phù hợp của kế toán lên hàng đầu, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Cả giá trị của hàng xuất kho đem bán và giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó. Việc tính giá hàng hoá được thực hiện kịp thời và có thể theo dõi được thời hạn bảo quản của từng lô hàng hóa.

Nhược điểm: Công việc phức tạp đòi hỏi kế toán phải nắm rõ được chi tiết từng lô hàng. Hệ thống kho tàng của DN phải bảo quản riêng cho từng lô hàng hoá nhập kho. Chỉ những DN kinh doanh có ít mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, hàng tồn kho theo từng lô hàng có thể nhận diện được thì mới tính giá xuất kho được theo phương pháp này. Với những DN kinh doanh nhiều mặt hàng, không nhận diện được các mặt hàng theo từng lô hàng thì không áp dụng được phương pháp này.

- Phương pháp tính theo giá bán lẻ:

Một số đơn vị có đặc thù (ví dụ siêu thị, cửa hàng bán lẻ...) có thể áp dụng kỹ thuật xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ theo phương pháp giá bán lẻ.

Giá trị hàng xuất kho = Giá bán lẻ hàng tồn kho – Lợi nhuận biên bình quân (%).

Tỷ lệ lợi nhuận biên do DN xác định trên cơ sở hợp lý, có tính đến việc hàng có thể giảm giá. Thông thường, mỗi bộ phận bán lẻ sẽ có một tỷ lệ lợi nhuận biên bình quân riêng.

Ưu điểm: Đơn giản, nhanh chóng: không cần theo dõi giá nhập từng lô, phù hợp khối lượng hàng hóa lớn, nhiều loại, biến động nhanh. Giảm tải công tác

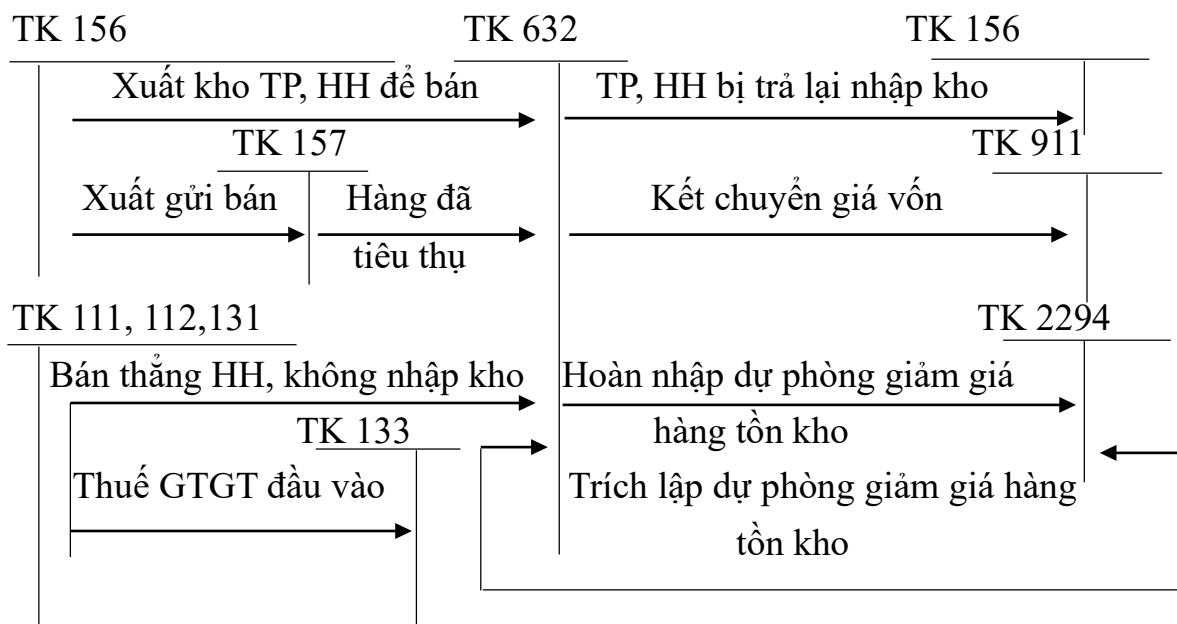
kế toán: đặc biệt với DN có danh mục hàng nghìn sản phẩm (siêu thị, cửa hàng tiện lợi). Thích hợp cho quản lý nội bộ: cho phép xác định nhanh giá vốn, lợi nhuận, phục vụ báo cáo quản trị.

Nhược điểm: Độ chính xác thấp: chỉ mang tính ước lượng vì dựa vào tỷ lệ lợi nhuận biên, không phản ánh chính xác từng mặt hàng. Phụ thuộc vào tỷ lệ lợi nhuận biên: nếu xác định không hợp lý → dễ làm sai lệch kết quả kinh doanh. Hạn chế phạm vi áp dụng: chỉ phù hợp đơn vị bán lẻ nhiều mặt hàng, vòng quay nhanh. Với DN sản xuất, DN thương mại ít mặt hàng → không hiệu quả.

Như vậy, có thể thấy phương pháp giá bán lẻ trong Thông tư 133 không phải là một phương pháp chính thức, mà chỉ là kỹ thuật bổ sung cho những trường hợp đặc thù.

1.2.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Chứng từ kế toán
- + Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT)
- + Các chứng từ liên quan khác: Hoá đơn vận chuyển, phiếu nhập kho...
 - TK sử dụng
- + TK 632 – Giá vốn hàng bán
- + TK có liên quan: 156, 157,...
- TK 632 có kết cấu như sau:
 - Bên nợ:
 - + Trị giá vốn thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ cung cấp theo hoá đơn
 - + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
 - Bên có:
 - + Kết chuyển giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ vào TK xác định KQKD
 - + Trị giá hàng bán bị trả lại
 - + Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm
- Trình tự kế toán: Kế toán giá vốn hàng bán được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.3. Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX

1.2.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

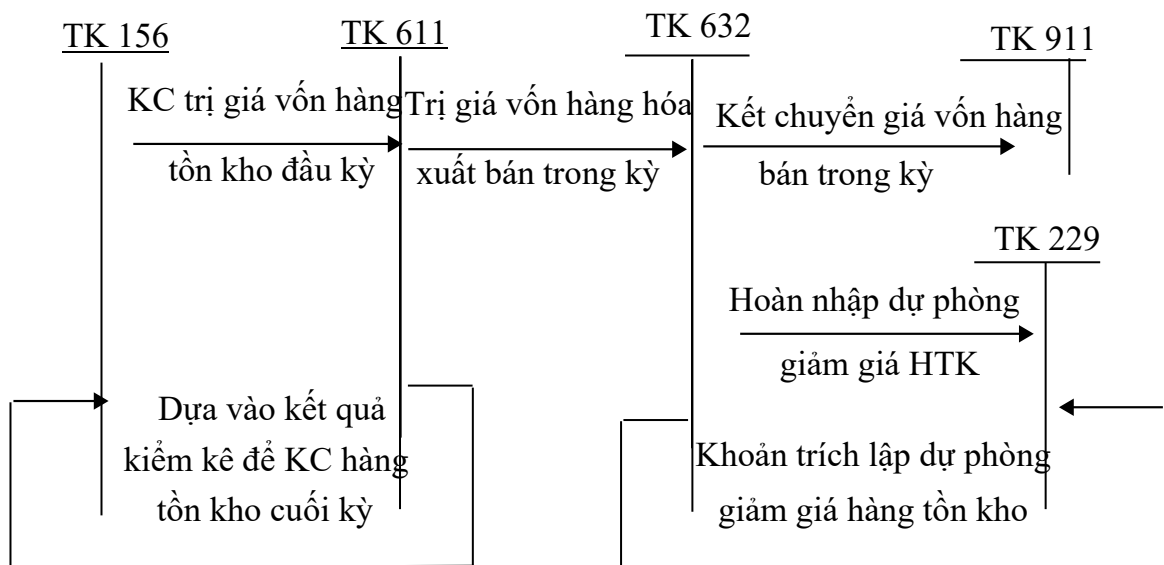
- Chứng từ kế toán
- + Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT)
- + Các chứng từ liên quan khác: Hoá đơn vận chuyển, phiếu nhập kho...
- TK sử dụng
- + TK 632 – Giá vốn hàng bán
- + TK có liên quan: 156, 157,...
- TK 632 có kết cấu như sau:
- Bên nợ:
 - + Trị giá vốn hàng xuất bán trong kỳ với đơn vị kinh doanh hàng hoá
 - + Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ và sản xuất trong kỳ, giá trị lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành trong kỳ đối với đơn vị sản xuất và dịch vụ
- Bên có:
 - + Giá trị hàng hoá đã xuất bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ
 - + Giá trị thành phẩm tồn kho cuối kỳ với đơn vị sản xuất và tiêu thụ
 - + Kết chuyển trị giá vốn hàng đã tiêu thụ trong kỳ vào TK xác định KQHDKD
- Trình tự kế toán

Khác với phương pháp KKTX, phương pháp KKĐK không theo dõi thường

xuân tình hình nhập, xuất hàng hoá trên các TK hàng tồn kho mà TK này chỉ dùng đầu kỳ và cuối kỳ trên cơ sở kết quả kiểm nghiệm thực tế vào cuối mỗi kỳ hạch toán để xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ và từ đó tính ra giá trị sản phẩm hàng hoá đã xuất bán trong kỳ theo công thức:

$$\text{Giá vốn bán hàng} = \text{Trị giá hàng đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ} - \text{Trị giá hàng hàng cuối kỳ}$$

Kế toán giá vốn hàng bán được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.4 Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK

1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng

1.2.4.1. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

Chứng từ sử dụng

- + Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- + Hóa đơn GTGT(Mẫu số 01GTKT – 3LL)
- + Hóa đơn bán hàng thông thường
- + Các bảng phân bổ:
 - Bảng phân bổ chi phí trả trước
 - Bảng phân bổ khấu hao TCSĐ
 - Bảng phân bổ vật liệu và công cụ dụng cụ
 - Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương

Sổ sách sử dụng

+ Sổ chi tiết: Sổ chi tiết TK 6421

+ Sổ tổng hợp: Sổ nhật ký chung

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

Căn cứ vào Thông tư số 133/2016/TT- BTC, sử dụng TK 6421 “ Chi phí bán hàng” để tập hợp và kết chuyển chi phí thực tế phát sinh trong kỳ liên quan đến tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Kết cấu TK 6421

- Bên Nợ: Chi phí bán hàng thực tế phát sinh
- Bên Có:
 - + Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng
 - + Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK xác định KQHDKD
 - + TK 6421 – Chi phí bán hàng.

TK này có thể mở các TK cấp 2 như sau:

- TK64211 – Chi phí nhân viên
- TK64212 – Chi phí vật liệu
- TK64213 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK64214 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK64215 – Chi phí bảo hành
- TK64217 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK64218 – Chi phí bằng tiền khác

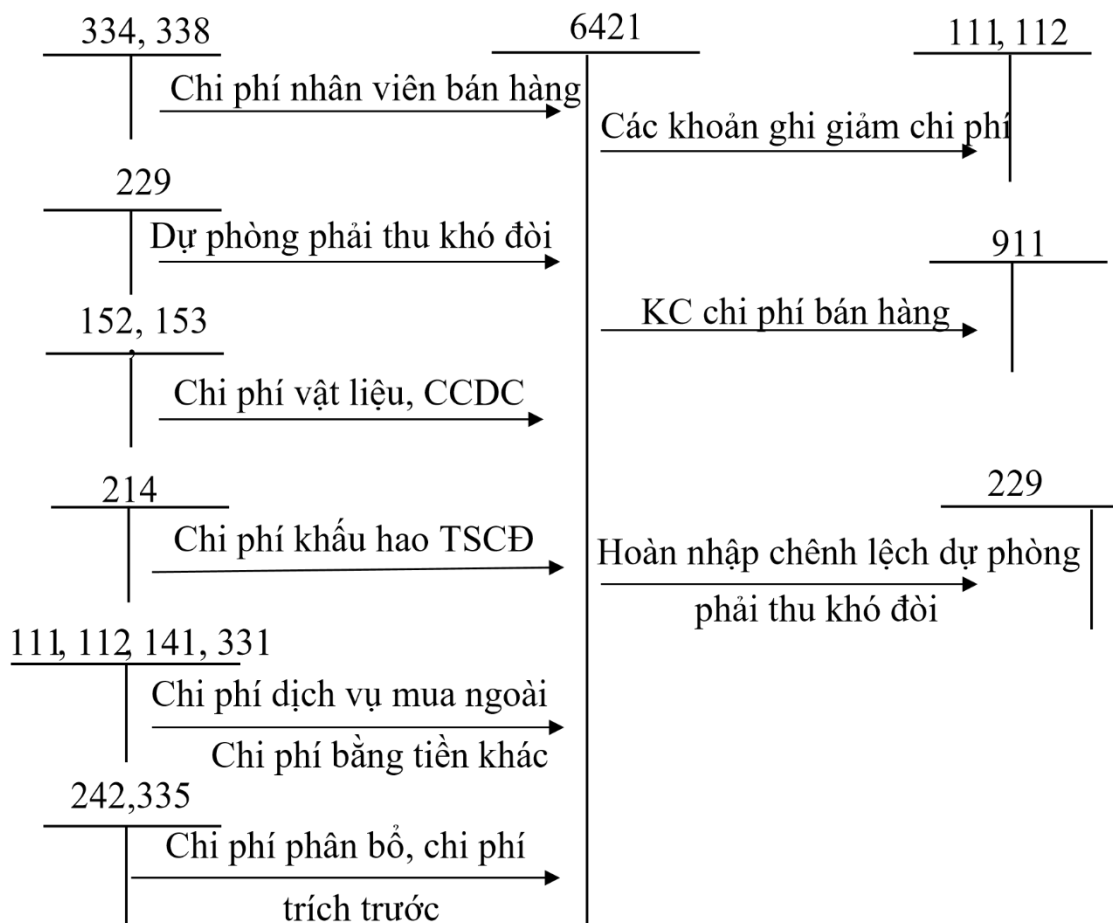
1.2.4.3. Phương pháp kế toán chi phí bán hàng

➤ Nội dung

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: Là toàn bộ các khoản tiền lương, các khoản trích theo lương cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản,..
- Chi phí vật liệu, bao bì: Là giá trị của vật liệu, bao bì dùng để đóng gói, bảo quản, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa hay sửa chữa TSCĐ ở khâu bán hàng
- Chi phí đồ dùng, dụng cụ: Là giá trị công cụ, đồ dùng phục vụ quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện thanh toán,...

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ như kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển,...
- Chi phí bảo hành sản phẩm: Là chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định của bảo hành.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là khoản chi phí phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm như thuê tài sản, kho, chế biến, vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý,...
- Chi phí bằng tiền khác: Là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các khoản kể trên như chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm,...



Sơ đồ 1.5. Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng

1.2.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.5.1. Chứng từ sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ và tài khoản sử dụng
- Chứng từ sử dụng

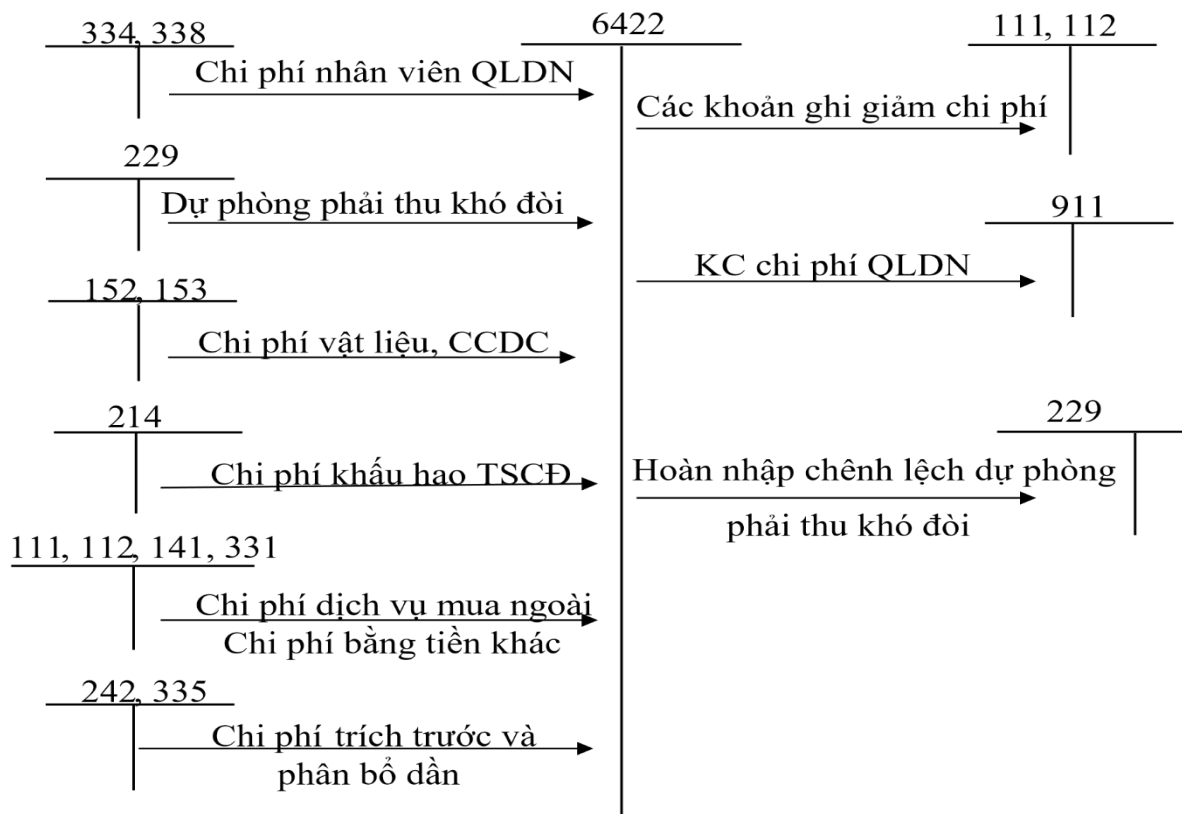
- + Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- + Hóa đơn GTGT(Mẫu số 01GTKT – 3LL)
- + Hóa đơn bán hàng thông thường
- + Các bảng phân bổ:
 - Bảng phân bổ chi phí trả trước
 - Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
 - Bảng phân bổ vật liệu và công cụ dụng cụ
 - Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Sổ sách sử dụng
- + Sổ chi tiết: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (TK 642)
- + Sổ tổng hợp: Sổ nhật ký chung

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.

TK 6422 - Chi phí quản lý DN: Phản ánh chi phí quản lý chung của DN phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý DN sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

- TK liên quan: TK 111, 112, 331, 3331, 156, 214 , 334, 338

1.2.5.3. Phương pháp kế toán chi phí quản lý DN



Sơ đồ 1.6. Kế toán chi phí quản lý DN

1.2.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.6.1. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Phiếu thu
- GBN, GBC
- Phiếu tính lãi
- Hóa đơn bán hàng
- Sổ cái

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính: Dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của DN.

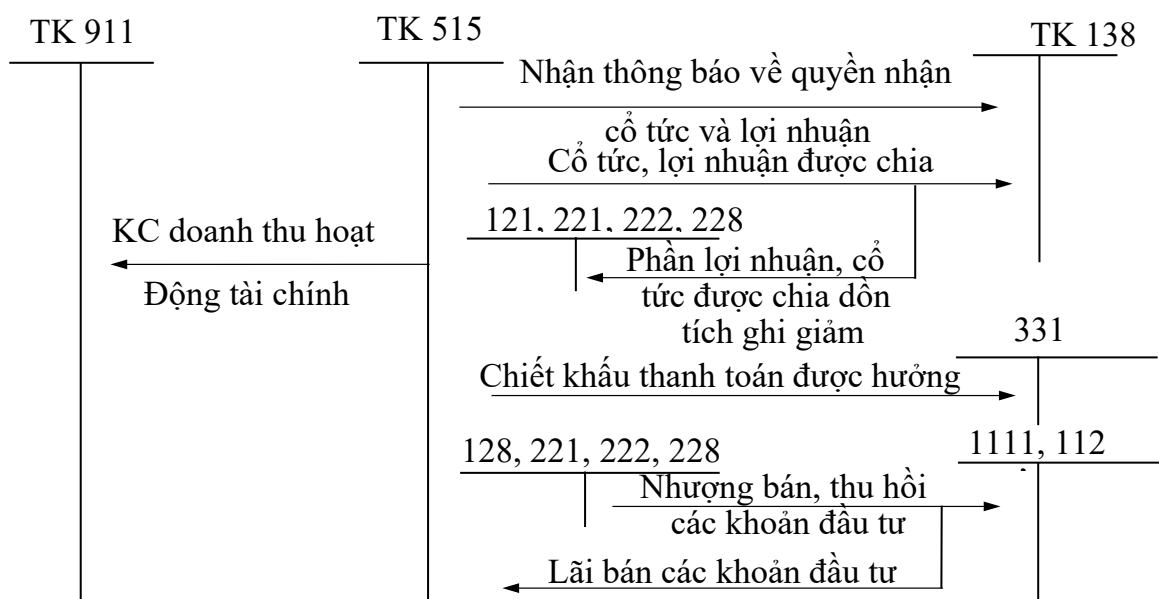
Kết cấu và nội dung của TK 515 theo Thông tư 133/2016/ TT-BTC.

- Bên Nợ:
 - + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
 - + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 (Xác định kết quả kinh doanh).

- Bên Có:

- + Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
- + TK 515 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3. Phương pháp kế toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.7. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.7. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

1.2.7.1. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Phiếu tính lãi tiền gửi, phiếu Thu, GBC, ...

1.2.7.2. Tài khoản sử dụng

- TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính: Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

Kết cấu và nội dung của TK 635 theo Thông tư 133/2016/ TT-BTC

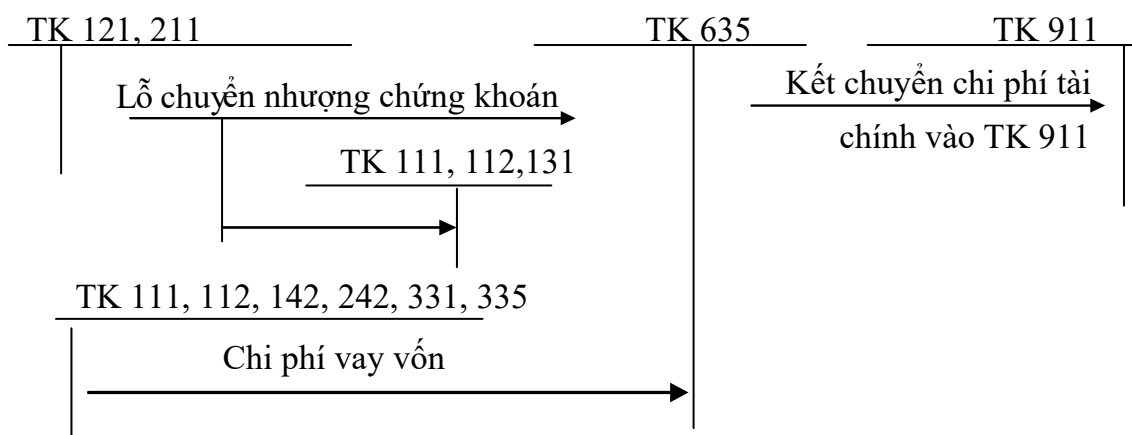
- Bên Nợ:

- + Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ;
- + Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).

- Bên Có:

- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- + Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính;
- + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- + TK 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.7.3. Phương pháp kế toán chi phí tài chính



Sơ đồ 1.8. Kế toán chi phí tài chính

1.2.8. Kế toán thu nhập khác

1.2.8.1. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng trong kế toán thu nhập khác
- + Hóa đơn bán hàng
- + Phiếu thu
- + GBC của ngân hàng
- + Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản.

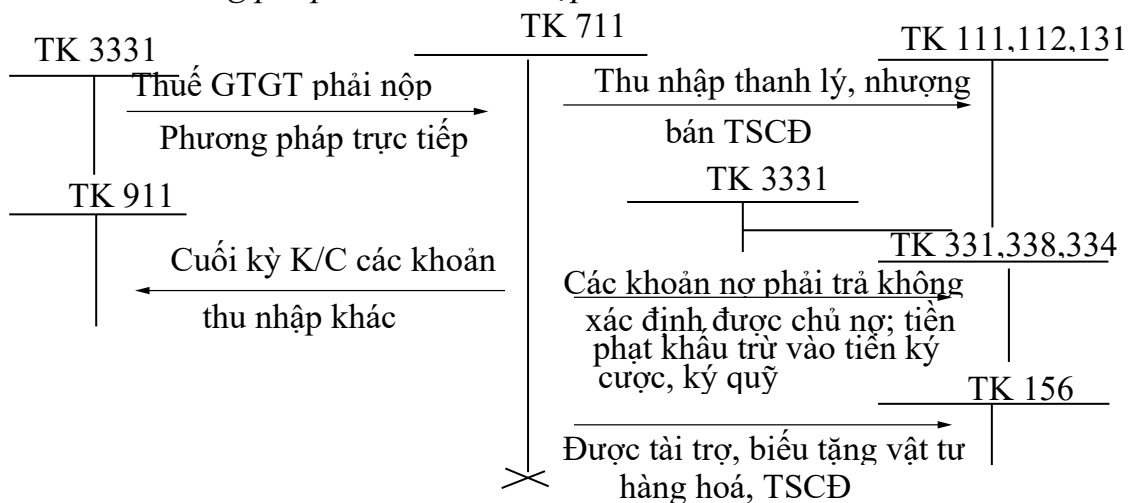
1.2.8.2. Tài khoản sử dụng

- TK 711 - Thu nhập khác: TK này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của DN.

Kết cấu và nội dung của TK 711 theo Thông tư 133/2016/ TT-BTC

- Bên Nợ
- + Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp
- + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 - Xác định Kết quả hoạt động kinh doanh.
- Bên Có:
- + Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- + TK 711 - Thu nhập khác không có số dư cuối kỳ.
- Các TK liên quan như: TK 111, TK 112, 1388...

1.2.8.3. Phương pháp kế toán thu nhập khác



Sơ đồ 1.9. Trình tự kế toán thu nhập khác

1.2.9. Kế toán chi phí khác

1.2.9.1. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng trong kế toán chi phí khác
- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu chi
- + GBN của ngân hàng
- + Biên bản xử lý TK thừa, thiếu
- + Biên lai thu thuế...

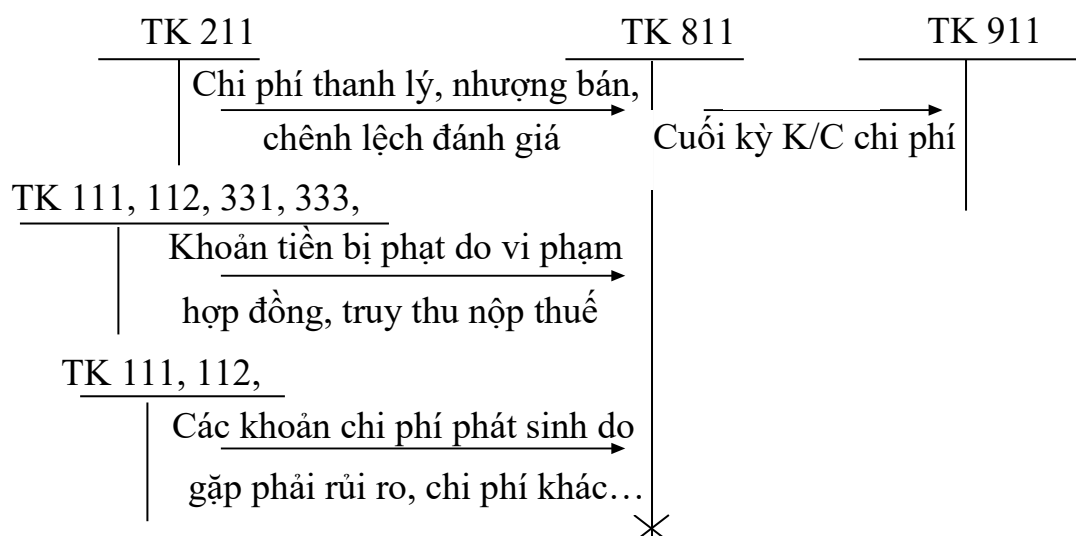
1.2.9.2. Tài khoản sử dụng

- TK 811 - Chi phí khác: TK phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của DN.

Kết cấu và nội dung của TK 811 theo Thông tư 133/2016/ TT-BTC

- Bên Nợ
 - + Các khoản chi phí khác phát sinh
- Bên Có
 - + Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 - Xác định Kết quả hoạt động kinh doanh
 - + TK 811 - Chi phí khác không có số cuối kỳ.
- Các TK liên quan như: TK 111, TK 112, 1388...

1.2.9.3. Phương pháp kế toán chi phí khác



Sơ đồ 1.10. Trình tự kế toán chi phí khác

1.2.10. Kế toán chi phí thuế thu nhập DN**1.2.10.1. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng**

- Tờ khai thuế
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước
- Ủy nhiệm chi

1.2.10.2. Tài khoản sử dụng

Chủ yếu sử dụng TK 821 – chi phí thuế thu nhập DN. TK 821 được chi tiết thành 2 TK cấp 2:

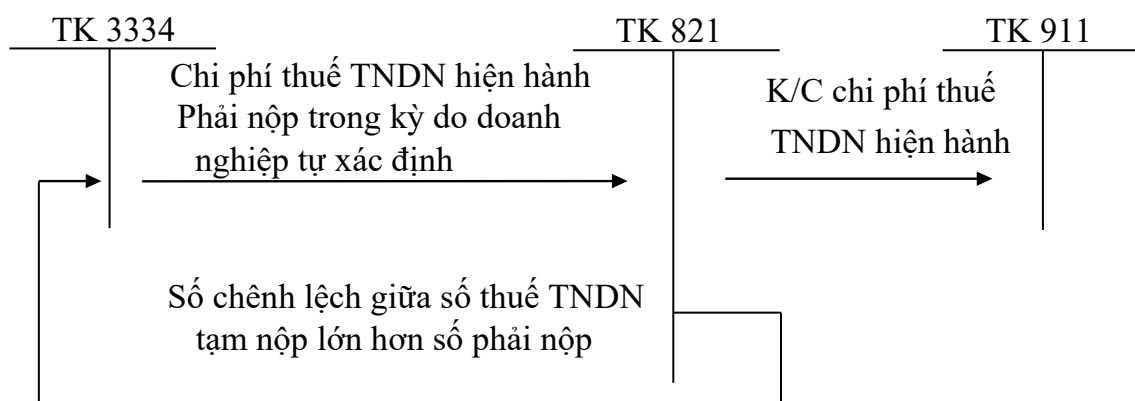
TK 8211 – chi phí thuế thu nhập DN hiện hành;

TK 8212 – chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại.

Kết cấu và nội dung của TK 821 theo TT133/2016/TT-BTC.

- Bên Nợ:
 - + Chi phí thuế thu nhập DN phát sinh trong năm.
 - + Thuế thu nhập DN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập DN của năm hiện tại.
- Bên Có:
 - + Số thuế thu nhập DN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập DN tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập DN đã ghi trong năm.
 - + Số thuế thu nhập DN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập DN trong năm hiện tại.
 - + Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập DN phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập DN trong năm vào TK 911 - Xác định Kết quả hoạt động kinh doanh.
 - + TK 821 - Chi phí thuế thu nhập DN không có số dư cuối kỳ.
 - + Các TK liên quan khác: TK 3334, 243, 347, ...

1.2.10.3. Phương pháp kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



Sơ đồ 1.11. Trình tự kế toán Chi phí thuế thu nhập DN

1.2.11. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.2.11.1. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

Xác định kết quả bán hàng là kết quả cuối cùng của quá trình bán hàng sau một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm) được biểu hiện bằng số tiền lãi hoặc lỗ.

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển các chi phí: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN vào bên nợ TK 911. Đồng thời kết chuyển các khoản doanh thu bán hàng vào bên có TK 911.

Cuối năm, kế toán tiến hành xác định kết quả bán hàng theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả bán hàng} \\ \text{hàng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{DTT về bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí bán} \\ \text{hàng và} \\ \text{QLDN} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{DT thuần về} \\ \text{CCDV} \end{array} = \begin{array}{l} \text{DT tiêu thụ sản phẩm} \\ \text{phẩm} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chiết khấu thương mại} \\ \text{mại} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giảm giá hàng bán} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Hàng bán bị trả lại} \\ \text{bán bị trả lại} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thuế gián thu (nếu có)} \\ \text{thu (nếu có)} \end{array}$$

Sổ sách sử dụng

Kế toán sử dụng các sổ sau: Sổ cái TK 911, Sổ chi tiết TK 911, Sổ nhật ký chung,...

1.2.11.2. Tài khoản sử dụng

Công ty hạch toán vào TK 911 - Xác định Kết quả hoạt động kinh doanh:

TK này dùng để phản ánh KQHDKD cuối kỳ của Công ty.

Kết cấu tài khoản 911 - Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

- Bên nợ:

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ đã bán
- + Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập DN và chi phí khác
- + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- + Kết chuyển lãi.

- Bên có:

+ DT thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ

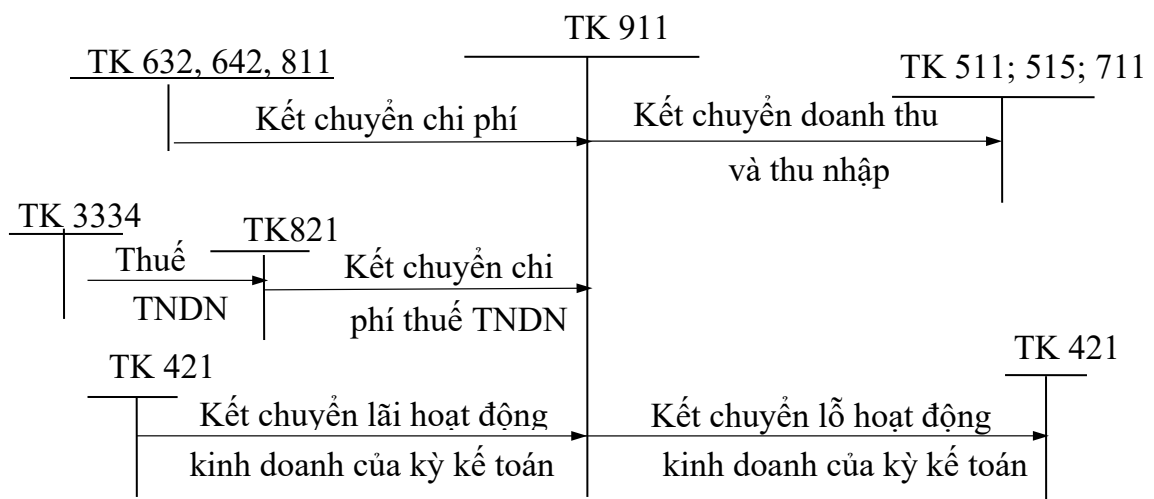
+ Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN

+ Kết chuyển lỗ.

TK 911 không có số dư cuối kỳ

1.2.11.3. Phương pháp kế toán Kết quả hoạt động kinh doanh

Sơ đồ 1.12. Trình tự hạch toán kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh



1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán sử dụng trong kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức ghi sổ kế toán Nhật ký chung bao gồm các loại sổ như sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết...

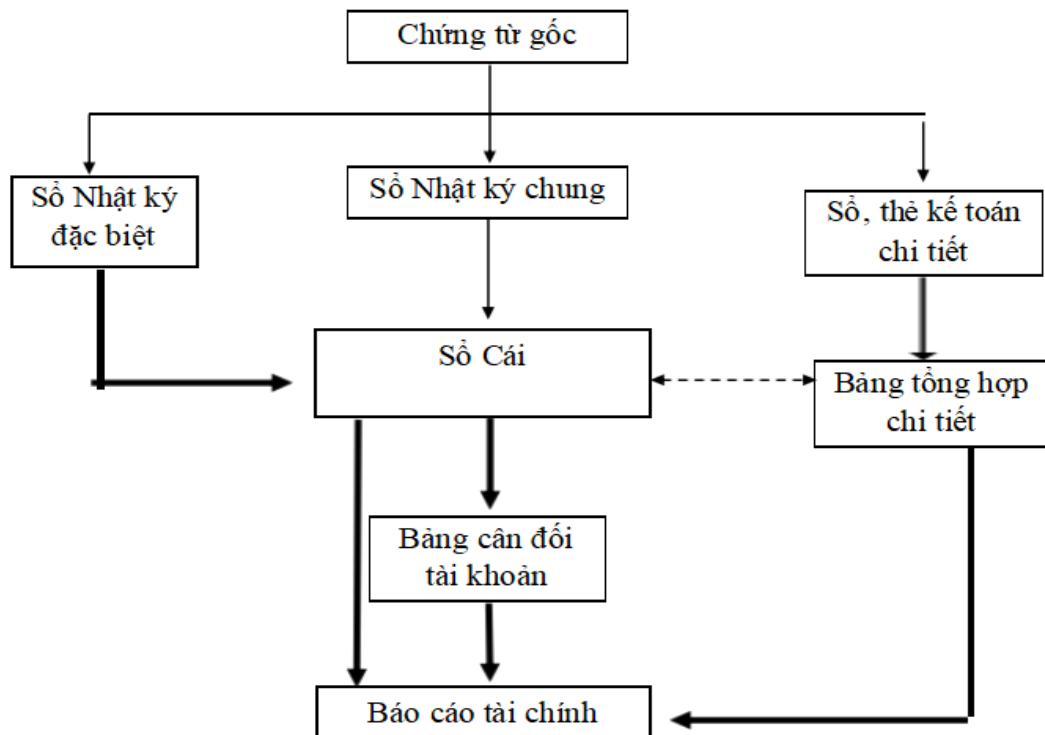
Ưu điểm:

- Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện
- Thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán
- Thuận tiện cho kiểm tra, đối chiếu ở mọi thời điểm trên sổ NKC vì vậy cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản lý.

Nhược điểm:

- Lượng ghi chép nhiều dễ gây trùng lặp.

Quy trình ghi sổ:



Sơ đồ 1.13. Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu kiểm tra

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái

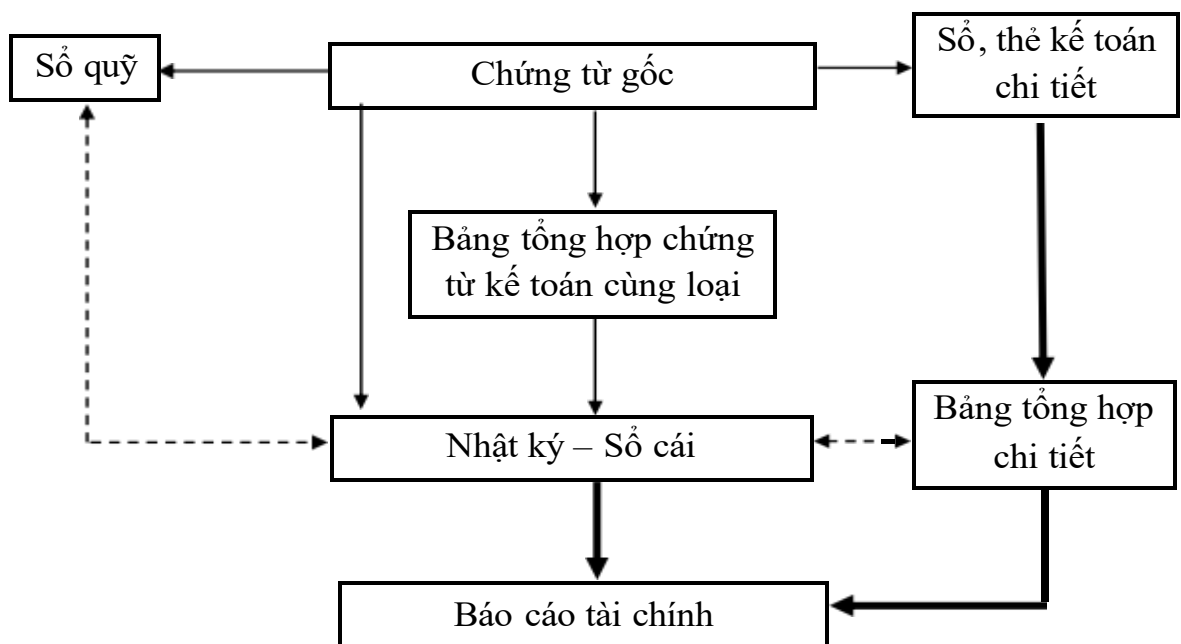
Đặc điểm cơ bản:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều được ghi vào Sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Sổ Nhật ký – sổ cái theo trình tự thời gian. Căn cứ vào Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp các chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết....

Quy trình ghi sổ:



Sơ đồ 1.14. Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký- Sổ cái

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Ưu điểm:

- Số lượng sổ ít, mẫu sổ đơn giản dễ ghi chép.
- Việc kiểm tra đối chiếu số liệu có thể thực hiện thường xuyên trên sổ Tổng hợp Nhật ký – sổ cái

Nhược điểm:

- Khó thực hiện việc phân công lao động kế toán (chỉ có duy nhất 1 sổ tổng hợp – Nhật ký sổ cái)
- Khó thực hiện đối với DN có quy mô vừa và lớn, phát sinh nhiều TK.

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ***Đặc điểm cơ bản:***

Các hoạt động kinh tế, tài chính được phản ánh trên chứng từ gốc đều được phân loại, tổng hợp, lập chứng từ ghi sổ rồi từ đó ghi vào các sổ tổng hợp liên quan. Tách rời việc ghi sổ theo thời gian với việc ghi sổ trên hệ thống trên hai hệ thống sổ kế toán riêng biệt: sổ cái các TK và sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tách rời ghi sổ kế toán tổng hợp với sổ kế toán chi tiết vào hai loại sổ kế toán riêng biệt.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết....

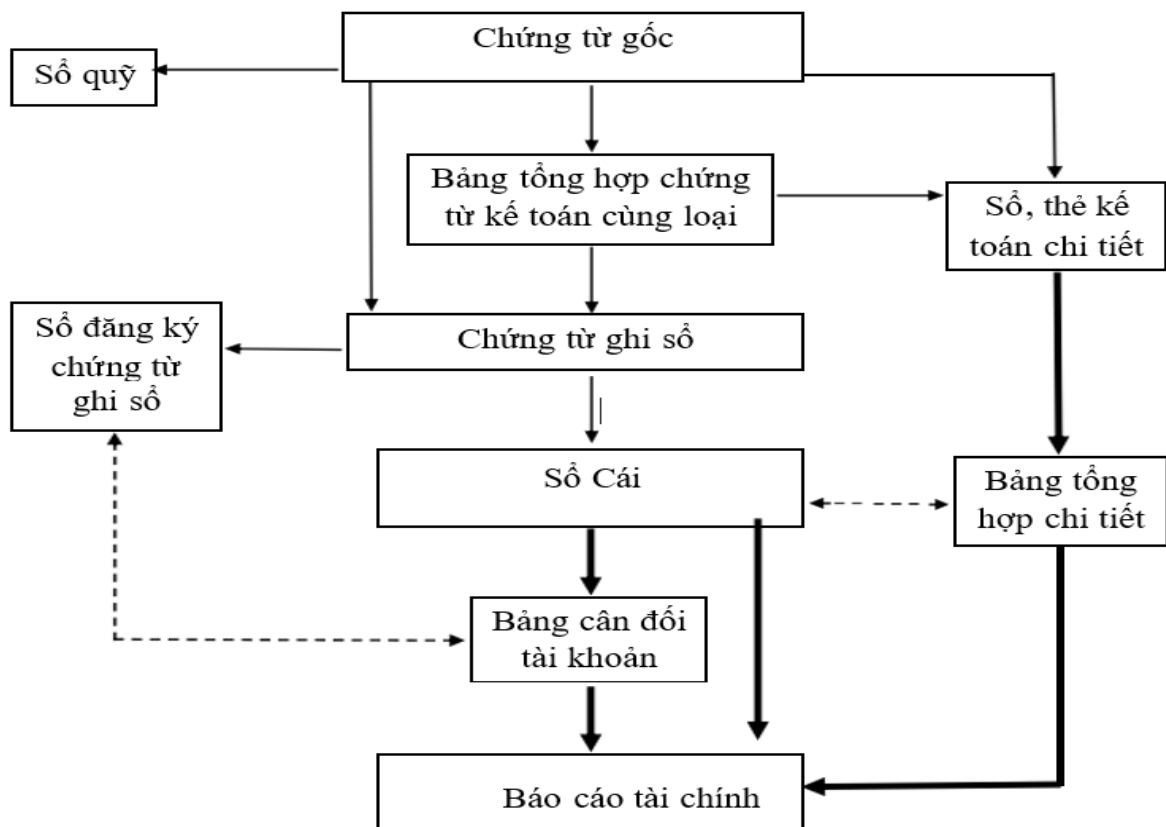
Ưu điểm:

- Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán

Nhược điểm:

- Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp.
- Việc kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện vào cuối tháng, vì vậy cung cấp thông tin thường chậm

Quy trình ghi sổ:



Sơ đồ 1.15. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ

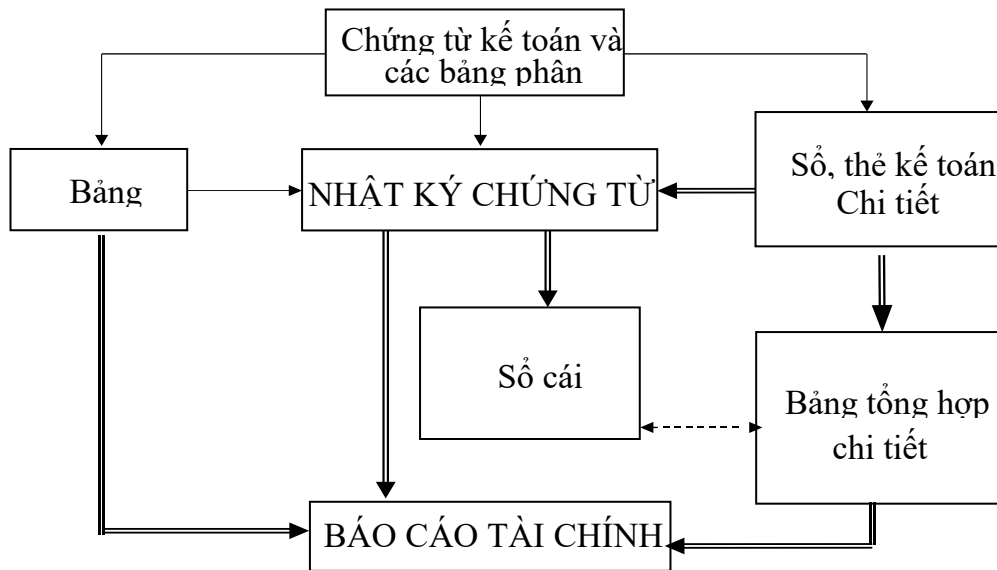
Đặc điểm cơ bản:

Đây là phương pháp tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, trong đó tập trung ghi nhận bên Có của các TK, đồng thời phân tích các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở bên Nợ của các TK đối ứng. Quá trình kế toán sẽ kết hợp một cách chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa chúng theo nội dung kinh tế trên từng TK. Phương pháp này cho phép kế toán thực hiện hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết đồng thời trên một loại sổ kế toán và trong cùng một giai đoạn ghi chép.

Các loại sổ của hình thức kế toán nhật ký – chứng từ:

- Nhật ký - chứng từ
- Bảng kê
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết....

Quy trình ghi sổ:



Sơ đồ 1.16. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====→ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Ưu điểm:

Hình thức Nhật ký chứng từ giúp doanh nghiệp dễ kiểm tra, đối chiếu. Kế toán có thể cung cấp thông tin một cách kịp thời và nhanh chóng.

Nhược điểm:

Hệ thống sổ sách của hình thức ghi sổ này rất phức tạp, đòi hỏi kế toán có trình độ chuyên môn cao.

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc điểm cơ bản:

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

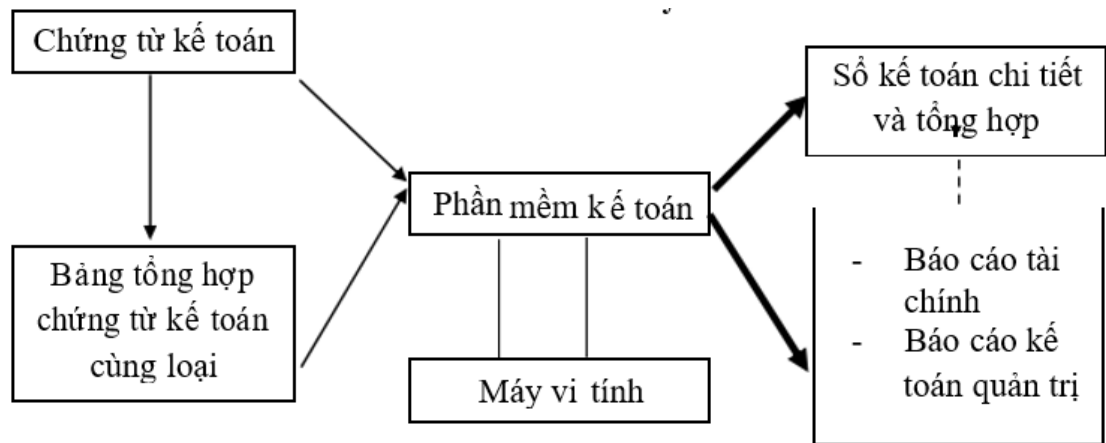
Ưu điểm:

- Tốc độ nhập và xử lý dữ liệu vào máy tính thực hiện ổn định và nhanh hơn hẳn so với hình thức kế toán thủ công.
- Thông tin dữ liệu khi cần thiết kế toán có thể tra cứu ngay lập tức và có thể gửi đi cho nhiều người cùng lúc.
- Hình thức kế toán trên máy vi tính không chỉ giảm thời gian nhân viên thực hiện nghiệp vụ mà còn giảm chi phí kiểm toán như hồ sơ gọn gàng, lên nhật và chính xác.

Nhược điểm

- Tính bảo mật thông tin không cao
- Chỉ đáp ứng về mặt sổ sách thông thường, khó đáp ứng được các phân tích thống kê mang tính quản trị.
- Chi phí vận hành cho hệ thống tương đối lớn. Bởi các phần mềm luôn liên tục cập nhật định kỳ, DN sẽ phải trả thêm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp ngoài chi phí mua ban đầu.

Quy trình ghi sổ:



Sơ đồ 1.17. Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán trên máy tính

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Chương 2**THỰC TRẠNG KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT****2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển***** Khái quát chung về Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát**

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát được thành lập và hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2700282755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp ngày 19 tháng 02 năm 2005. Đây là một tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân rõ ràng, thực hiện hạch toán kế toán một cách độc lập, tự chủ về mặt tài chính, đồng thời sở hữu TK ngân hàng và con dấu riêng biệt. Công ty mang những đặc điểm cơ bản sau đây:

Tên Công ty: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát

Tên giao dịch quốc tế: VINH PHAT COMPANY LIMITED

Email: vinhphatcompany.nb@gmail.com

SĐT: 02293623050 Fax: 02293890919

Công ty được thành lập ngày 19 tháng 2 năm 2005 theo Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp.

Người đại diện là: Bà Đinh Thị Ngoãn; Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Đông Thành, Thành phố Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mã số thuế: 2700282755

Số tài khoản: 117002636888

Nơi mở tài khoản : Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Ninh Bình.

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)

Ngành nghề kinh doanh: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát là Công ty chuyên kinh doanh các loại thép, tôn, thép thanh nhôm tĩnh điện, ống thép hộp mạ kẽm, thép ống, tôn mạ màu,... phục vụ nhu cầu xây dựng, lắp đặt trong tỉnh Ninh Bình và các tỉnh lân cận.

*** Tổng quan quá trình hình thành và phát triển:**

Với hơn 20 năm hình thành và phát triển, hòa nhịp cùng nền kinh tế nhiều thành phần trong bối cảnh chuyển đổi sang kinh tế thị trường, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát đã không ngừng vươn lên, thích nghi với xu thế phát triển của đất nước. Công ty được thành lập trong giai đoạn đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thời điểm mà nhiều doanh nghiệp tư nhân mới ra đời, còn thiếu kinh nghiệm trong việc phát triển và quản trị. Giai đoạn đầu khởi nghiệp, Công ty phải đối mặt với không ít thách thức như cơ sở vật chất hạn chế, bộ máy quản lý chưa hoàn thiện, nhân sự ít và trình độ chuyên môn còn yếu. Do đó, ưu tiên hàng đầu của Công ty trong giai đoạn này là tập trung xây dựng và hoàn thiện bộ máy quản lý, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động quảng bá để xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp uy tín và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài.

Qua các giai đoạn kế tiếp, nhờ sự nỗ lực không ngừng của Ban giám đốc cùng đội ngũ cán bộ, nhân viên, Công ty đã đổi mới toàn diện trên mọi khía cạnh. Công ty chú trọng đầu tư vào việc tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự có trình độ cao, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn và áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại nhằm đáp ứng tốt hơn các yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Công ty đã mở rộng danh mục sản phẩm, bao gồm nhiều mặt hàng được sản xuất tại địa phương và các tỉnh lân cận, mang đến sự đa dạng trong lựa chọn cho khách hàng. Hiện tại, Công ty sở hữu một trụ sở chính, hai kho hàng được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu quản lý và lưu trữ hàng hóa, cùng với đội ngũ xe tải gồm 5 chiếc có trọng tải từ 2,5 tấn trở lên. Bên cạnh đó, Công ty luôn đặt tiêu chí giữ chữ tín với khách hàng làm kim chỉ nam trong mọi hoạt động kinh doanh, không ngừng mở rộng quan hệ đối tác và cạnh tranh lành mạnh để xây dựng vị thế vững chắc trên thị trường. Với những nỗ lực và kết quả đạt được, Công ty luôn không ngừng sáng tạo và phát triển nhằm mang lại cho khách hàng những sản phẩm hoàn thiện nhất với phương châm: “An toàn – năng suất – chất lượng – hiệu quả”. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát từng bước khẳng định uy tín và thương hiệu, đồng thời mở rộng hoạt động kinh doanh cùng với sự gia tăng đáng kể về lợi nhuận so với thời kỳ đầu mới thành lập.

*** Các giai đoạn phát triển chủ yếu:**

Giai đoạn hình thành và phát triển ban đầu (2005 – 2014)

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát được thành lập ngày 19 tháng 02 năm 2005 theo giấy phép kinh doanh số 2700282755 do Sở Kế hoạch

và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp cấp với số vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).

Trong giai đoạn đầu hoạt động, do vốn còn hạn chế và kinh nghiệm điều hành chưa nhiều nên doanh thu những năm đầu chưa cao, số lượng sản phẩm kinh doanh còn ít, chủ yếu tập trung vào một số mặt hàng thép xây dựng và tôn lợp cơ bản phục vụ nhu cầu dân dụng.

Tập khách hàng chủ yếu trong giai đoạn này là các đơn vị đơn vị xây dựng nhỏ, cửa hàng vật liệu xây dựng và một số khách lẻ trên địa bàn Ninh Bình. Thị trường tiêu thụ còn hẹp và mang tính ổn định là chính.

Giai đoạn phát triển và mở rộng (2015 – 2020)

Từ năm 2015, công ty từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, mở rộng danh mục hàng hóa, đồng thời tăng cường phát triển thương hiệu. Nhờ đó, lượng khách hàng ngày càng tăng và thị trường tiêu thụ mở rộng ra ngoài khu vực Thành phố Ninh Bình đến các vùng lân cận.

Doanh thu trong giai đoạn này có xu hướng tăng trưởng đều đặn hàng năm. Sản phẩm được cung cấp đa dạng hơn, ngoài các loại tôn thép truyền thống còn bao gồm nhiều loại thép hình, thép hộp, tôn mạ màu, tôn lạnh.... Công ty cũng bắt đầu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và cải thiện quy trình làm việc.

Giai đoạn ổn định và khẳng định vị thế (2020 – nay)

Từ năm 2020 đến nay, dù chịu tác động của tình hình kinh tế chung và xu hướng biến động giá nguyên vật liệu, công ty vẫn duy trì tăng trưởng ổn định.

Vĩnh Phát đã thiết lập được hệ thống khách hàng trung thành, uy tín doanh nghiệp ngày càng được nâng cao. Danh mục sản phẩm tiếp tục được mở rộng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường xây dựng và công nghiệp.

Công ty cũng đầu tư vào đào tạo nhân sự, cải thiện môi trường làm việc, tạo điều kiện cho nhân viên phát triển chuyên môn và nâng cao đời sống.

Công ty đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, giành được nhiều giải thưởng cao trong lĩnh vực của mình, nhận được nhiều bằng khen, giấy chứng nhận của thành phố Ninh Bình ở mức hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

*** Các thành tựu, kết quả chủ yếu đã đạt được từ khi thành lập đến nay:**

(Nguồn: Tại xưởng của Công ty)



Hình 2.1. Xưởng của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát

Đẩy mạnh các phong trào thi đua nội bộ cùng chính sách ưu đãi nhằm khích lệ tinh thần làm việc của cán bộ, nhân viên. Điều này bao gồm việc khen thưởng nhân viên đạt doanh số cao hàng tháng, hỗ trợ những lao động có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức đào tạo hàng tuần nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

Xây dựng được lòng tin vững chắc từ phía khách hàng và các đối tác trong tỉnh cũng như tại nhiều khu vực lân cận.

*** Định hướng phát triển của Công ty trong tương lai:**

Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp với chuyên môn cao thông qua quá trình đào tạo và phát triển dài hạn.

Mở rộng mạng lưới kinh doanh, gia tăng thị phần trên thị trường. Đồng thời, đa dạng hóa danh mục sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu khách hàng ngày càng phong phú.

Ra mắt các sản phẩm và dịch vụ mới; thúc đẩy cải tiến công nghệ; tiên phong định hình xu hướng trong ngành và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Trong đó, đặc biệt chú trọng việc giảm tác động đến môi trường, đảm bảo công bằng xã hội, tạo giá trị tích cực cho cộng đồng và thực hiện kinh doanh có trách nhiệm với xã hội.

Nâng cao uy tín thương hiệu, thúc đẩy quảng bá và khẳng định hình ảnh chuyên nghiệp của Công ty trên mọi lĩnh vực hoạt động.

Với định hướng rõ ràng và sự quyết tâm của toàn thể Công ty, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát đang hướng tới một tương lai phát triển mạnh mẽ và bền vững hơn nữa.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh

➤ Chức năng

Hiện nay Công ty là một trong những Công ty chuyên sản xuất và bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, vật tư đi kèm theo ngành nghề đăng ký có uy tín rộng khắp tỉnh Ninh Bình và các địa phương lân cận.

➤ Nhiệm vụ

Mở rộng liên kết với nhiều doanh nghiệp, tăng cường hợp tác, góp phần tích cực trong việc mua bán hàng hoá.

Đảm bảo công ăn việc làm, ổn định thu nhập, quan tâm đến chế độ, lợi ích chính đáng cho nhân viên của Công ty.

Thực hiện đúng quy định của Nhà nước, kinh doanh đúng ngành nghề đăng ký và thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước.

❖ Quy trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát

➤ Quy trình mua hàng tại Công ty

Bước 1: Thủ kho căn cứ vào bảng tồn kho hàng hóa lập giấy yêu cầu mua hàng. Khi nhận được yêu cầu mua hàng, kế toán tiến hành lập “Đề nghị báo giá” gửi các nhà cung cấp, nhằm đáp ứng được các điều kiện các hàng hóa yêu cầu trước đó. Kế toán theo dõi và so sánh báo giá của các nhà cung cấp có đủ khả năng đáp ứng tốt nhất các tiêu chí và điều kiện đã xây dựng của công ty hay không. Sau khi lựa chọn được nhà cung cấp, kế toán sẽ trình báo giá lên cấp có thẩm quyền để phê duyệt

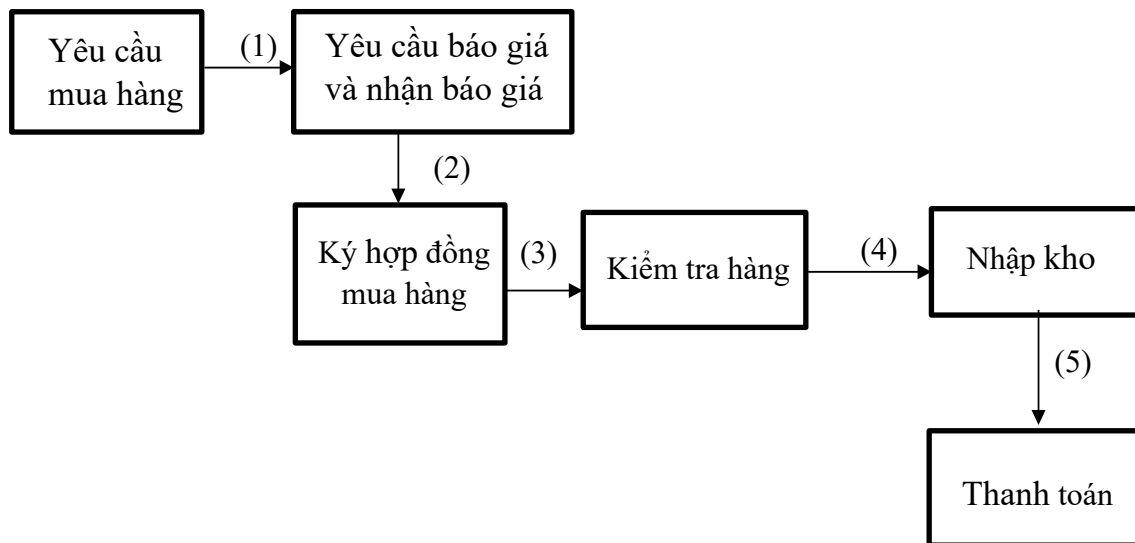
Bước 2: Sau khi phê duyệt báo giá thì tiến hành lập hợp đồng mua hàng với nhà cung , trên hợp đồng bao gồm thông tin của báo giá, điều khoản thanh toán cũng như lịch giao hàng và gửi hợp đồng mua hàng cho phía nhà cung cấp và thực hiện ký kết giữa hai bên. Sau đó chuyển hợp đồng mua hàng cho các bộ phận liên quan theo dõi. Từ đó, kế toán có thể căn cứ thanh toán hay theo dõi công nợ. Bên cạnh đó, bộ phận kho sẽ theo dõi quá trình nhập hàng về kho.

Bước 3: Khi hàng hóa được vận chuyển đến kho. Các thông tin trên hợp đồng mua hàng như: quy cách, số lượng, đơn giá, ... sẽ là căn cứ để bộ phận kiểm tra. Đối với các mặt hàng không đạt chuẩn Thủ kho thực hiện các quy trình trả lại cho phía nhà cung cấp. Sau khi tiến hành kiểm tra, các hàng hóa đạt tiêu chuẩn sẽ được tiến hành nhập kho. Sau khi đã nhập kho hàng hóa, kế toán sẽ nhập số lượng và phòng mua hàng sẽ bổ sung thêm thông tin về giá.

Bước 4: Sau khi tiến hành kiểm tra, các hàng hóa đạt tiêu chuẩn sẽ được tiến hành nhập kho. Sau khi đã nhập kho hàng hóa, kế toán sẽ nhập số lượng và phòng mua hàng sẽ bổ sung thêm thông tin về giá.

Bước 5: Phòng kế toán căn cứ vào các điều khoản trên hợp đồng và các loại giấy tờ liên quan, lập bộ hồ sơ thanh toán. Nếu đã hợp lệ thì sẽ tiến hành thanh toán cho phía nhà cung cấp.

Sơ đồ quy trình mua hàng của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát được thể hiện qua sơ đồ sau:



(Nguồn: Phòng Kế toán)

Sơ đồ 2.1. Quy trình hoạt động mua hàng tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát

➤ Quy trình bán hàng tại Công ty

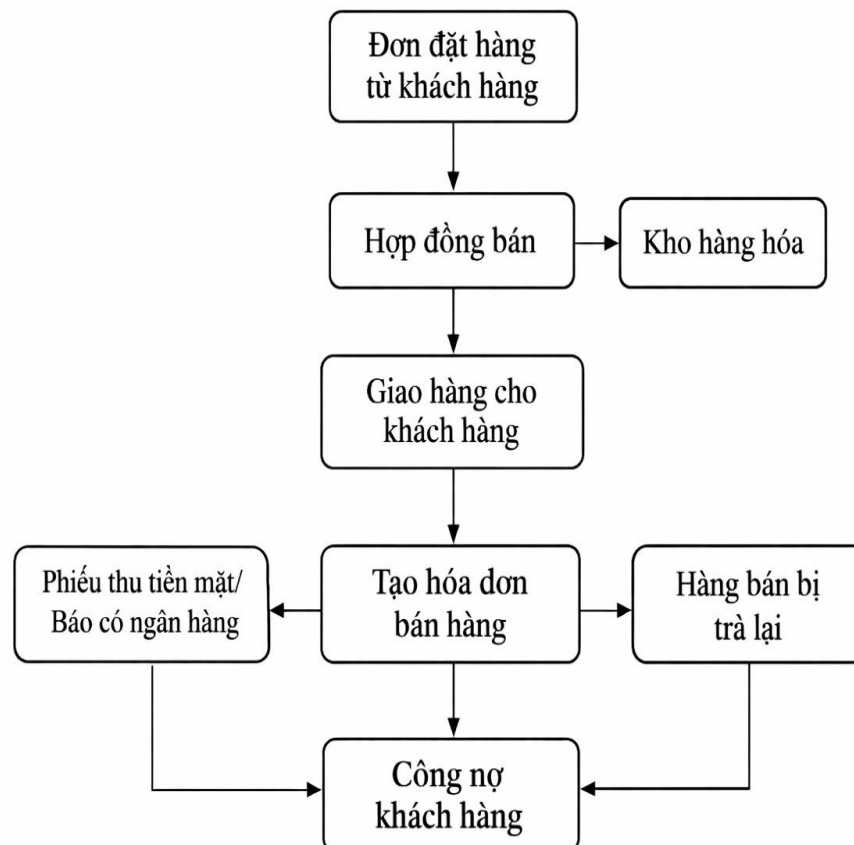
Bước 1: Căn cứ vào các đơn đặt hàng, phòng kinh doanh xác nhận và đưa bảng giá đến với khách hàng. Công ty luôn dựa theo nhu cầu, thị trường để điều chỉnh giá cả sao cho phù hợp lẫn về doanh thu nhưng vẫn đảm bảo hài lòng khách hàng.

Bước 2: Công ty lập hợp đồng mua bán và luôn chi tiết, rõ ràng trong từng khoản mục trong hợp đồng mua bán, hạn chế các rủi ro như thất thoát, thiếu hụt hàng hóa hay những yếu tố khách quan tác động xấu tới sản phẩm khi tới tay khách hàng. Ban lãnh đạo luôn chú trọng trong khâu quản lý chất lượng sản phẩm, giá cả hàng hóa phù hợp với thị trường.

Bước 3: Giao hàng cho khách hàng kiểm tra và nhận hàng.

Bước 4: Sau khi hoàn tất các thủ tục trên, dựa theo điều khoản đã ghi nhận trên hợp đồng, kế toán thực hiện lập hóa đơn bán hàng và được lưu chuyển đến các bộ phận kế toán, bộ phận điều hành, bộ phận kho để theo dõi và thực hiện. Bộ phận kế toán giữ trách nhiệm ghi nhận các nghiệp vụ, lưu giữ chứng từ liên quan đến hợp đồng bán hàng.

Sơ đồ quy trình bán hàng của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát được thể hiện qua sơ đồ sau:



(Nguồn: Phòng Kế toán)

Sơ đồ 2.2. Quy trình hoạt động bán hàng tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát

2.1.3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh trong những năm gần đây

Bảng 2.1. Tình hình tài chính và kinh doanh tại Công ty trong 3 năm 2023, 2024, 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	So sánh 2024/2023		So sánh 2025/2024	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Chênh lệch	%	Chênh lệch	%
1. Tổng tài sản	45.576.898.323	57.082.744.911	52.661.705.301	11.505.846.588	25,24%	-4.421.039.610	-7,74%
2. Vốn chủ sở hữu	32.534.310.636	33.178.441.411	33.885.482.064	644.130.775	1,98%	707.040.653	2,13%
3. Nợ phải trả	18.042.587.687	27.604.303.500	22.576.080.710	9.561.715.813	53,00%	-5.028.222.790	-18,22%
4. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	183.220.705.795	263.220.705.795	222.957.191.537	80.000.000.000	43,66%	-40.263.514.258	-15,30%
5. Giá vốn hàng bán	176.687.685.862	256.876.858.625	217.078.912.997	80.189.172.763	45,38%	-39.797.945.628	-15,49%
6. LN về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.533.019.933	6.343.847.170	5.878.278.540	-189.172.763	-2,90%	-465.568.630	-7,34%
7. Doanh thu hoạt động tài chính	834.236.511	1.234.236.511	454.380.517	400.000.000	47,95%	-779.855.994	-63,19%
8. Chi phí tài chính	1.569.874.553	569.874.553	829.663.157	-1.000.000.000	-63,70%	259.788.604	45,59%
9. Chi phí quản lý kinh doanh	3.878.807.713	6.278.807.713	4.805.547.027	2.400.000.000	61,87%	-1.473.260.686	-23,46%
10. LNT từ hoạt động kinh doanh	1.918.574.178	729.401.415	697.448.873	-1.189.172.763	-61,98%	-31.952.542	-4,38%
11. Thu nhập khác	4.821.744	1.821.744	656.816	-3.000.000	-62,22%	-1.164.928	-63,95%
12. Chi phí khác	168.374	68.374	419.988	-100.000	-59,39%	351.614	514,25%
13. Lợi nhuận khác	4.653.370	1.753.370	236.828	-2.900.000	-62,32%	-1.516.542	-86,49%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.923.227.548	731.154.785	697.685.701	-1.192.072.763	-61,98%	-33.469.084	-4,58%
15. Số lao động	24	28	27	4	16,67%	-1	-3,57%
16. Thu nhập bình quân (VND/ người/ tháng)	4.939.250	5.102.679	5.053.704	163.429	3,31%	-48.975	-0,96%

(Nguồn: Phòng kế toán)

Thông qua bảng số liệu nêu trên, có thể nhận thấy tình hình kinh doanh và tài chính của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát trong giai đoạn 2023-2025 gặp phải không ít thách thức.

Cụ thể: Tổng tài sản của doanh nghiệp trong năm 2024 đã tăng 25,24%, đạt mức 57,08 tỷ đồng, cho thấy một chiến lược mở rộng quy mô tài sản nhằm hỗ trợ cho sự bứt phá mạnh mẽ về doanh thu. Tuy nhiên, đến năm 2025, tổng tài sản giảm 7,74%, xuống còn 52,66 tỷ đồng. Đây là dấu hiệu tích cực, phản ánh nỗ lực của doanh nghiệp trong việc thanh lý các tài sản kém hiệu quả, thu hồi công nợ và tối ưu hóa cơ cấu vốn.

Vốn chủ sở hữu tiếp tục xu hướng gia tăng qua các năm, từ 32,53 tỷ đồng (2023) lên 33,18 tỷ đồng (2024) và đạt 33,89 tỷ đồng (2025), với mức tăng trưởng lần lượt 1,98% và 2,13%. Sự tăng cường nền tảng vốn chủ đã giúp doanh nghiệp củng cố khả năng tự chủ tài chính, đồng thời giảm sự phụ thuộc vào nợ vay. Nợ phải trả năm 2024 ghi nhận mức tăng đáng kể 53%, lên tới 27,60 tỷ đồng, như một phần của chiến lược tài trợ cho giai đoạn tăng trưởng nóng. Tuy nhiên, đến năm 2025, khoản nợ này đã giảm 18,22%, còn 22,58 tỷ đồng. Sự giảm sút này cho thấy doanh nghiệp chủ động hoàn trả nợ vay, giảm áp lực tài chính từ lãi suất và cải thiện cơ cấu vốn. Tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu năm 2025 chỉ còn 0,67 lần, nằm ở ngưỡng an toàn dưới mức 1. Điều này phản ánh bức tranh tài chính lành mạnh của doanh nghiệp với mức độ rủi ro thanh khoản thấp và khả năng chống chịu tài chính ổn định.

Tiếp theo, nhìn vào chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, chúng ta thấy Công ty đã đạt được sự tăng trưởng rất ấn tượng trong năm 2024 khi doanh thu tăng từ 183,22 tỷ đồng lên 263,22 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 43,66%. Đây là minh chứng rõ nét cho hiệu quả của chiến lược mở rộng thị trường và tiếp cận khách hàng mà ban lãnh đạo đã triển khai. Mặc dù sang năm 2025, doanh thu có giảm nhẹ 15,30% xuống còn 222,96 tỷ đồng do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế chung, nhưng so với năm 2023 thì con số này vẫn cao hơn đáng kể. Điều này chứng tỏ nền tảng khách hàng và vị thế thương hiệu của Công ty được duy trì vững chắc, tạo tiền đề để bứt phá khi nền kinh tế phục hồi.

Về giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp, mặc dù năm 2024 giá vốn tăng 45,38% cao hơn một chút so với tốc độ tăng doanh thu 43,66%, Công ty vẫn duy trì được lợi nhuận gộp dương ở mức 6.344 triệu đồng. Đáng chú ý hơn,

trong năm 2025, giá vốn giảm với tỷ lệ 15,49% trong khi doanh thu giảm 15,30%, tức là giá vốn giảm nhanh hơn doanh thu. Nhờ đó, biên lợi nhuận gộp đã được cải thiện từ 2,41% năm 2024 lên 2,64% năm 2025. Đây là tín hiệu rất tích cực cho thấy Công ty đã kịp thời đàm phán lại với nhà cung cấp, tối ưu hóa quy trình sản xuất và thay đổi cơ cấu hàng bán, qua đó kiểm soát chi phí đầu vào tốt hơn ngay cả khi thị trường khó khăn.

Điểm đáng chú ý nhất là chi phí quản lý kinh doanh – chỉ tiêu gộp cả chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Năm 2024, chi phí này tăng vọt 61,87% lên 6.279 triệu đồng, cao hơn đáng kể so với mức tăng doanh thu. Tuy nhiên, dưới góc nhìn có lợi cho doanh nghiệp, đây không phải là dấu hiệu xấu mà chính là hệ quả của việc Công ty chủ động đầu tư mạnh cho bộ máy bán hàng, mở rộng quản lý để hỗ trợ cho giai đoạn tăng trưởng nóng. Và quan trọng là sang năm 2025, khi thị trường suy thoái, Công ty đã lập tức tái cấu trúc, cắt giảm 23,46% chi phí này (tiết kiệm gần 1.473 triệu đồng), đưa tỷ lệ chi phí trên doanh thu từ 2,39% xuống còn 2,16% – một mức rất hợp lý, nằm trong khoảng tối ưu của doanh nghiệp cùng quy mô. Sự linh hoạt trong điều chỉnh chi phí nói lên sự lãnh đạo sáng suốt của ban quản lý doanh nghiệp.

Nhờ những nỗ lực kiểm soát chi phí nói trên, dù lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2024 giảm sâu 61,98% xuống 729 triệu đồng, nhưng sang năm 2025, khi doanh thu giảm 15,3%, mức giảm của lợi nhuận kinh doanh chỉ còn 4,38% (từ 729 xuống 697 triệu đồng). Đây là một kết quả rất ấn tượng, phản ánh đúng hiệu ứng của việc cắt giảm chi phí kịp thời. Lợi nhuận khác tuy nhỏ và giảm dần qua các năm, nhưng điều đó lại cho thấy Công ty không phụ thuộc vào các khoản thu nhập bất thường, hoạt động cốt lõi vẫn là nguồn lợi nhuận chính.

Số lao động: Việc doanh nghiệp tăng 4 lao động vào năm 2024 phản ánh sự chủ động mở rộng quy mô để theo kịp đà tăng trưởng doanh thu 43%, cho thấy tầm nhìn linh hoạt. Sang năm 2025, cắt giảm nhẹ 1 lao động giúp tinh gọn bộ máy, tiết kiệm chi phí quản lý 23% trong bối cảnh kinh doanh khó khăn, qua đó bảo vệ biên lợi nhuận tốt hơn.

Thu nhập bình quân: Doanh nghiệp duy trì thu nhập ổn định quanh mức 5 triệu/người/tháng, năm 2024 chỉ tăng nhẹ 3,31% và năm 2025 giảm chưa đến 1% dù doanh thu giảm 15%. Điều đó thể hiện chính sách lương thận trọng, vừa đảm bảo đời sống người lao động không bị ảnh hưởng lớn khi khó khăn, vừa

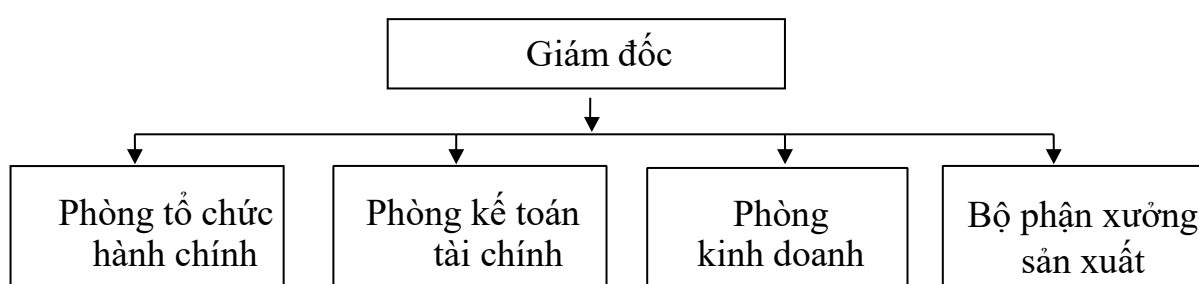
kiểm soát chặt quỹ lương, tránh gây áp lực chi phí khi hiệu quả kinh doanh chưa thực sự bền vững.

Từ phân tích KQHDKD qua ba năm cho thấy, so với giai đoạn trước (năm 2023 và 2024), tình hình kinh doanh đã sụt giảm chủ yếu do tác động từ bối cảnh chung của nền kinh tế suy thoái. Tuy nhiên, điều đáng khích lệ là lợi nhuận trước thuế vẫn dương và thể hiện sự chuẩn bị tốt của Công ty để đối mặt với khó khăn. Để cải thiện hiệu quả kinh doanh khi nền kinh tế phục hồi về trạng thái bình thường mới, Công ty cần tập trung nghiên cứu các chiến lược phát triển dài hạn và nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý

* *Mô hình tổ chức bộ máy*

Tổ chức bộ máy của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát theo sơ đồ như sau:



(Nguồn: Phòng Tổ chức - Hành chính)

Sơ đồ 2.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát

* *Chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của các phòng, ban*

Giám đốc: Là người nắm quyền cao nhất trong Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Là đại diện pháp nhân của Công ty trong việc ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa. Đồng thời, trực tiếp chỉ đạo và điều hành mọi hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Công ty.

Phòng Tổ chức - Hành chính: Hỗ trợ Giám đốc trong công tác quản lý hành chính, tổ chức nhân sự, tuyển dụng lao động, phân bổ nguồn lực, thực hiện các chính sách tiền lương và phúc lợi dành cho cán bộ, nhân viên theo quy định của Nhà nước và quy chế nội bộ.

Phòng Kế toán - Tài chính: Chịu trách nhiệm tham mưu cho Giám đốc

về công tác kế toán, quản lý tài chính và tài sản của Công ty. Theo dõi tình hình kinh doanh, lập hóa đơn bán hàng (bao gồm hóa đơn giá trị gia tăng), xác định Kết quả hoạt động kinh doanh. Đồng thời, xây dựng kế hoạch tài chính, dự toán ngân sách hợp lý, cũng như phương án vay và sử dụng vốn hiệu quả.

Phòng Kinh doanh: Thực hiện nghiên cứu thị trường, tìm kiếm đối tác và hỗ trợ Giám đốc trong việc tổ chức các buổi đàm phán và ký kết hợp đồng. Quản lý, giám sát quá trình thực hiện hợp đồng và báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Đưa ra các đề xuất liên quan đến chiến lược sản xuất, kinh doanh nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động. Đồng thời, chịu trách nhiệm chào hàng, mua bán, ký gửi và tối ưu hóa chi phí bằng cách tìm kiếm các nhà cung cấp phù hợp về giá cả và chất lượng. Ngoài ra, phòng Kinh doanh còn đảm nhiệm việc quản lý hợp đồng kinh tế cùng các văn bản thanh lý hợp đồng.

Bộ phận xưởng sản xuất: Triển khai hoạt động sản xuất theo kế hoạch đã phân công giữa các tổ để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ đúng hạn. Thực hiện nghiêm túc các nội quy lao động được quy định bởi pháp luật và Công ty. Đảm bảo an toàn lao động và thực hiện đầy đủ các quyền lợi hợp pháp của người lao động như lương, thưởng, trợ cấp và bảo hiểm.

Trong quá trình vận hành kinh doanh, tất cả phòng ban và bộ phận trong Công ty luôn phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau nhằm hướng đến mục tiêu chung là hoàn thành nhiệm vụ chung của doanh nghiệp.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

- **Tổ chức bộ máy kế toán**

Căn cứ vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty là hoạt động với quy mô vừa và nhỏ, số lượng kế toán không nhiều nên bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung. Phòng kế toán chịu trách nhiệm toàn bộ công tác kế toán, thống kê, tài chính trong công ty. Mỗi nhân viên trong phòng kế toán đảm nhiệm 1 phần việc cụ thể như sau:

Kế toán trưởng: Đây là người chịu trách nhiệm cao nhất trong bộ phận kế toán. Vai trò chính bao gồm phân tích thông tin và số liệu tài chính, đồng thời tham mưu cho Giám đốc về chiến lược tài chính và định hướng phát triển của Công ty. Kế toán trưởng điều hành toàn bộ hệ thống kế toán, tổ chức kiểm tra, hướng dẫn công việc chuyên môn cho các nhân viên kế toán và phân công nhiệm vụ cụ thể. Người này cũng trực tiếp xác định KQHDKD dựa trên các báo cáo thu-chi từ kế toán thanh toán kiêm kế toán công nợ và đảm bảo lập,

nộp báo cáo tài chính đúng hạn theo quy định. Bên cạnh đó, kế toán trưởng phụ trách làm việc với các cơ quan chức năng liên quan đến hoạt động kế toán của Công ty.

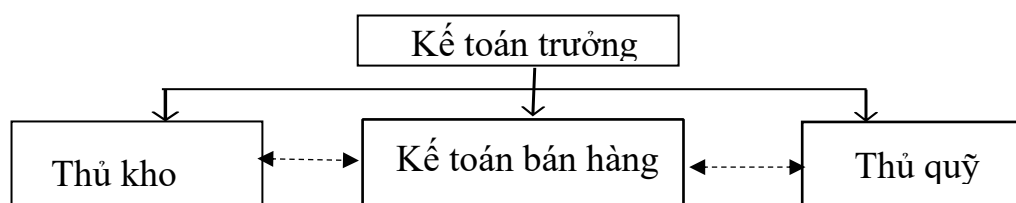
Thủ kho: Có nhiệm vụ theo dõi và phản ánh đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ nhập, xuất các loại vật tư trong kì, phản ánh các nghiệp vụ liên quan vào sổ chi tiết vật tư hàng hóa (Sổ kho); hàng tháng, tổng hợp số liệu trên sổ kho để lập bảng nhập – xuất – tồn vật tư hàng hóa. Thường xuyên đối chiếu số liệu với kế toán bán hàng.

Kế toán bán hàng: Có nhiệm vụ trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kế toán liên quan đến việc bán hàng ghi chép và phản ánh đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và biến động của từng loại hàng hóa theo các chỉ tiêu quy định, theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn kho, cuối tháng lập báo cáo nhập - xuất - tồn kho hàng hóa; theo dõi tình hình thu chi với các đối tác làm ăn, có nhiệm vụ thu chi các khoản nợ và thanh toán cho khách hàng, công nợ cá nhân của công ty; thực hiện soạn thảo các hợp đồng bán hàng, theo dõi chi tiết từng khách hàng, hạch toán nghiệp vụ trên phần mềm kế toán máy tính và viết hóa đơn.

Thủ quỹ: Đảm nhiệm công tác thu, chi tiền mặt tại quỹ của Công ty, thực hiện giao nhận tiền mặt với ngân hàng, bao gồm cả việc nộp tiền vào tài khoản và rút tiền về quỹ. Thủ quỹ có trách nhiệm quản lý sổ sách liên quan đến thu chi và tình hình tồn quỹ hàng ngày. Công việc này đòi hỏi sự đối chiếu thường xuyên với số liệu của các kế toán viên nhằm đảm bảo tính chính xác và minh bạch.

Thông qua cơ cấu tổ chức chuyên nghiệp và phân công rõ ràng, bộ máy kế toán của Công ty đảm bảo vận hành hiệu quả để hỗ trợ mục tiêu phát triển và quản lý tài chính một cách bền vững.

Tổ chức bộ máy kế toán theo sơ đồ sau:



(Nguồn: Phòng Kế toán)

Sơ đồ 2.4. Tổ chức bộ máy kế toán Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát

Ghi chú:

—————→ Quan hệ trực tuyến

←-----→ Quan hệ chức năng

2.1.6. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán

Công tác kế toán tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát thực hiện theo quy định tại Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Niên độ kế toán: Từ 01/01 đến ngày 31/12 của năm dương lịch;
 - Kỳ hạch toán: tháng, quý, năm.
 - Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép là: Việt Nam Đồng.
 - Phương pháp kế toán tài sản cố định (TSCĐ):
 - + Nguyên tắc đánh giá: Theo nguyên giá và giá trị còn lại của TSCĐ;
 - + Phương pháp khấu hao: Đường thẳng.
 - Phương pháp kế toán hàng tồn kho:
 - + Nguyên tắc đánh giá: Nguyên tắc giá gốc;
 - + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên;
 - + Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Bình quân cả kỳ dự trữ
 - Phương pháp hạch toán thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
 - Hình thức kế toán: Nhật ký chung.
 - Công ty sử dụng phần mềm kế toán MISA AMIS online, là phần mềm áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực như sản xuất, thương mại, ...
- **Hệ thống chứng từ**

Hệ thống biểu mẫu chứng từ kế toán áp dụng cho Công ty gồm:

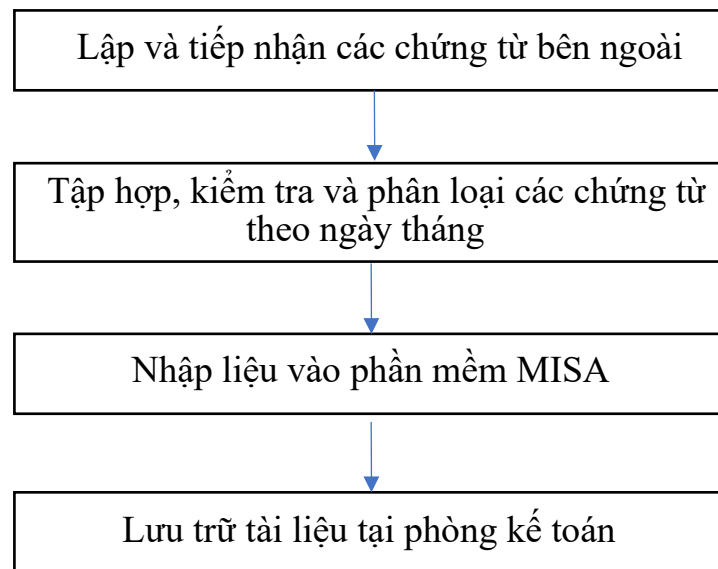
 - Chứng từ về tiền tệ: Phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị tạm ứng/thanh toán, uỷ nhiệm chi, GBC/nợ, séc, sao kê ngân hàng,...
 - Chứng từ bán hàng: Hợp đồng bán hàng, hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận hàng, báo giá tháng, biên bản thanh lý hợp đồng, biên bản đối chiếu công nợ,...
 - Chứng từ hàng tồn kho: Phiếu nhập/xuất kho, thẻ kho, ...

- Chứng từ tài sản cố định: Biên bản bàn giao/thanh lý/đánh giá lại TSCĐ; hóa đơn mua bán/hợp đồng TSCĐ.

- Chứng từ tiền lương: Bảng chấm công, phiếu làm thêm giờ, bảng thanh toán/phân bổ lương,...

- **Quy trình luân chuyển chứng từ:**

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi chép đầy đủ vào phần mềm kế toán. Sau khi nhập liệu, phần mềm sẽ tự động cập nhật thông tin vào sổ Nhật ký chung dựa trên thứ tự thời gian và nội dung kinh tế của các nghiệp vụ. Quy trình luân chuyển chứng từ của Công ty bao gồm các bước:



(Nguồn: Phòng Kế toán)

Sơ đồ 2.5. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán

- Lập chứng từ kế toán và xử lý nghiệp vụ kinh tế, tài chính trên chứng từ: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh tại bộ phận nào sẽ được lập chứng từ ngay tại bộ phận đó. Sau khi hoàn thành, chứng từ cần trình lên Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc các bộ phận được Giám đốc ủy quyền để xem xét, phê duyệt và ký xác nhận.

- Kiểm tra chứng từ kế toán: Những người chịu trách nhiệm ký tên trên chứng từ phải đảm bảo thông tin trên chứng từ là chính xác. Kế toán và các bộ phận liên quan cũng có trách nhiệm phối hợp kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ trước khi sử dụng hoặc lưu trữ.

- Nhập liệu vào phần mềm: Sau khi chứng từ được lập và phê duyệt, chúng sẽ được chuyển đến bộ phận kế toán để thực hiện nhập liệu. Bộ phận kế toán cần

cứ vào số liệu trên các chứng từ hợp lệ để tiến hành hạch toán vào phần mềm.

- Lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán: Chứng từ được bảo quản tại kho của Công ty bởi Kế toán trưởng, với thời gian lưu tối thiểu từ 5 đến 10 năm hoặc vĩnh viễn tùy loại.

- **Hệ thống tài khoản kế toán:**

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, hệ thống tài khoản bao gồm:

- + TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- + TK 632: Giá vốn hàng bán.
- + TK 6421: Chi phí bán hàng, TK 6422: Chi phí quản lý kinh doanh
- + TK 911: Xác định Kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra còn sử dụng các tài khoản như TK 111 (Tiền mặt), 112 (Tiền gửi ngân hàng), 131 (Phải thu khách hàng), 331 (Phải trả người bán),...

- **Hệ thống báo cáo kế toán:**

- Báo cáo tài chính của Công ty gồm: Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- Phòng kế toán cũng lập các báo cáo nội bộ gồm: Sổ quỹ tiền mặt (hàng tháng), Báo cáo bán hàng (hàng quý), Kế hoạch công việc (hàng tuần/tháng) và Kế hoạch kinh doanh. Tất cả báo cáo phải được Kế toán trưởng duyệt trước khi trình Giám đốc và các bộ phận liên quan.

- **Hệ thống sổ sách kế toán**

Dựa trên loại hình hoạt động kinh doanh, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát đã áp dụng hệ thống kế toán theo hình thức Nhật ký chung với sự hỗ trợ của phần mềm kế toán. Hệ thống này bao gồm các sổ kế toán chi tiết, sổ tổng hợp và báo cáo tài chính được thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Quy trình ghi sổ kế toán tại Công ty được triển khai một cách đầy đủ và tuân thủ theo quy định hiện tại, với các bước cụ thể như sau:

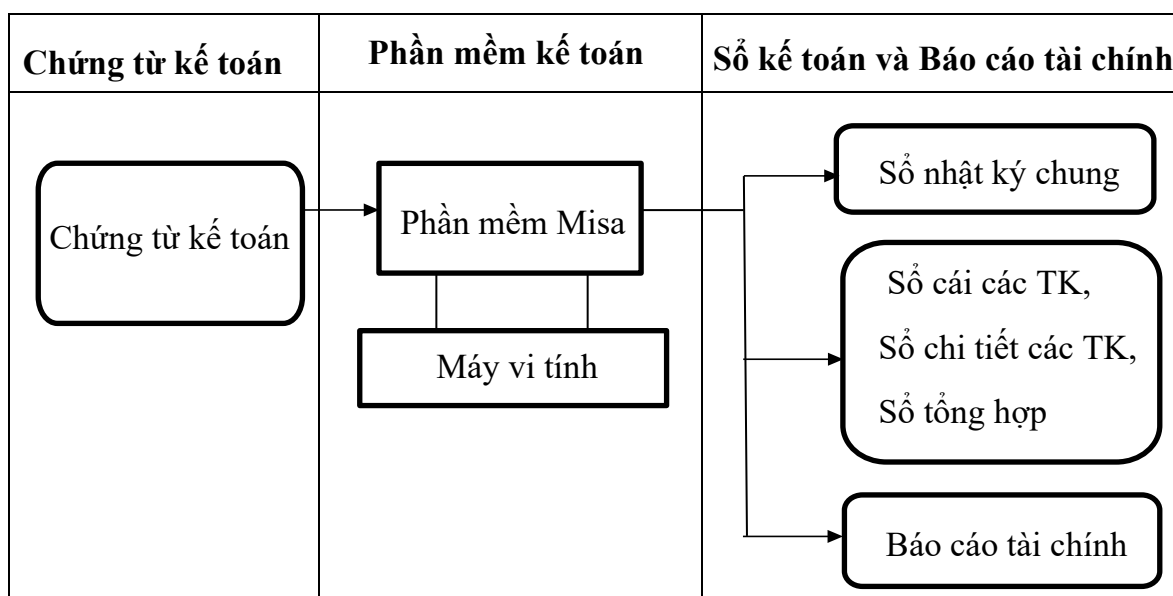
Hàng ngày, đội ngũ kế toán dựa trên các chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ cùng loại đã được kiểm tra để làm cơ sở ghi sổ. Sau đó, tài khoản ghi Nợ và Có được xác định và dữ liệu sẽ được nhập vào máy tính qua các bảng, biểu thiết kế sẵn trong phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán tự động cập nhật dữ liệu vào sổ cái tổng hợp và các sổ, thẻ chi tiết liên quan.

Định kỳ vào cuối tháng hoặc bất kỳ thời điểm cần thiết, kế toán tiến hành

khóa sổ (tổng hợp số liệu) và lập báo cáo tài chính. Sự đối chiếu giữa dữ liệu tổng hợp và chi tiết được thực hiện hoàn toàn tự động, đảm bảo tính chính xác và trung thực với thông tin đã ghi nhận trong kỳ. Kế toán viên cũng có thể kiểm tra và đối chiếu số liệu giữa sổ sách và báo cáo tài chính sau khi in ra giấy.

Sau khi hoàn tất đối chiếu, các báo cáo tài chính sẽ được in ra và trình bày theo đúng quy định. Vào cuối tháng hoặc cuối năm, các sổ kế toán tổng hợp và chi tiết đều được in thành quyển, đóng dấu và thực hiện thủ tục pháp lý theo yêu cầu đối với sổ kế toán ghi bằng tay.

Tại Công ty, phần mềm kế toán MISA đã được áp dụng. Việc sử dụng phần mềm này mang lại nhiều lợi ích cho hệ thống kế toán, giúp tối ưu hóa quản lý, cung cấp số liệu nhanh chóng và kịp thời. Đồng thời, nó giảm tải khối lượng công việc cho nhân viên kế toán, giúp các thao tác hạch toán và theo dõi đối tượng trở nên dễ dàng, hiệu quả hơn. Điều này đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ và nhanh gọn để đáp ứng nhu cầu quản trị doanh nghiệp.



(Nguồn: Phòng kế toán)

Sơ đồ 2.6. Quy trình ghi sổ trên máy vi tính thông qua phần mềm kế toán MISA

Trong phần mềm kế toán MISA, các chứng từ kế toán được tự động xử lý, phân loại và định khoản dựa trên từng loại nghiệp vụ cụ thể. Người làm kế toán chỉ cần nhập liệu chính xác và đầy đủ thông tin đầu vào, sau đó phần mềm sẽ tự động thực hiện các thao tác xử lý, tính toán và lập báo cáo. Các tài liệu đầu ra như sổ Nhật ký chung, sổ cái, sổ tổng hợp, cùng các báo cáo kế toán khác sẽ được phần mềm tự động tạo ra, luân chuyển và sẵn sàng in ấn khi cần.

2.1.7. Đặc điểm tổ chức công tác bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát

Thị trường tôn thép tại Việt Nam từ lâu đã được đánh giá là một trong những lĩnh vực chủ chốt, giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế quốc gia. Chính vì lý do đó, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát đã quyết định chọn ngành kinh doanh này đặt mục tiêu phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

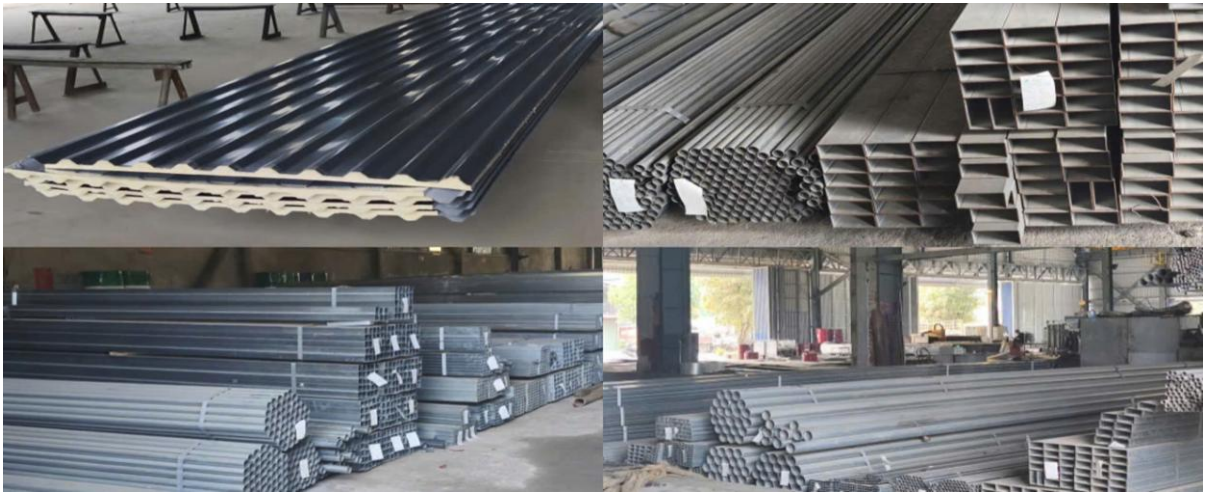
2.1.7.1. Đặc điểm chung về sản phẩm hàng hóa tại Công ty

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát được biết đến là một Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực "Gia công cơ khí; sản xuất thép ống, thép hộp, tôn lợp và cách âm", bán các loại sắt, thép thanh nhôm tĩnh điện, ống thép hộp mạ kẽm, thép ống, tôn mạ màu... Công ty là bên trung gian trong kênh phân phối và vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến người tiêu dùng, làm rút ngắn được khoảng cách đi lại và giảm chi phí thời gian mua sắm cho khách hàng.

Bảng 2.2. Danh mục hàng hóa tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát

Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị tính
15201	Thép băng mạ kẽm	kg
152979	Thép ống D76x6x6000	kg
152980	Thép tròn D60x6000	kg
15601	Thép ống hộp mạ kẽm các loại	kg
15602	Thép hình các loại	kg
15603	Tôn mạ màu	kg
15605	Thép tấm các loại	kg
15606	Ống đúc	kg
15607	Thép băng mạ kẽm	kg
156101	Thép Vê 5 mạ kẽm	kg
1561010	Thép hộp mạ kẽm 20 x 40 x 1.4	kg
1561099	Lưới thép B40	kg
15611	Thép hình	kg
156110	Thép I250x125x6x9x12000	kg
156253	Tôn nhám 6x1500x6000	kg
.....		

(Nguồn: Phòng Kế toán)



(Nguồn: Tại xưởng của Công ty)

Hình 2.2. Một số sản phẩm thuộc ngành kinh doanh chính của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát

2.1.7.2. Các phương thức bán hàng tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát áp dụng hai phương thức bán hàng chính là bán hàng trực tiếp và bán hàng theo hình thức gửi hàng. Trong đó, bán hàng trực tiếp được sử dụng phổ biến hơn nhờ tính đơn giản và hiệu quả:

- Phương thức bán buôn: Bán buôn là hình thức cung cấp hàng hóa với số lượng lớn cho các nhà bán lẻ, người tiêu dùng công nghiệp, doanh nghiệp thương mại hoặc các nhà phân phối khác. Khách hàng trong hình thức này thường không phải là người tiêu dùng cá nhân. Công ty thực hiện chủ yếu phương thức bán buôn qua kho:

- + Bán buôn qua kho với giao hàng trực tiếp: Đối với phương thức này, khách hàng đến trực tiếp kho của Công ty để nhận hàng. Hàng hóa được xuất kho và giao ngay cho bên mua. Sau khi khách hàng hoàn tất nhận hàng và thanh toán hoặc chấp nhận nợ, số hàng đó được coi là đã tiêu thụ. Hình thức này thường được áp dụng với các khách hàng giao dịch lần đầu với Công ty.

- + Bán buôn qua kho với hình thức chuyển hàng: Theo phương thức này, dựa trên hợp đồng kinh tế hoặc đơn đặt hàng, Công ty tiến hành xuất kho và vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện của mình đến địa điểm đã thỏa thuận với khách hàng. Quyền sở hữu hàng hóa vẫn thuộc về Công ty cho đến khi khách hàng hoàn tất kiểm nhận và thanh toán (hoặc chấp nhận thanh toán). Chỉ sau đó, số hàng giao mới được coi là tiêu thụ.

- Phương thức bán lẻ: Hiện tại, Công ty đang áp dụng hình thức bán lẻ chính như sau:

+ Bán lẻ trực tiếp và thu tiền liền tay: Nhân viên thực hiện việc bán hàng trực tiếp cho khách và thu tiền ngay tại chỗ. Cuối ngày, sẽ tiến hành thống kê doanh thu đạt được và cập nhật số lượng hàng đã bán. Cuối tháng, Công ty lập báo cáo tổng hợp doanh thu của cửa hàng, đồng thời đối chiếu số liệu giữa lượng hàng bán ra và lượng tồn kho để đảm bảo sự khớp đúng.

Tất cả các phương thức bán hàng nêu trên đều được thiết kế nhằm đáp ứng linh hoạt nhu cầu của khách hàng và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

2.1.7.3. Các phương thức thanh toán tại Công ty

- Bán hàng thanh toán ngay: Sau khi giao hàng cho khách hàng, Công ty sẽ nhận được thanh toán ngay lập tức. Đây là phương thức thanh toán an toàn nhất.

- Bán hàng thanh toán sau: Theo đó, hai bên thỏa thuận rằng bên mua sẽ thực hiện thanh toán sau một khoảng thời gian nhất định kể từ khi nhận hàng. Các điều khoản về thời gian và cách thức thanh toán được ghi rõ trong hợp đồng. Kế toán có nhiệm vụ lập sổ chi tiết để theo dõi và thúc đẩy quá trình thanh toán. Tuy nhiên, hình thức này dễ dẫn đến nguy cơ nợ khó đòi, do đó cần thiết lập quỹ dự phòng rủi ro.

- Thanh toán bằng tiền mặt: Khách hàng trực tiếp mang tiền mặt đến Công ty để giao dịch. Thủ quỹ sẽ nhận và nộp tiền mặt vào quỹ của Công ty.

- Thanh toán qua chuyển khoản: Khách hàng thực hiện giao dịch chuyển tiền bằng ủy nhiệm chi, séc hoặc thanh toán qua thẻ ngân hàng. Số tiền sẽ được chuyển từ tài khoản của khách hàng vào tài khoản Công ty đã đăng ký tại ngân hàng theo thông tin chi tiết được nêu trong hợp đồng.

2.2. Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng

• Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát ghi nhận doanh thu bán hàng khi kế toán chuyển giao hàng hóa cho khách hàng và được khách hàng trả tiền ngay hoặc chấp nhận thanh toán, đồng thời kế toán lập Hóa đơn GTGT xuất cho khách hàng. Công ty chủ yếu bán hàng theo phương thức bán lẻ, vận chuyển hàng đến địa điểm giao nhận của khách hàng. Hiện tại, Công ty đang tính thuế

GTGT theo phương pháp khấu trừ và áp dụng theo thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

- **Chứng từ sử dụng:**

Kế toán tại Công ty sử dụng các chứng từ sau: Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 - GTKT3/002), Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT), phiếu xuất kho và các chứng từ thanh toán khác như GBC, biên bản giao nhận hàng và tiền.

- **Tài khoản sử dụng:**

Công ty áp dụng thuế theo phương pháp khấu trừ nên doanh thu bán hàng là toàn bộ số tiền hàng chưa có thuế GTGT. Tài khoản sử dụng: TK 511- “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để phản ánh doanh thu bán hàng của Công ty. Kết cấu của tài khoản này như sau:

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
Bên nợ	Bên có
Các khoản chiết khấu hàng bán; Kết chuyển doanh thu vào tài khoản 911.	Doanh thu bán hàng hoá của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ	

- **Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng**

- **Quy trình hạch toán:**

Trình tự ghi sổ của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát như sau:

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán bán hàng như Hóa đơn GTGT, Phiếu xuất kho đã được kiểm tra, xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào phần mềm máy tính theo trình tự nhất định. Phần mềm kế toán sẽ tự cập nhật số liệu vào sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 511 và Sổ chi tiết TK 511. Cuối kỳ, các sổ kế toán và báo cáo sẽ được kế toán in ra và lưu trữ theo đúng quy định.

Với số tiền từ 20.000.000 VND trở lên thì bên mua sẽ thanh toán qua Ngân hàng (chuyển khoản), khi đó Công ty sẽ nhận được GBC khi số tiền bán đã được bên mua chuyển khoản. Kế toán so sánh số tiền với sổ chi tiết Tiền gửi ngân hàng xem có chênh lệch hay không, nếu không sẽ căn cứ vào đó để nhập dữ liệu phần hành Ngân hàng, sau đó GBC được lưu trữ. Nếu có chênh lệch tiến hành báo cáo cho kế toán trưởng để tìm nguyên nhân và xử lý chênh lệch.

- **Trích dẫn:**

Trích dẫn 1: Ngày 17/1/2026, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát bán hàng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Minh

Đức theo hóa đơn GTGT số 00000074, số tiền 1.191.837 đồng (chưa gồm 10% VAT). Khách hàng thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Khi khách hàng cung cấp số lượng hàng hóa cần đặt, phòng kinh doanh sẽ chuyển thông tin đến phòng kế toán để lập hợp đồng nguyên tắc(nếu chưa có) cùng với hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT). Hàng hóa sẽ được chuyển từ kho đến địa điểm của khách hàng. Khi hàng được vận chuyển đến nơi, nhân viên giao nhận sẽ thực hiện việc giao hàng kèm theo hóa đơn. Sau khi khách hàng kiểm tra và xác nhận hàng hóa đầy đủ, họ sẽ ký vào biên bản giao nhận hàng. Đồng thời, số tiền thanh toán cũng sẽ được thu ngay tại thời điểm đó. Kế toán bán hàng căn cứ vào hóa đơn GTGT đã lập để nhập liệu vào phần mềm kế toán.

Dưới đây là hình hợp đồng nguyên tắc mua bán của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát bán hàng và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Minh Đức đã được lập trước đó vào ngày 01/01/2026.

Biểu 2.1. Hợp đồng nguyên tắc mua bán

CÔNG TY TNHH SX TM VĨNH PHÁT Số: 26/2026/HĐNT/VP-MĐ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN HÀNG HÓA	
- Căn cứ vào Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015; - Căn cứ vào Luật thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005; - Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên, Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2026,. Chúng tôi gồm:	
BÊN BÁN (Bên A): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT	
Địa chỉ: SN 66 , Phố 5, Đường Chiến Thắng , Phường Hoa Lư , Tỉnh Ninh Bình , Việt Nam	
Điện thoại: 02293.890.678	
Mã số thuế: 2700282755	
Số tài khoản: 68356828 tại Ngân hàng ACB CN Nam Định	
19037017011016 tại Ngân hàng Techcombank CN Ninh Bình	
117002636888 tại Ngân hàng TMCP Công thương CN Ninh Bình	
Đại diện: Bà Đinh Thị Ngoãn	Chức vụ: Giám đốc
BÊN MUA (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ XÂY DỰNG MINH ĐỨC	
Địa chỉ: SN 09, ngõ 3, đường Tôn Đức Thắng, phố 11, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình	
Mã số thuế: 2700912358	
Số tài khoản: 3911155588888 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Ninh Bình	
9115558888 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Ninh Bình	
83583588888 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong CN Ninh Bình.	
113821188888 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN Ninh Bình	
Đại diện: Ông Nguyễn Văn Hà	Chức vụ: Giám đốc
<i>Sau khi bàn bạc và thỏa thuận, hai Bên nêu trên đồng ý ký hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa với nội dung và các điều khoản sau:</i>	
<u>ĐIỀU 1: XÁC ĐỊNH QUAN HỆ VÀ NGUYÊN TẮC MUA BÁN</u>	
Hai Bên là đối tác thương mại dựa trên nguyên tắc bình đẳng, thỏa thuận, tự nguyện và cùng có lợi theo quy định của hợp đồng này và quy định của pháp luật Việt Nam.	
Bên A là đơn vị bán cho Bên B các mặt hàng sau:	
- Tồn các loại; - Hoá chất các loại; - Thép dày mạ kẽm, mạ lạnh các loại; - Thép ống vuông, hình chữ nhật đen hoặc mạ kẽm các loại;	

- Xà gồ C, thép tấm đen hoặc mạ kẽm;
- Các sản phẩm khác mà Bên A sản xuất kinh doanh hợp pháp;

Các tài liệu sau đây được xem là một phần không thể tách rời của hợp đồng nguyên tắc này:

- Biên bản giao nhận hàng hóa có xác nhận của hai Bên;
- Hóa đơn Giá trị gia tăng (GTGT) do Bên A lập cho Bên B và các chứng từ hàng hóa khác liên quan (nếu có).

ĐIỀU 2: HÀNG HÓA – QUY CÁCH - CHẤT LƯỢNG

- Hàng hóa: theo từng đơn đặt hàng cụ thể của bên B.
- Quy cách, chủng loại: Theo từng đơn đặt hàng cụ thể của Bên B tại từng thời điểm phát sinh.
- Tiêu chuẩn chất lượng: Theo tiêu chuẩn công bố của nhà sản xuất.
- Trọng lượng hàng hóa thanh toán dựa trên biên bản giao nhận hàng thực tế có xác nhận về số lượng, quy cách, độ dày (cây/tấm), trọng lượng của hai Bên.
- Dung sai cho phép: Tùy từng mặt hàng trên từng đơn đặt hàng cụ thể mà độ dung sai có thể là khác nhau nhưng phải tuân theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất công bố.

ĐIỀU 3: SỐ LƯỢNG – GIÁ CẢ - HÌNH THỨC MUA BÁN

- Số lượng: Số lượng hàng hóa mua bán được xác định trên từng đơn đặt hàng cụ thể và biên bản giao nhận hàng hóa thực tế của hai Bên tại thời điểm phát sinh.
- Giá cả: Giá bán theo từng thời điểm do bên A cung cấp.
- Giá bán là giá đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng (GTGT).
- Hình thức mua bán: Mua đứt bán đoạn theo từng đơn hàng phát sinh.

ĐIỀU 4: HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN, HẠN MỨC CÔNG NỢ, PHẠM VI PHẠM THANH TOÁN

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản/Tiền mặt/Cần trừ công nợ. Phí chuyển tiền Bên B chịu.
- Phương thức thanh toán:
 - Thanh toán sau khi nhận được hàng: Bên B thanh toán cho bên A khi bên A giao hàng và bên B nhận được hàng và nhận được hóa đơn GTGT do bên A phát hành.
 - Thời gian thanh toán chậm nhất trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn GTGT.

ĐIỀU 5: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

- Có thể giao hàng 1 lần hoặc từng lần theo yêu cầu của bên B nhưng phải đảm bảo số lượng đủ để phù hợp với việc vận chuyển.
- Thời gian giao hàng được thỏa thuận giữa hai bên khi phát sinh đặt hàng.
- Địa điểm giao nhận hàng: Theo yêu cầu của bên B

ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

⚡ Trách nhiệm Bên A:

- Đảm bảo cung cấp hàng hóa đúng thời hạn, đúng quy cách, số lượng và chất lượng do hai bên thỏa thuận.
- Xuất hóa đơn GTGT hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- Cung cấp cho Bên B các quy cách chuẩn về hàng hóa mà Bên A đang có.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

⚡ Trách nhiệm Bên B:

- Thanh toán cho bên A đủ và đúng hạn theo quy định tại điều 4 của Hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

ĐIỀU 7: THỜI GIAN HIỆU LỰC, KÉO DÀI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 31/12/2026. Sau khi hợp đồng hết hiệu lực, nếu có nhu cầu hai bên tiếp tục ký hợp đồng mới. Hợp đồng này có thể kéo dài nếu đến hết ngày 31/12/2026 bên B chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho bên A.
- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải bồi thường thiệt hại cho bên B (nếu có) khi bên B vi phạm một trong các vấn đề sau:
 - + Làm giảm uy tín thương mại hoặc giảm chất lượng sản phẩm của bên A bằng bất cứ phương tiện hoặc hành vi nào.
 - + Bên B vi phạm bất kỳ một hoặc các điều khoản hay điều kiện nào của hợp đồng này.
 - + Hợp đồng này sẽ chấm dứt sau 05 ngày kể từ ngày bên A thông báo chấm dứt hợp đồng.
 - + Trong 03 tháng liên tục kế tiếp kể từ khi bên A nhận được đơn hàng cuối cùng từ bên B mà bên B không tiếp tục đơn đặt hàng mới và các quyền và nghĩa vụ của các đơn hàng trước đó đã được các bên thực hiện xong.

ĐIỀU 8: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ VI PHẠM HỢP ĐỒNG:

- Bên B phải chịu trách nhiệm thanh toán cho bên A 100% giá trị đơn hàng, chịu vi phạm và bồi thường các thiệt hại khác (nếu có) khi bên B hủy đơn hàng khi bên A trên đường giao hàng cho bên B.
- Trong thời hạn mười lăm ngày (15) kể từ ngày bên A thông báo giao hàng mà bên B không nhận hàng thì xem như bên B từ bỏ quyền lợi đối với lô hàng. Bên B phải thanh toán 100% giá trị đơn hàng đồng thời bên A có toàn quyền đối với lô hàng.
- Nếu có căn cứ bên A cung cấp hàng kém chất lượng không đúng với tiêu chuẩn đã công bố bên A phải bồi thường các thiệt hại phát sinh đồng thời hoàn đổi lại toàn bộ hàng hóa đúng chất lượng cho bên B.
- Ngoại trừ Điều 7 và Điều 3 của hợp đồng này, trong trường hợp một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày, hai bên phải có

xác nhận bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và cùng nhau tiến hành quyết toán công nợ, hàng hóa và các vấn đề liên quan đến hợp đồng này. Nếu bên đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn vi phạm về thời hạn báo trước thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại (nếu có) cho bên kia.

- Bên vi phạm hợp đồng còn phải chịu các khoản phạt khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9: BẤT KHẢ KHÁNG

- Những trường hợp sau đây được xem là bất khả kháng: chiến tranh; khủng bố; bạo loạn; đình công; hỏa hoạn; thiên tai; sự cố máy móc thiết bị; lệnh hoặc quyết định của chính quyền địa phương cản trở việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng. Thời hạn quy định để thực hiện các nghĩa vụ của hợp đồng sẽ mở rộng tương ứng và hai bên không phải chịu bất cứ khoản phạt, bồi thường nào. Tuy nhiên trong trường hợp này mỗi bên phải có trách nhiệm hạn chế tối đa các thiệt hại cho bên kia trong khả năng của mình.

- Bên nào gặp bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong vòng 03 ngày kể từ ngày gặp bất khả kháng.

- Giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp sẽ là bằng chứng có giá trị trong trường hợp này.

ĐIỀU 10: LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Hợp đồng này được điều chỉnh bởi Luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Mọi tranh chấp phát sinh có liên quan đến hợp đồng này trước tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, đàm phán. Nếu việc thương lượng không đạt đến kết quả mong muốn, tranh chấp sẽ được giải quyết bởi Tòa án nhân dân Tỉnh Ninh Bình.

ĐIỀU 11: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các điều khoản ghi trong hợp đồng này, nếu có vướng mắc cùng bàn bạc phương án giải quyết. Nếu một trong hai bên có ý cố tình vi phạm các điều khoản của hợp đồng này sẽ phải chịu trách nhiệm tài sản về các hành vi vi phạm đó theo quy định của pháp luật.

- Hợp đồng này xem như được thanh lý khi hết thời hạn nói trên và hai bên đã quyết toán xong toàn bộ hàng hóa và công nợ còn lại.

- Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A


GIÁM ĐỐC
Đinh Thị Ngoãn

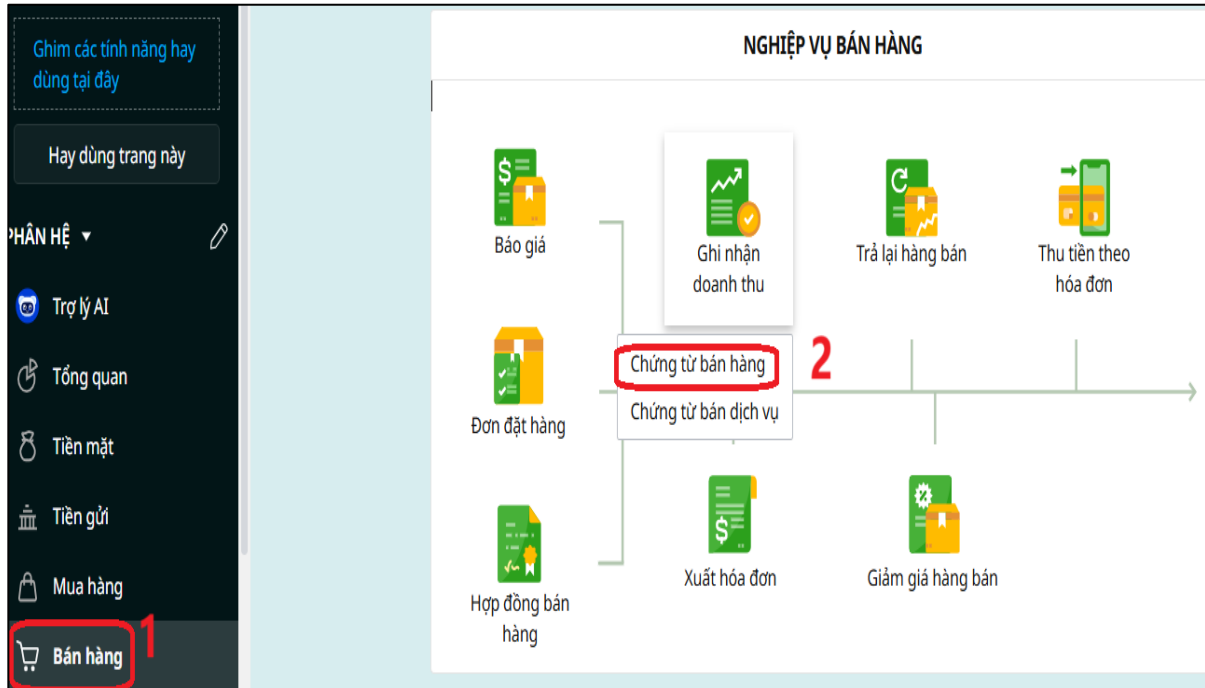
ĐẠI DIỆN BÊN B


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hà

(Nguồn: phòng kế toán)

Vì Công ty sử dụng tích hợp hóa đơn điện tử trên phần mềm MISA nên sau khi xuất kho hàng hóa ngày 17/01/2026, kế toán sẽ ghi nhận doanh thu và cập nhật vào phần mềm như sau:

Vào phân hệ bán hàng, chọn mục **Chứng từ bán hàng**, sau đó chọn **Bán hàng hóa trong nước**.



(Nguồn: phòng kế toán)

Hình 2.3. Giao diện vào chứng từ bán hàng trên MISA

Do khách hàng thanh toán ngay bằng tiền mặt nên tích vào **Thu tiền ngay** và chọn **Tiền mặt**. Kế toán sẽ điền các thông tin chung gồm: mã khách hàng: MINH DUC, tên khách hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Minh Đức, ngày hạch toán: 17/01/2026,... Sau đó, kế toán điền các hàng hóa xuất bán ở mục **Hàng tiền**. Ở mục **Thuế**, kế toán kê khai thuế GTGT là 10%. Khi nhập đầy đủ các thông tin, kế toán ấn **Cất** để hoàn thành. Dưới đây là giao diện Chứng từ bán hàng trên phần mềm MISA do kế toán Công ty lập:

Chứng từ bán hàng PT0043

1. Bán hàng hóa trong nước

Nhập số phiếu xuất

Hướng dẫn sử dụng

☐ Chưa thu tiền
☒ Thu tiền ngay

Tiền mặt

☒ Kiểm phiếu xuất
☒ Lập kèm hóa đơn

ĐÃ LẬP HÓA ĐƠN

Phiếu thu
Phiếu xuất
Hóa đơn

Mã khách hàng

MINH DUC

+

\$

Tên khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ XÂY DỰNG MINH ĐỨC

Ngày hạch toán

17/01/2026 00:25:23

📅

Tổng tiền thanh toán

1.311.021

Người nộp

Địa chỉ

SN 09, ngõ 3, đường Tôn Đức Thắng, phố 11, Phường Hoa Lư, Ninh Bình

Ngày phiếu thu

17/01/2026

📅

Nhân viên bán hàng

+

Lý do nộp

Thu tiền bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ >

🔗

Kèm theo

Số lượng

Chứng từ gốc

Số phiếu thu

PT0043

Tham chiếu

00000032

XK00844

...

Hàng tiền

Giá vốn

Trợ lý AI

Loại tiền

VND

Chiết khấu

Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	
1	156335	Thép tròn phi 25	kg	69,000	17.273,00	1.191.837	10	119.184	🗑️
						69,000	1.191.837	119.184	

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước

1

Sau

Thêm dòng

Thêm ghi chú

Xóa hết dòng

Số đơn hàng từ hệ thống khác

Sàn thương mại điện tử

Tên shop

Tổng tiền hàng

1.191.837

Thuế GTGT

119.184

Tổng tiền thanh toán

1.311.021

(Nguồn: phòng kế toán)

Hình 2.4. Giao diện chứng từ bán hàng trên phần mềm MISA

Trên hóa đơn GTGT, cần ghi rõ thông tin như tên hàng hóa, đơn vị tính, số lượng, đơn giá, thành tiền của từng loại hàng hóa, thuế suất GTGT, tiền thuế GTGT, và tổng số tiền thanh toán.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)		Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 1C26TVP Số (Invoice No.): 00000074			
Ngày (day) 17 tháng (month) 01 năm (year) 2026					
Mã của Cơ quan thuế: 007EB8B50E2BBE47E2BAFBFFB4849ADD0F					
Đơn vị bán (Seller): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VINH PHÁT					
MST (Tax Code): 2700282755					
Địa chỉ (Address): SN 66 , Phố 5, Đường Chiến Thắng , Phường Hoa Lư , Tỉnh Ninh Bình , Việt Nam					
Điện thoại (Tel.): 0967778282					
STK (Account No.): 117002636888 - Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Ninh Bình 19037017011016 - Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Ninh Bình					
Người mua (Buyer):					
Đơn vị (Co. name): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ XÂY DỰNG MINH ĐỨC					
MST (Tax Code): 2700912358					
Địa chỉ (Address): SN 09, ngõ 3, đường Tôn Đức Thắng, phố 11, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam					
HTTT (Pay. method): Tiền mặt					
STK (Account No.):					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	Thép tròn phi 25	kg	69	17.273	1.191.837
Cộng tiền hàng (Sub total):					1.191.837
Thuế suất GTGT (Tax rate): 10%					Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount): 119.184
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					1.311.021
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một triệu ba trăm mười một nghìn không trăm hai mươi một đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Buyer)			Người bán hàng (Seller)		
			Đã được ký điện tử bởi (Signed digitally by) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VINH PHÁT		
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					
Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - http://ehoadon.vn Hóa đơn Điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại http://tracuu.ehoadon.vn . Mã tra cứu HĐĐT này: KP1KOD7XUFF					

(Nguồn: phòng kế toán)

Hình 2.5. Hóa đơn GTGT số 00000074 ngày 17/01/2026

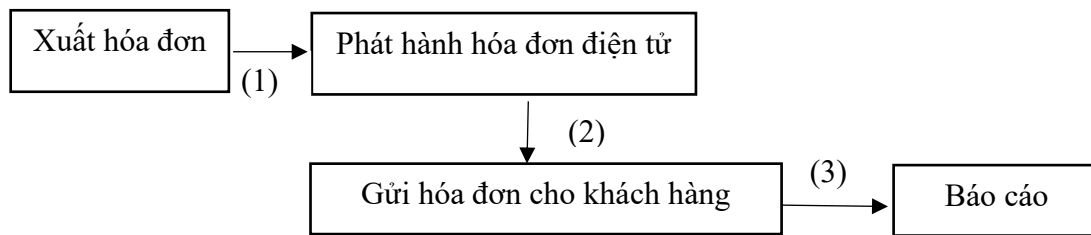
Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 00000074, kế toán thực hiện các định khoản về doanh thu bán hàng như sau:

Nợ TK 1111: 1.311.021

Có TK 5111: 1.191.837

Có TK 3331: 119.184

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vinh Phát sử dụng hóa đơn điện tử như sau:



(Nguồn: Phòng kế toán)

Sơ đồ 2.7. Quy trình lập hóa đơn điện tử

- (1) Bộ phận kế toán bán hàng xuất hóa đơn và phát hành hóa đơn điện tử thông qua phần mềm kế toán.
- (2) Sau đó, hóa đơn điện tử được gửi cho khách hàng.
- (3) Kế toán tiếp tục cập nhật các thông tin liên quan lên phần mềm kế toán và tạo báo cáo tổng hợp.

Khi hàng hóa được vận chuyển đến địa điểm giao nhận theo yêu cầu của khách hàng, nhân viên sẽ gửi hóa đơn điện tử giao hàng cho khách kèm với biên bản giao nhận hàng hóa kèm phiếu xuất kho. Dưới đây là biên bản giao nhận hàng hóa của Công ty ngày 17/01/2026.

Biểu 2.2. Biên bản giao nhận hàng hóa của Công ty ngày 17/01/2026

	CÔNG TY TNHH SX TM VĨNH PHÁT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM		
	Số: 0011/BBGN	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc		
BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA KIỂM PHIẾU XUẤT KHO				
Hôm nay, ngày 17 tháng 1 năm 2026. Tại kho CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ XÂY DỰNG MINH ĐỨC chúng tôi gồm có:				
BÊN GIAO HÀNG: CÔNG TY TNHH SX TM VĨNH PHÁT				
- Địa chỉ: SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam				
- MST: 2700282755		- SĐT: 02293.762.666		
- STK: 117.002.636.888 - Tại ngân hàng TMCP công thương CN Ninh Bình 190.370.170.11016 - Tại ngân hàng TMCP Kỹ thương CN Ninh Bình				
- Đại diện: Bà Tổng Thị Thùy Dung		- Chức vụ: Kế toán		
- Lái xe:		- Biển số xe:		
BÊN NHẬN HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ XÂY DỰNG MINH ĐỨC				
- Địa chỉ: SN 09, ngõ 3, đường Tôn Đức Thắng, phố 11, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam				
- Đại diện:		- Chức vụ:		
1. Hai bên cùng nhau làm biên bản giao nhận hàng hoá, chi tiết như sau:				
STT	Tên hàng hóa - Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thép tròn phi 25	kg	69	
Tổng cộng			69	
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 hoá đơn GTGT số 000000074				
- Biên bản này là cơ sở pháp lý để giải quyết tranh chấp (nếu có) giữa hai bên theo pháp luật hiện hành của Nhà nước.				
ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN		ĐẠI DIỆN BÊN GIAO		

(Nguồn: phòng kế toán)

Người giao hàng là nhân viên của công ty, sau khi giao hàng, xác nhận, kiểm tra đã giao đúng và đủ số lượng, chủng loại hàng hóa cho khách sẽ là người trực tiếp thu tiền của khách hàng. Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 00000074 và số tiền thu được kế toán lập Phiếu thu số PT0043. Dưới đây là Phiếu thu số PT0043 lập ngày 17/01/2026:

Biểu 2.3. Phiếu thu số PT0043 ngày 17/1/2026

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.		Mẫu số: 01 - TT (Kèm theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính)	
PHIẾU THU		Quyển số:	
Ngày 17 tháng 01 năm 2026		Số: PT0043/25	
		Ng: 1111	
		Cố: 5111, 33311	
Họ tên người nộp tiền: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ XÂY DỰNG MINH ĐỨC			
Địa chỉ: SN 09, ngõ 3, đường Tôn Đức Thắng, phố 11, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình			
Lý do nộp: Thu tiền bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ XÂY DỰNG MINH ĐỨC theo hóa đơn số 000000074			
Số tiền: 1.311.021 VND			
Viết bằng chữ: Một triệu ba trăm mười một nghìn không trăm hai mươi một đồng chẵn.			
Kèm theo: chứng từ gốc			
 Giám đốc (Ký, họ tên) Đinh Thị Ngoan		Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Ông	Ngày tháng năm Người nộp tiền (Ký, họ tên) Loan Bui Thi Loan
Tổng Thị Thùy Dung		Người lập phiếu (Ký, họ tên) Ông	Thủ quỹ (Ký, họ tên) Ông
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu ba trăm mười một nghìn không trăm hai mươi một đồng chẵn.			

(Nguồn: phòng kế toán)

Trích dẫn 2: Ngày 18/1/2026, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát bán hàng cho Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Quốc Phong theo hóa đơn GTGT số 00000080, số tiền 169.286.656 đồng (đã gồm 10% VAT).

Tương tự như trích dẫn 1, kế toán lập hợp đồng nguyên tắc giữa 2 bên (nếu chưa có) và sau đó vào phân hệ bán hàng, chọn mục **Chứng từ bán hàng**, sau đó chọn **Bán hàng hóa trong nước**. Do khách hàng chưa thanh toán nên tích và **Chưa thanh toán**. Kế toán sẽ điền các thông tin chung gồm: mã khách hàng, tên khách hàng, ngày hạch toán,... Sau đó, kế toán điền các hàng hóa xuất bán ở mục **Hàng tiền**. Ở mục **Thuế**, kế toán kê khai thuế GTGT là 10%. Khi nhập đầy đủ các thông tin, kế toán ấn **Cất** để hoàn thành. Dưới đây là giao diện Chứng từ bán hàng trên phần mềm MISA do kế toán Công ty lập:

Chứng từ bán hàng 000058

1. Bán hàng hóa trong nước

Nhập số phiếu xuất

Hướng dẫn sử dụng

Chưa thu tiền

Thu tiền ngay

Tiền mặt

Kiểm phiếu xuất

Lập kèm hóa đơn

ĐÃ LẬP HÓA ĐƠN

Chứng từ ghi nợ

Phiếu xuất

Hóa đơn

Mã khách hàng

Tên khách hàng

Mã số thuế/CCCD chủ hộ

Ngày hạch toán

QUOC PHONG

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI QUỐC PHONG

2700664835

18/01/2026 11:59:31

Người liên hệ

Địa chỉ

Ngày chứng từ

Lê Văn Vinh

Lô A8, cụm công nghiệp Đồng Hường, Xã Quang Thiện, Ninh Bình

18/01/2026

Nhân viên bán hàng

Diễn giải

Số chứng từ

Bán hàng CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI QUỐC PHONG theo hóa đơn số 00000133

000058

Tham chiếu

Điều khoản thanh toán

Số ngày được nợ

Hạn thanh toán

00000133 XK00848

DD/MM/YYYY

Hàng tiền

Giá vốn

Trợ lý AI

Loại tiền

VND

Chiết khấu

Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiền thuế GTGT
1	156336	Tôn lạnh màu đỏ BRL01 AZ050 17/05: 0.45 mmx1200mm G550	kg	3.755,500	26.000,00	97.643.000	9.764.300
2	15648	Tôn mạ màu 0.40x1200 TL	kg	2.232,300	25.200,00	56.253.960	5.625.396
				5.987,800		153.896.960	15.389.696

Tổng số: 2 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước

1

Sau

Thêm dòng

Thêm ghi chú

Xóa hết dòng

Số đơn hàng từ hệ thống khác

Sản thương mại điện tử

Tên shop

Tổng tiền hàng

Thuế GTGT

Tổng tiền thanh toán

153.896.960

15.389.696

169.286.656

Hình 2.6. Giao diện chứng từ bán hàng số 000058 trên phần mềm MISA

(Nguồn: phòng kế toán)

Dưới đây là hình ảnh hóa đơn GTGT số 00000080 do Công ty xuất:

 HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)		Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 1C26TVP Số (Invoice No.): 00000080			
Ngày (day) 18 tháng (month) 01 năm (year) 2026					
Mã của Cơ quan thuế: 00548349D80AE541368FFB65BD5EF3284B					
Đơn vị bán (Seller): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VINH PHÁT MST (Tax Code): 2700282755 Địa chỉ (Address): SN 66 , Phố 5, Đường Chiến Thắng , Phường Hoa Lư , Tỉnh Ninh Bình , Việt Nam Điện thoại (Tel.): 0967778282 STK (Account No.): 117002636888 - Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Ninh Bình 19037017011016 - Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Ninh Bình					
Người mua (Buyer): Đơn vị (Co. name): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI QUỐC PHONG MST (Tax Code): 2700664835 Địa chỉ (Address): Lô A8, cụm công nghiệp Đồng Hướng, Xã Quang Thiện, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam HTTT (Pay. method): Chuyển khoản STK (Account No.):					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	Tôn lạnh màu đỏ BRL01 AZ050 17/05: 0.45 mmx1200mm G550	kg	3.755,5	26.000	97.643.000
2	Tôn mạ màu 0.40x1200 TL	kg	2.232,3	25.200	56.253.960
Cộng tiền hàng (Sub total):					153.896.960
Thuế suất GTGT (Tax rate): 10%		Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount):			15.389.696
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					169.286.656
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một trăm sáu mươi chín triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Buyer)			Người bán hàng (Seller)		
			Đã được ký điện tử bởi (Signed digitally by)		

Hình 2.7. Hóa đơn GTGT số 00000080

(Nguồn: phòng kế toán)

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 00000080, kế toán thực hiện các định khoản về doanh thu bán hàng như sau:

Nợ TK 131: 169.286.656

Có TK 5111: 153.896.960

Có TK 3331: 15.389.696

Khi hàng hóa được vận chuyển đến địa điểm giao nhận theo yêu cầu của khách hàng, nhân viên sẽ gửi hóa đơn điện tử đã chuyển thành bản giấy và giao hàng cho khách kèm với biên bản giao nhận hàng hóa kiêm phiếu xuất kho. Dưới đây là biên bản giao nhận hàng hóa của Công ty ngày 18/01/2026.

Biểu 2.4. Biên bản giao nhận hàng hóa của Công ty ngày 18/01/2026

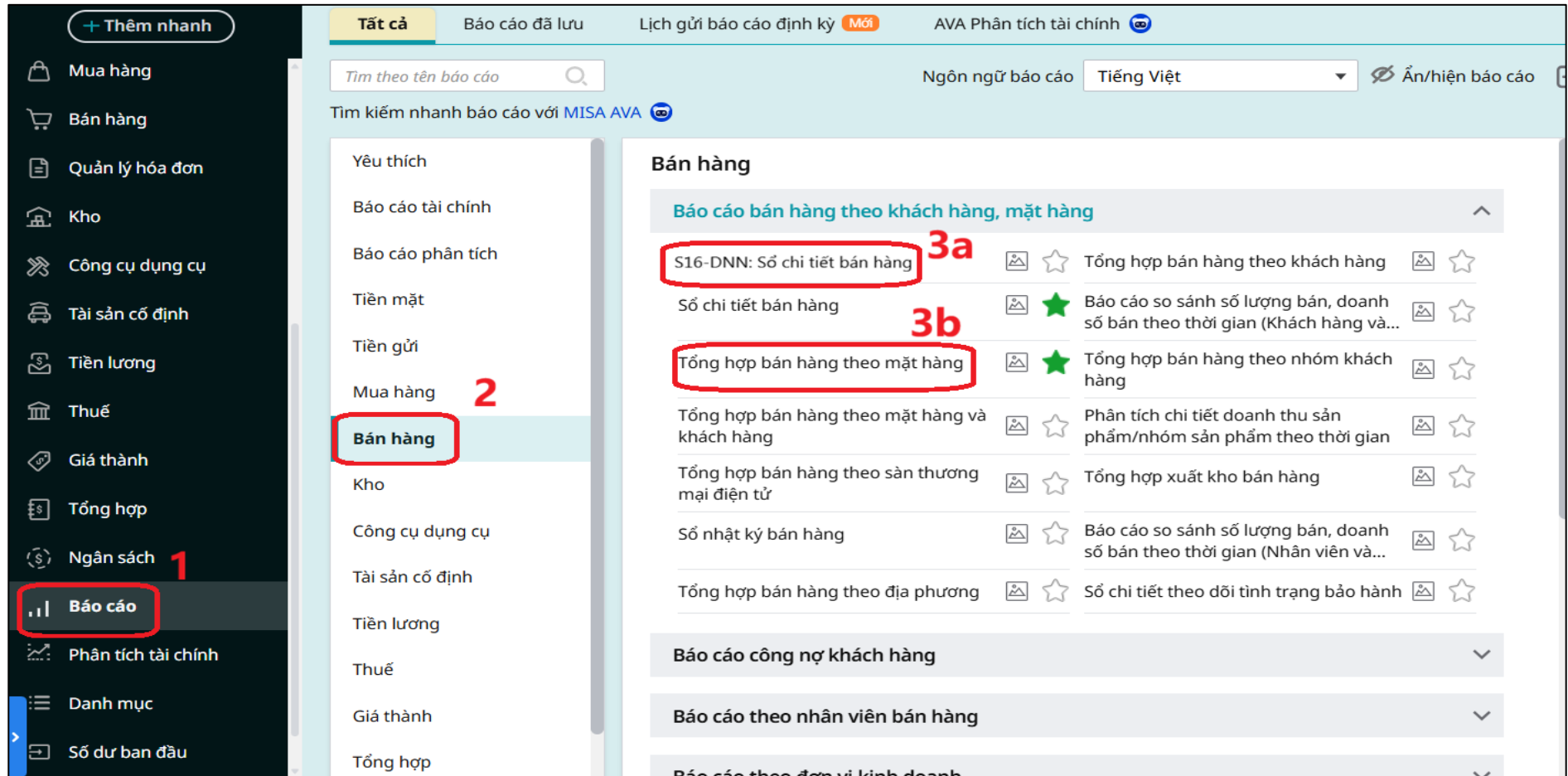
	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT		VP: SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, P. Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình			
			Địa điểm KD: - Đ10, Chợ Dầu, Phường Đồng Hoa Lư, T. Ninh Bình			
			- Phố Bình Chương, P. Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình			
			Email: vinhphatcompany.nb@gmail.com			
Ninh Bình, ngày 17, tháng 01, năm 2026						
BẢNG BÁO GIÁ KIỂM XÁC NHẬN ĐƠN HÀNG						
Kính gửi: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI QUỐC PHONG						
Địa chỉ: Lô A8, cụm công nghiệp Đồng Hướn, Xã Quang Thiện, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam						
Liên hệ:				Điện thoại:		
Chúng tôi xin hân hạnh gửi đến Quý công ty bản báo giá các loại sản phẩm với nội dung như sau						
I: NỘI DUNG HÀNG HÓA						
STT	Hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Tôn lạnh màu đỏ BRL01 AZ050 17/05: 0.45mmx1200mm G550	kg	3.755,5	26.000	97.643.000	
2	Tôn mạ màu 0.40x1200 TL	kg	2.232,3	25.200	56.253.960	
TỔNG					153.896.960	
VAT 10%					15.389.696	
TỔNG CỘNG					169.286.656	
2. Số tiền bằng chữ: Một trăm sáu mươi chín triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng chẵn.						
3. Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT						
4. Địa điểm giao hàng: tại kho bên mua						
5. Phương thức thanh toán: theo thỏa thuận của 2 bên (tài khoản thanh toán: Công ty TNHH SX TM Vĩnh Phát)						
STK: 117.002.636.888 - Tại ngân hàng TM CP Công thương - CN Ninh Bình						
STK: 190.370.170.11016 - Tại ngân hàng TM CP Kỹ thương - CN Ninh Bình						
6. Thời gian giao hàng: theo thỏa thuận của 2 bên kể từ khi đơn hàng được xác nhận						
7. Báo giá có hiệu lực trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi báo giá						
XÁC NHẬN BÊN MUA				XÁC NHẬN BÊN BÁN		

(Nguồn: phòng kế toán)

Đề cập nhập vào sổ thẻ chi tiết bán hàng, kế toán kích vào Báo cáo sau đó kích vào phân hệ **Bán hàng**, tiếp đó vào mục **S16-DNN: Sổ chi tiết bán hàng**, cuối cùng nhập thời gian muốn xem là **tháng 1** và chọn mã hàng, ấn **Đồng ý**.

Để cập nhật vào sổ thẻ chi tiết bán hàng, kế toán kích vào Báo cáo sau đó kích vào phân hệ **Bán hàng**, tiếp đó vào mục **S16-DNN: Sổ chi tiết bán hàng**, cuối cùng nhập thời gian muốn xem là **tháng 1** và chọn mã hàng, ấn **Đồng ý**.

Hình 2.8. Giao diện trích Sổ chi tiết bán hàng trên MISA



Biểu 2.5. Trích sổ chi tiết bán hàng Thép tròn phi 25

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam					Mẫu số: S16 -DNN <i>(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)</i>				
SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG Tên sản phẩm: Thép tròn phi 25 Tháng 01 năm 2026									
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5111)
.....									
16/1/2026	000050	16/1/2026	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LƯU PHÁT theo hóa đơn số 0000073	131	88	17.273	1.520.024		
17/01/2026	PT0043	17/1/2026	Thu tiền bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ XÂY DỰNG MINH ĐỨC theo hóa đơn số 0000074	111	69	17.273	1.191.837		
17/1/2026	000053	17/1/2026	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HIỀN LONG theo hóa đơn số 0000075	131	35	17.273	604.555		
17/1/2026	000056	17/1/2026	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HIỀN LONG theo hóa đơn số 0000078	131	125.5	17.273	2.167.762		
.....									
			Cộng số phát sinh		5.927		102.377.071		
			- Doanh thu thuần				102.377.071		
			- Giá vốn hàng bán				79.712.223		
			- Lãi gộp				22.664.848		

- Sổ này có 6 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 6

- Ngày mở sổ: 01/01/2026

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.6. Trích sổ chi tiết bán hàng Tôn lạnh màu đỏ BRL01 AZ050 17/05: 0.45 mmx1200mm G55

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam					Mẫu số: S16 -DNN <i>(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)</i>				
SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG Tên sản phẩm: Tôn lạnh màu đỏ BRL01 AZ050 17/05: 0.45 mmx1200mm G55 Tháng 01 năm 2026									
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5111)
18/01/2026	000058	18/1/2026	Bán hàng CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI QUỐC PHONG theo hóa đơn số 0000080	131	3.755,5	26.000	97.643.000		
			Cộng số phát sinh		3.755,5		97.643.000		
			- Doanh thu thuần				97.643.000		
			- Giá vốn hàng bán				96.636.526		
			- Lãi gộp				1.006.474		

- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 1

- Ngày mở sổ: 01/01/2026

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.7. Trích sổ chi tiết bán hàng Tôn mạ màu 0.40x1200 TL

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT

Mẫu số: S16 -DNN

SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG
Tên sản phẩm: Tôn mạ màu 0.40x1200 TL
Tháng 01 năm 2026

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5111)
.....									
16/1/2026	000048	16/1/2026	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ NAM PHONG GROUP theo hóa đơn số 0000071	131	953,2	25.200	23.830.000		
17/1/2026	000055	17/1/2026	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HIỀN LONG theo hóa đơn số 0000077	131	4.526,1	25.200	113.152.500		
18/1/2026	000058	18/1/2026	Bán hàng CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI QUỐC PHONG theo hóa đơn số 0000080	131	3.755,5	25.200	56.253.960		
.....									
20/1/2026	000001 01	20/1/2026	Điều chỉnh giảm cho CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI QUỐC PHONG cho hóa đơn số 0000080	131	5.358,3	25.200	133.957.500		30.517.200
.....									
			Cộng số phát sinh		97.807,034		2.445.175.850		30.517.200
			- Doanh thu thuần				2.445.175.850		
			- Giá vốn hàng bán				2.415.083.560		
			- Lãi gộp				30.092.290		

- Sổ này có 6 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 6

- Ngày mở sổ: 01/01/2026

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Để cập nhật vào bảng tổng hợp bán hàng theo mặt hàng, kế toán kích vào **Báo cáo** sau đó kích vào phân hệ **Bán hàng**, tiếp đó vào mục **Tổng hợp bán hàng theo mặt hàng**, cuối cùng nhập kỳ báo cáo là **Tháng 1** và chọn xem tất cả hàng hóa muốn xem, ấn **Đồng ý**. Dưới đây là bảng trích từ Bảng tổng hợp bán hàng theo mặt hàng của Công ty trong tháng 1 năm 2026:

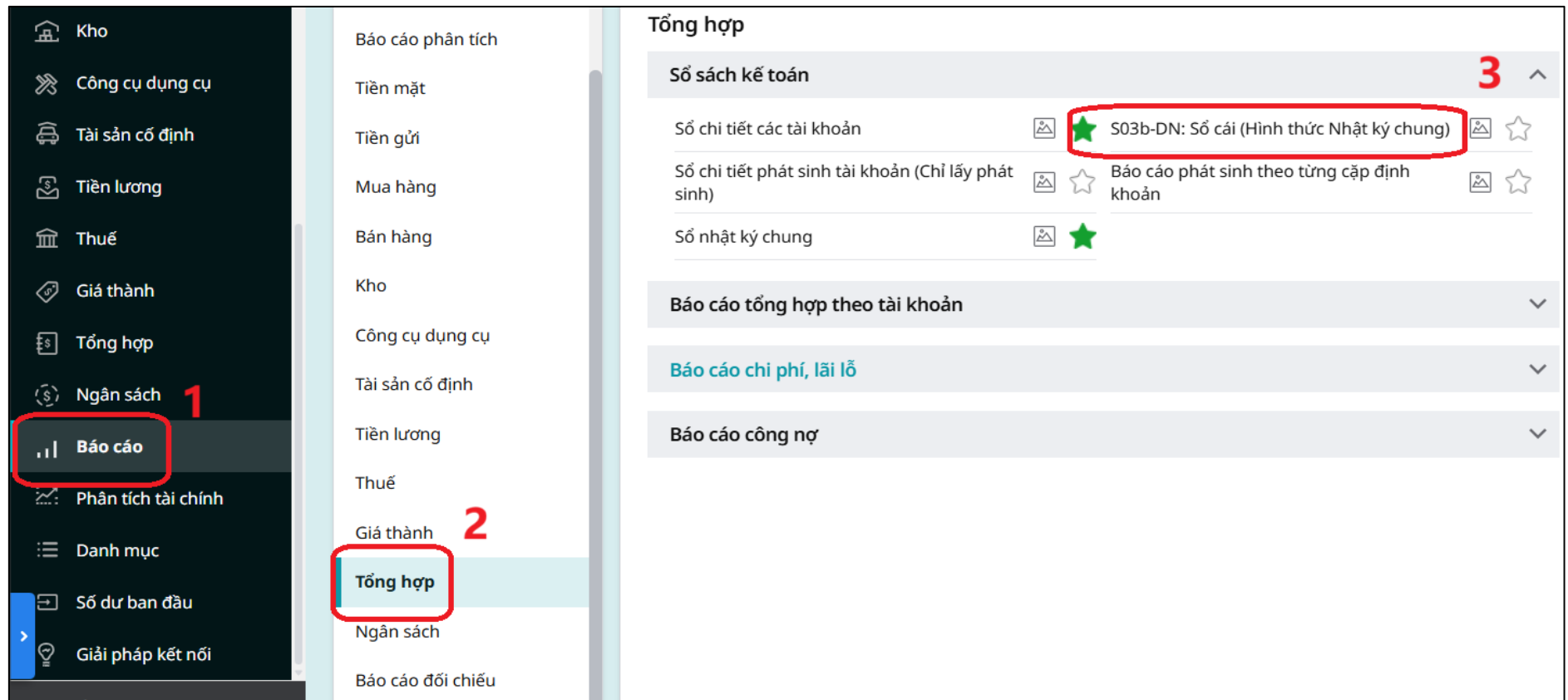
Biểu 2.8. Trích Bảng tổng hợp bán hàng theo mặt hàng tại Công ty trong tháng 1

Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Số lượng bán	Doanh số bán	SL trả lại	Giá trị trả lại	Giá trị giảm giá	Doanh thu thuần	Tiền vốn	Lãi gộp	Tỷ lệ lãi gộp (%)
				...						...	...
156335	Thép tròn phi 25	kg	5.927	102.377.071				102.377.071	79.712.223	22.664.848	22
156336	Tôn lạnh màu đỏ BRL01 AZ050 17/05: 0.45 mmx1200mm G550	kg	3.755,500	97.643.000				97.643.000	96.636.526	1.006.474	1
15648	Tôn mạ màu 0.40x1200 TL	kg	97.807,034	2.475.693.050	1.211	30.517.200		2.445.175.850	2.415.083.560	30.092.290	1
156500	Thép hộp mạ kẽm 20 x 20 x 1.4 x 6000	kg	4.652,903	78.261.828				78.261.828	77.297.840	963.988	1
156600	Ống thép mạ kẽm 88,3 x 6000mm	kg	5.446,000	93.671.200				93.671.200	91.483.923	2.187.277	2
156445	Thép tấm 4x2000x6000	kg	6.644,711	172.540.842				172.540.842	146.659.716	25.881.126	15
156474	Tôn lạnh màu Xanh BGL03 AZ050 17/05: 0.45mmx1200mm G550	kg	97.807,034	2.425.346.437				2.425.346.437	1.819.009.828	606.336.609	25
				...						...	...
Tổng cộng			1.212.809,733	1.026.154.816	1.211	30.517.200		23.034.316.053	22.007.226.806	1.942.393.553	

(Nguồn: Phòng kế toán)

Để cập nhật vào sổ cái TK 511, kế toán kích vào **Báo cáo** sau đó kích vào phân hệ **Tổng hợp**, tiếp đó vào mục **S03b-DNN: Sổ cái (Hình thức Nhật ký chung)**, cuối cùng nhập thời gian muốn xem và chọn tên **tài khoản 511**, ấn **Đồng ý**. Dưới đây là bảng trích từ bảng trích từ sổ chi tiết bán hàng và sổ cái TK 511 của Công ty trong tháng 1 năm 2026:

Hình 2.9. Giao diện trích Sổ cái trên MISA



Biểu 2.9. Trích sổ cái TK 5111

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam						Mẫu số: S03b-DNN <i>(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)</i>		
SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung) Năm 2026 Tài khoản: 5111 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ								
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
16/1/2026	0000 51	16/1/2026	DT bán hàng theo HĐ số 0000073			131		22.900.091
17/1/2026	0000 52	17/1/2026	DT bán hàng theo HĐ số 0000074			1111		1.191.837
17/1/2026	0000 53	17/1/2026	DT bán hàng theo HĐ số 0000075			131		58.687.000
17/1/2026	0000 54	17/1/2026	DT bán hàng theo HĐ số 0000076			131		28.681.818
17/1/2026	0000 55	17/1/2026	DT bán hàng theo HĐ số 0000077			131		230.545.455
17/1/2026	0000 56	17/1/2026	DT bán hàng theo HĐ số 0000078			131		81.499.773
18/1/2026	0000 57	18/1/2026	DT bán hàng theo HĐ số 0000079			131		37.054.545
18/1/2026	0000 58	18/1/2026	DT bán hàng theo HĐ số 0000080			131		153.896.960
20/1/2026	0000 0101	20/1/2026	Điều chỉnh giảm cho HĐ số 0000080			131	30.517.200	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/1/2026	NVK 56	31/1/2026	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026			911	23.034.316.053	
			Cộng phát sinh				23.034.316.053	23.034.316.053
			Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có 14 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 14

- Ngày mở sổ: 01/01/2026

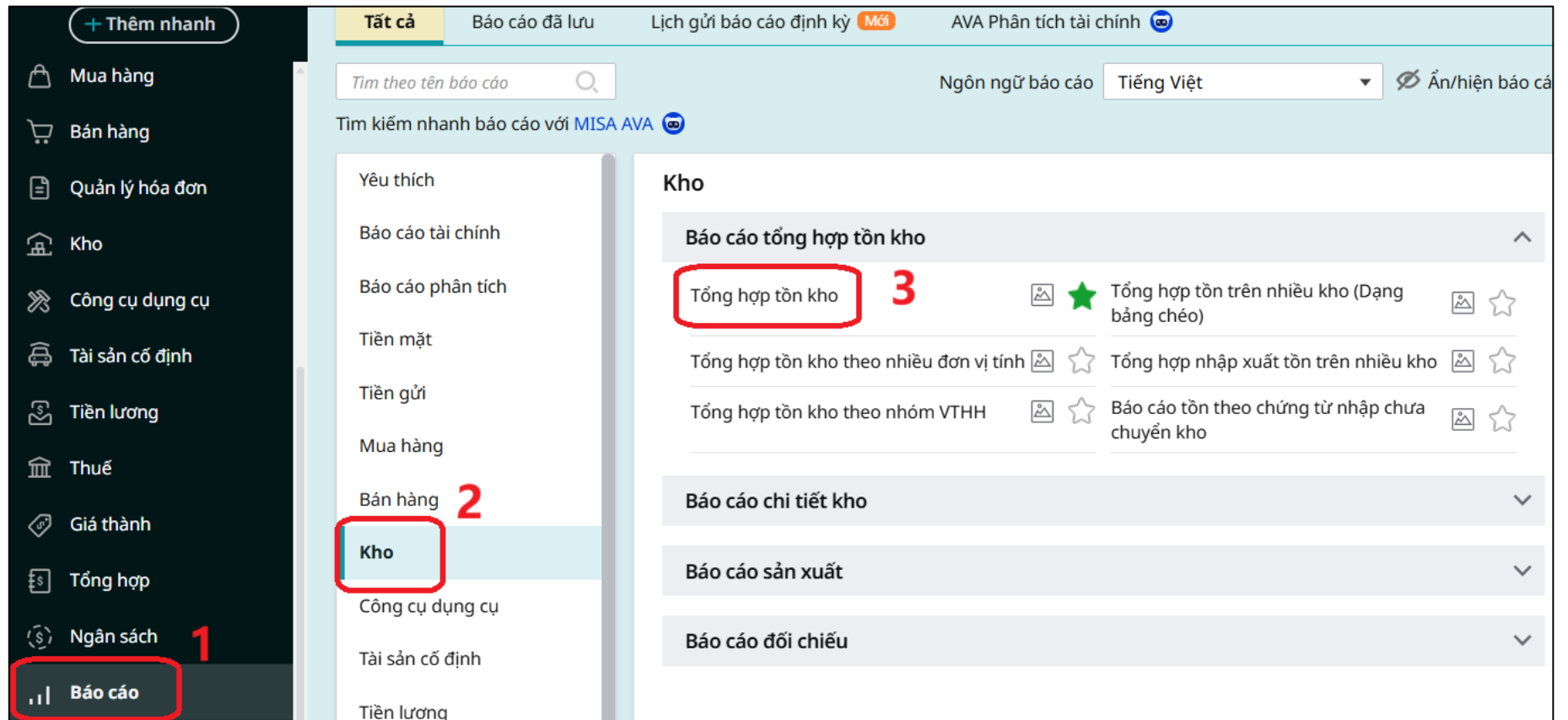
Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Người ghi sổ <i>(Ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>
--	--	--

(Nguồn: Phòng kế toán)

Đề cập nhật vào bảng tổng hợp nhập xuất tồn, kế toán kích vào **Báo cáo** sau đó kích vào phân hệ **Kho**, tiếp đó vào mục **Tổng hợp tồn kho**, cuối cùng nhập kỳ báo cáo là **Tháng 1** và chọn xem kho hàng hóa muốn xem, ấn **Đồng ý**. Dưới đây là bảng trích từ Bảng tổng hợp nhập xuất tồn của Công ty trong tháng 1 năm 2026:

Hình 2.10. Giao diện trích sổ Tổng hợp tồn kho trên MISA



Biểu 2.10. Trích Bảng tổng hợp nhập xuất tồn tại Công ty tháng 1

<i>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát</i>											
Đơn vị tính: VND											
Tên kho	Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Đầu kỳ		Nhập kho		Xuất kho		Cuối kỳ	
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
....					...		...		...		...
156	1561010	Thép hộp mạ kẽm 20 x 40 x 1.4	kg	268,880	4.744.389			268,880	4.744.389		
156	1561025	Thép hộp mạ kẽm 30 x 30 x 1.1 x 6000	kg	5.924,000	98.894.699	2.016,000	33.481.728	7.940	132.376.427		
156	1561030	Thép hộp mạ kẽm 75 x 75 x 1.4 x 6000	kg	900,000	14.942.700	2.013,000	33.439.956	900	14.942.700	2.013,000	33.439.956
156	1561048	Ống inox sus 201	kg	383,010	13.826.661					383,010	13.826.661
156	156335	Thép tròn phi 25	kg	2.154,200	29.008.198	7.412,000	99.646.937	5.927	79.712.223	3.639,200	49.034.324
156	156337	Tôn lạnh màu đỏ BRL01 AZ050 17/05: 0.45 mmx1200mm G550	kg	22.407,640	573.968.684	3.975,000	104.919.432	3.755	96.636.526	22.627,140	582.250.163
156	15648	Tôn mạ màu 0.40x1200 TL	kg	239.492,843	5.908.078.955	43.008,000	1.067.524.792	97.807,034	2.415.083.560	184.693,809	550.257.310
156	15646	Thép hộp mạ kẽm 100 x 100 x 6m	kg	13.510,677	219.741.431	2.296,200	36.947.925	135,547	2.204.574	15.671,330	254.484.782
156	1561011	Thép hộp mạ kẽm 20 x 20 x 1.1	kg	355,154	6.266.692			355,154	6.266.692		
156	156469	Thép tròn phi 18	kg	3.259,600	44.306.668			11,500	156.316	3.248,100	44.150.352
156	1561014	Thép tấm 3x2000x6000	kg	4.331,302	60.256.594	9.806,000	136.476.497	13.972,196	194.435.485	165,106	2.297.606
156	156109	Thép I150x75x5x7x12000	kg	675,800	12.198.257	5.804,000	103.944.358			6.479,800	116.142.615
156	156609	Thép hình V40	kg	9.164,108	121.959.814	2.250,000	30.476.250	94,325	1.259.716	11.319,783	151.176.348
....					...		...		...		...
Tổng cộng				3.006.078,517	53.557.172.368	1.098.768,786	18.015.107.829	1.212.809,733	22.007.226.806	2.892.037,570	3.745.413.207

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- **Các vấn đề chung về các khoản giảm trừ doanh thu:**

Theo quy định tại Thông tư 133/2016/TT-BTC, các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tuy nhiên, tại Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Vĩnh Phát không áp dụng các chính sách chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trường hợp duy nhất phát sinh khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại.

Nguyên nhân là do đặc thù doanh nghiệp chuyên bán buôn, giá bán đã được thỏa thuận theo mức ưu đãi ngay từ đầu. Công ty không thực hiện chiết khấu thanh toán vì hình thức thanh toán chủ yếu là chuyển khoản theo hợp đồng. Đồng thời, công ty cũng không thực hiện giảm giá hàng bán, bởi hàng hóa được kiểm tra kỹ càng trước khi xuất kho để đảm bảo chất lượng.

Ngoài ra, trước khi giao hàng, công ty luôn yêu cầu khách hàng phối hợp kiểm tra hàng hóa nhằm hạn chế phát sinh sai sót. Nhờ các yếu tố này, công ty đã kiểm soát tốt chất lượng và quy trình bán hàng, nên trong thực tế chỉ phát sinh một loại giảm trừ doanh thu duy nhất là hàng bán bị trả lại.

- **Các trường hợp phát sinh hàng bán bị trả lại:**

Hàng bán bị trả lại chỉ phát sinh khi hàng hóa giao không đúng quy cách, chủng loại, phẩm chất hoặc số lượng như thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế. Trong trường hợp này, khách hàng có thể yêu cầu hoàn trả. Tuy nhiên, số lượng trường hợp trả lại hàng là rất ít do:

- + Công ty hợp tác với các nhà cung cấp uy tín, đảm bảo chất lượng hàng đầu vào.

- + Quy trình kiểm tra hàng hóa tại kho được thực hiện nghiêm ngặt bởi bộ phận kế toán và kho vận.

- + Trước khi xuất kho, công ty yêu cầu khách hàng kiểm tra hàng hóa trực tiếp để xác nhận đúng chủng loại, số lượng và tình trạng hàng.

- Chính sách và điều kiện trả lại hàng

Để được chấp nhận trả lại hàng, khách hàng phải tuân thủ một số điều kiện cụ thể: Khách hàng phải phản hồi về tình trạng hàng hóa trong vòng 3 - 5 ngày kể từ ngày nhận hàng. Tuy nhiên khách hàng phải đảm bảo hàng hóa hoàn trả chưa được sử dụng và còn nguyên vẹn như khi giao. Phải có căn cứ rõ ràng: sai quy cách, sai số lượng, sai chủng loại hoặc chất lượng không đạt yêu cầu

như cam kết. Đặc biệt, việc trả hàng phải kèm theo biên bản trả lại hàng hóa, hóa đơn và người đại diện hợp pháp của khách hàng phải ký xác nhận.

Nguyên tắc hạch toán: Các khoản hàng bán bị trả lại được ghi giảm doanh thu bán hàng (ghi nợ TK 5111)

- **Chứng từ sử dụng:**

Kế toán tại Công ty sử dụng các chứng từ sau: Hóa đơn GTGT (hóa đơn trả hàng); Biên bản trả lại hàng bán, Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại và các chứng từ thanh toán khác như GBC, biên bản giao nhận hàng và tiền.

Các bước trong quy trình luân chuyển chứng từ phiếu nhập kho như sau:

(1) Khi khách hàng có nhu cầu trả lại hàng, kế toán sẽ lập hóa đơn GTGT điều chỉnh và phiếu nhập kho trên phần mềm

(2) Căn cứ vào phiếu nhập kho đã được in, thủ kho sẽ phụ trách kiểm tra và nhập kho hàng hóa bị trả lại

(3) Sau khi kiểm tra và nhập kho hàng hóa bị trả lại, thủ kho chuyển phiếu nhập kho để kế toán tiến hành lưu trữ chứng từ

- **Tài khoản sử dụng:**

Công ty áp dụng Thông tư số 133/2016/BTC, kế toán sử dụng TK 5111 để phản ánh các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán. Để hiểu rõ hơn về kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty, em xin phép được trình bày trích dẫn sau:

Trích dẫn 3: Ngày 18/1/2026, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát xuất bán cho Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Quốc Phong 2.323,3 kg Tôn mạ màu 0.40x1200 TL, do hàng bán không đảm bảo phẩm chất, Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Quốc Phong yêu cầu trả lại số hàng là 1.211 kg.

Bên mua là Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Quốc Phong cùng bên bán là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát sẽ cùng nhau lập biên bản trả lại hàng hóa cho số hàng bị trả lại. Sau đó, kế toán Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát sẽ tiến hành lập hóa đơn GTGT số 00000101 làm căn cứ để tiến hành ghi giảm doanh thu và nhập kho số hàng bị trả lại.

Nợ TK 5111: 30.517.200

Nợ TK 3331: 3.051.720

Có TK 131: 33.568.920

Biểu 2.11. Biên bản trả lại hàng bán ngày 20/01/2026**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN TRẢ LẠI HÀNG HÓA

(Số: 01/2026/TLH – DL)

Căn cứ nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 quy định về hóa đơn chứng từ Căn cứ Thông tư 78/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế, Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ.

Hôm nay, ngày 20 tháng 01 năm 2026 hai bên chúng tôi gồm có:

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT

Mã số thuế: 2700282755

Địa chỉ: SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Đại diện: Bà Đinh Thị Ngoãn Chức vụ: Giám đốc

Đơn vị mua hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI QUỐC PHONG

Mã số thuế: 2700664835

Địa chỉ: Lô A8, cụm công nghiệp Đồng Hương, Xã Quang Thiện, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Đại diện: Ông Đoàn Quốc Hưng Chức vụ: Giám đốc

Sau khi đã kiểm tra về chất lượng và mẫu mã của Tôn mạ màu 0.40x1200TL đã bàn giao vào ngày 18/1/2026, theo hóa đơn số 00000080, ký hiệu 1C26TVP thì chúng tôi xác nhận rằng có 1.211 kg không đảm bảo yêu cầu.

Do đó, hai bên chúng tôi thống nhất: Bên mua sẽ trả lại 1.211 kg không đảm bảo yêu cầu này vào ngày 20 tháng 01 năm 2026.

- Số tiền trên hóa đơn trả lại hàng sẽ là căn cứ để bên mua căn trừ vào công nợ phải trả khi thanh toán số tiền hàng đã mua vào ngày 18 tháng 01 năm 2026.

Hai bên chịu trách nhiệm kê khai đúng theo quy định của pháp luật về quản lý và phát hành hóa đơn.

Biên bản này được lập thành 2 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 1 bản.

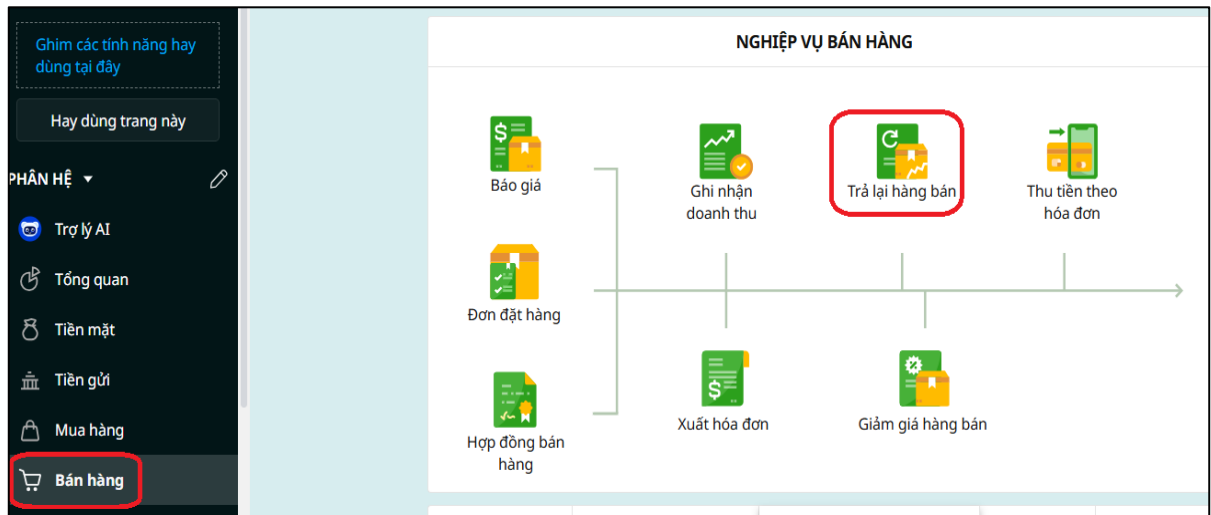
ĐẠI DIỆN BÊN MUA
(Đã ký)

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
(Đã ký)

(Nguồn: phòng kế toán)

Căn cứ từ phiếu nhập kho hàng bị trả lại (Hình 2.22), kế toán sẽ tiến hành lập chứng từ bán hàng bị trả lại trên phần mềm MISA như sau:

Vào phân hệ **Bán hàng**, nhấn chọn mục **Trả lại hàng bán**.



Hình 2.11. Giao diện vào Trả lại hàng bán trên MISA

(Nguồn: phòng kế toán)

Kế toán khai báo thông tin điều chỉnh hóa đơn gồm: Mã hàng, số lượng, tiền thuế,..và nhấn **Cất**. Dưới đây là giao diện hàng bán bị trả lại BTL00001 tại Công ty.

Chứng từ ... 1. Bán hàng hóa, dịch vụ Nhập chứng từ bán hàng, dịch vụ

☒ Giảm trừ công nợ ☐ Trả lại tiền mặt ☒ Kiểm phiếu nhập kho Người bán xuất hóa đơn điều chỉnh

Giảm trừ công nợ | Phiếu nhập | Hóa đơn

Mã khách hàng: QUOC PHONG

Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI QUỐC

Địa chỉ: Lô A8, cụm công nghiệp Đồng Hường, Xã Quang Thiện, Ninh Bình

Nhân viên bán hàng:

Tham chiếu: 00000138 NK000084 ...

Ngày hạch toán: 20/01/2026 16:44:43

Ngày chứng từ: 20/01/2026

Số chứng từ: BTL00001

Tổng tiền thanh toán: **33.568.920**

Diễn giải: Trả lại hàng bán CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT

Hàng tiền | Giá vốn Gợi ý hồ sơ | Loại tiền: VND | Chiết khấu: Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	TK trả lại	TK công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TK
1	15648	Tôn mạ màu 0.40x1200 TL	5111	131	kg	1.211,000	25.200,00	30.517.200	10	3.051.720	33
							1.211,000	30.517.200		3.051.720	

Tổng số: 1 bản ghi 20 bản ghi trên 1 trang | Trước 1 Sau

Thêm dòng Thêm ghi chú Xóa hết dòng

Số đơn hàng từ hệ thống khác: | Sản thương mại điện tử: | Tên shop:

Tổng tiền hàng: 30.517.200

Thuế GTGT: 3.051.720

Tổng tiền thanh toán: 33.568.920

(Nguồn: phòng kế toán)

Hình 2.12. Giao diện hàng bán bị trả lại

Biểu 2.12. Hóa đơn GTGT số 00000101

Ký hiệu (Serial): 1C24TQP HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Số (No): 24 (VAT INVOICE) Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display) Ngày (date) 20 tháng (month) 01 năm (year) 2026					
Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI QUỐC PHONG Mã số thuế (Tax code): 2700664835 Địa chỉ (Address): Lô A8, cụm công nghiệp Đồng Hường, Xã Quang Thiện, Tỉnh Ninh Bình Điện thoại (Tel): 02293632222 Fax: Website: Số Tài khoản (AC No): Ngân hàng (Bank):					
Họ tên người mua hàng (Customers name): Tên đơn vị (Comanys name): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT Mã số thuế (Tax code): 2700282755 Địa chỉ (Address): SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình Số Tài khoản (AC No): 117002636888 Ngân hàng (Bank): Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Ninh Bình Hình thức thanh toán (Payment method): CK					
Người mua trả lại hàng không đảm bảo chất lượng ngày 20 tháng 01 năm 2026					
STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	1	4	1	6 = 4 x 5
1	Trả lại Tôn mạ màu 0.40x1200 TL	Kg	1.211	25.200	30.517.200
Cộng tiền hàng (Total amount)					30.517.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		3.051.720
TỔNG TIỀN THANH TOÁN (Total payment)					33.568.920
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Ba mươi ba triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm hai mươi đồng .					
Người mua hàng (Buyer) (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign, full name)			Người bán hàng (Seller) (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign, full name)		
Đã xác nhận					

(Nguồn: phòng kế toán)

Căn cứ từ hóa đơn GTGT trả lại hàng và phiếu nhập kho hàng bị trả lại (Hình 2.22), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu 2.32), từ sổ Nhật ký chung vào sổ Cái TK 5111 và sổ Cái TK 632, căn cứ từ các chứng từ đã nêu trên kế toán tiến hành vào sổ chi tiết bán hàng (biểu 2.7) và sổ chi tiết giá vốn hàng bán (biểu 2.13).

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

- **Các vấn đề chung về giá vốn hàng bán:**

Tại Công ty cùng các nhà cung cấp có thể thống nhất áp dụng phương pháp tính gộp toàn bộ chi phí vận chuyển và bốc xếp vào đơn giá sản phẩm, nghĩa là giá đã bao gồm chi phí hàng hóa, bảo hiểm và cước vận chuyển. Theo đó, đơn giá được ghi trên hóa đơn GTGT và hợp đồng mua bán sẽ đại diện cho mức giá giao hàng tận kho của công ty, bao gồm toàn bộ chi phí để đưa hàng hóa đến địa điểm nhập kho theo thỏa thuận. Cả hai bên chỉ cần thỏa thuận một mức giá trọn gói cho từng loại sản phẩm. Mức giá này sẽ được tính dựa trên giá xuất xưởng tại với chi phí vận chuyển trung bình và bốc xếp.

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của số hàng hóa đã bán được. Giá xuất kho theo phương pháp bình quân cuối kỳ trên phần mềm MISA, phần mềm sẽ tự động cập nhật giá vốn của hàng hóa. Theo phương pháp này, cuối kỳ kế toán, kế toán căn cứ trên số hàng tồn đầu kỳ và tập hợp các lần tập hợp trong kỳ của từng loại hàng hóa để tính giá xuất kho của hàng hóa trong kỳ. Công thức tính giá hàng tồn kho:

Đơn giá xuất kho bình quân cả tháng	=	$\frac{\text{Giá trị tồn đầu tháng} + \text{Giá trị nhập kho trong tháng}}{\text{Số lượng tồn đầu tháng} + \text{Số lượng nhập kho trong tháng}}$
--	---	---

Giá thực tế xuất kho = Số lượng xuất kho x Đơn giá bình quân

Trích dẫn 4: Tại Công ty, có số liệu của hàng hóa Tôn mạ màu 0.40x1200 TL trong tháng 01/2026 như sau:

- Tồn đầu kỳ: 239.492,843 kg, đơn giá 24.669,13 đồng / kg
- Nhập kho: + Ngày 02/01: 5.000 kg, đơn giá 24.820 đồng/ kg
 + Ngày 10/01: 9.784 kg, đơn giá 24.821 đồng/ kg
 + Ngày 19/01: 28.224 kg, đơn giá 24.822 đồng/ kg
- Số lượng nhập kho trong kỳ 43.008 kg, giá trị nhập kho trong kỳ 1.067.524.792 đồng/ kg.

Áp dụng công thức trên, ta được:

Đơn giá xuất kho bình quân cả kỳ của **Tôn mạ màu 0.40x1200 TL** =

$$\frac{(239.492,843 \times 24.669,13) + (43.008 \times 1.067.524.792)}{239.492,843 + 43.008} = 24.692,33 \text{ đồng/kg}$$

Tương tự như trên, ta lần lượt tính được đơn giá xuất kho của **Thép tròn phi 25** là: 13.449 đồng/ kg

Tôn lạnh màu đỏ BRL01 AZ050 17/05: 0.45 mmx1200mm G55 là: 25.732 đồng/kg

Điều kiện ghi nhận giá vốn: Giá vốn được ghi nhận trong kỳ kế toán khi có phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, việc ghi nhận giá vốn phải tuân thủ theo nguyên tắc phù hợp và nguyên tắc nhất quán.

- **Chứng từ sử dụng:**

Chứng từ được sử dụng là Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT), Phiếu nhập kho, Hóa đơn mua hàng,..

- **Tài khoản sử dụng:**

Kế toán sử dụng TK 632 – “Giá vốn hàng bán” để phản ánh giá vốn hàng bán của hàng hóa. Kết cấu của tài khoản này như sau:

TK 632: Giá vốn hàng bán	
Bên nợ	Bên có
Giá trị của hàng hóa xuất kho đã xuất đi trong kỳ	Kết chuyển giá vốn hàng bán trong kỳ sang TK 911 – Xác định KQHDKD
Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ	

Hiện tại Công ty không mở chi tiết cho TK 632.

Để có thể hiểu rõ hơn về kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty, em xin phép được trình bày trích dẫn sau:

Trích dẫn 5: Ngày 15/01/2026, Công ty có nhận được đơn đặt hàng 69kg thép tròn phi 25 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Minh Đức.

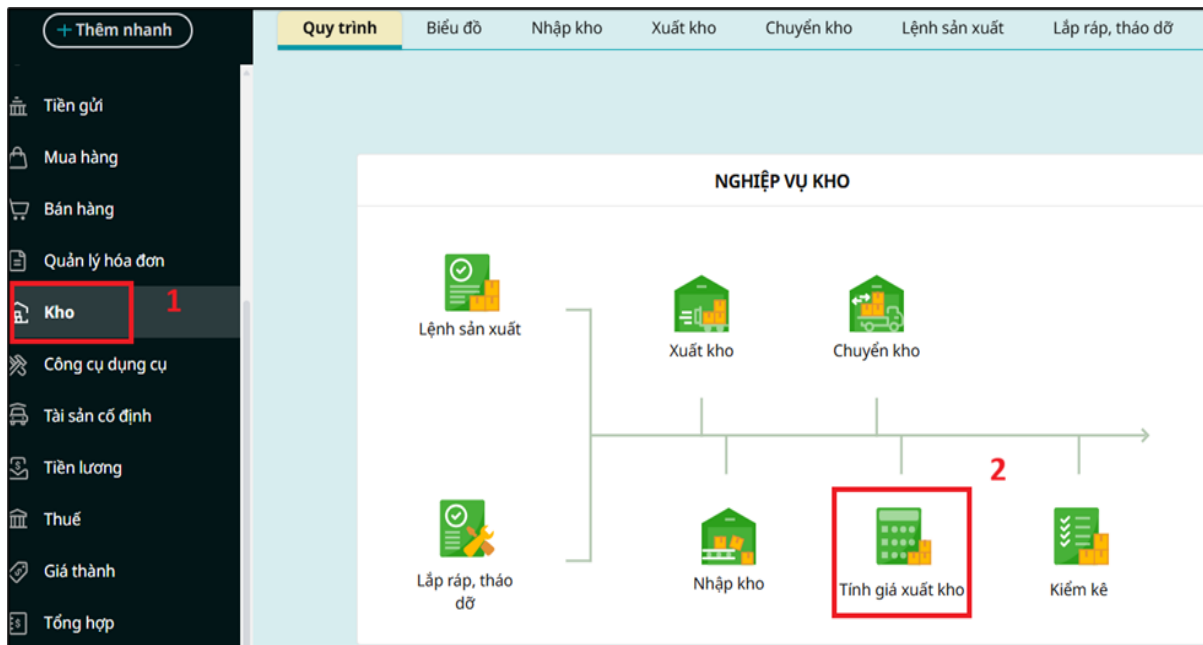
Khi khách hàng báo cho nhân viên phòng kinh doanh về số lượng và chủng loại hàng hóa, phòng kinh doanh sẽ gửi bảng báo giá kèm xác nhận đơn hàng, dựa vào đó kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho XK00842 ngày 15/01/2026.

Biểu 2.13. Bảng báo giá kiêm xác nhận đơn hàng của Công ty

	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT	VP: SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, P. Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình Địa điểm KD: - Đ10, Chợ Dầu, Phường Đông Hoa Lư, T. Ninh Bình - Phố Bình Chương, P. Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình Email: vinhphatcompany.nb@gmail.com				
Ninh Bình, ngày 15, tháng 01, năm 2026						
BẢNG BÁO GIÁ KIÊM XÁC NHẬN ĐƠN HÀNG Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ XÂY DỰNG MINH ĐỨC Địa chỉ: SN 09, ngõ 3, đường Tôn Đức Thắng, phố 11, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam Liên hệ: Điện thoại: Chúng tôi xin hân hạnh gửi đến Quý công ty bản báo giá các loại sản phẩm với nội dung như sau I: NỘI DUNG HÀNG HÓA						
STT	Hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Thép tròn phi 25	kg	69	17.273	1.191.837	
TỔNG					1.191.837	
VAT 10%					119.184	
TỔNG CỘNG					1.311.021	
2. Số tiền bằng chữ: Một triệu ba trăm mười một nghìn không trăm hai mươi một đồng chẵn. 3. Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT 4. Địa điểm giao hàng: tại kho bên mua 5. Phương thức thanh toán: theo thỏa thuận của 2 bên <i>(tài khoản thanh toán: Công ty TNHH SX TM Vĩnh Phát</i> <i>STK: 117.002.636.888 - Tại ngân hàng TM CP Công thương - CN Ninh Bình</i> <i>STK: 190.370.170.11016 - Tại ngân hàng TM CP Kỹ thương - CN Ninh Bình</i> 6. Thời gian giao hàng: theo thỏa thuận của 2 bên kể từ khi đơn hàng được xác nhận 7. Báo giá có hiệu lực trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi báo giá XÁC NHẬN BÊN MUA XÁC NHẬN BÊN BÁN						

(Nguồn: Phòng kế toán)

Hiện nay, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát đang tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân cuối kỳ trên phần mềm MISA, phần mềm sẽ tự động cập nhật giá vốn của hàng hóa. Theo phương pháp này, cuối kỳ kế toán, kế toán căn cứ trên số hàng tồn đầu kỳ và tập hợp các lần tập hợp trong kỳ của từng loại hàng hóa để tính giá xuất kho của hàng hóa trong kỳ. Kế toán tiến hành tính giá vốn hàng bán trên phần mềm MISA. Vào phân hệ Kho chọn Tính giá xuất kho, màn hình sẽ xuất hiện giao diện Tính giá xuất kho. Giao diện đó được minh họa bằng hình ảnh dưới đây:



(Nguồn: Phòng kế toán)

Hình 2.14. Quy trình tính giá vốn hàng bán trên phần mềm MISA

Sau đó, màn hình hiện “**Tính giá xuất kho**” chọn thời gian tháng 1, kỳ tính giá theo tháng, ấn **Thực hiện**. Phần mềm sẽ tự động cập nhật giá xuất kho. Dưới đây là giao diện tính giá xuất kho trên phần mềm MISA.

Tính giá xuất kho

?

×

Lần tính giá cuối cùng: 31/01/2026 14:28:49

Vật tư hàng hóa cần tính giá

☒ Tất cả vật tư, hàng hóa
 ☐ Vật tư, hàng hóa được chọn

Chọn...

Thời gian

Tháng 1

01/01/2026

31/01/2026

Kỳ tính giá

Tháng

☒ Tính giá theo kho
 ☐ Tính giá không theo kho

Chi nhánh

☐ Tính giá chung cho các chi nhánh phụ thuộc
 ☒ Tính giá riêng theo từng chi nhánh

Thay đổi tùy chọn

i

Bạn chưa biết cách thiết lập tính giá xuất kho? [XEM HƯỚNG DẪN TÍNH GIÁ](#)

Trong khi tính giá, bạn không nên thêm/sửa hàng hóa, các chứng từ liên quan đến hàng hóa phát sinh trong khoảng thời gian tính giá

Hủy

Thực hiện

(Nguồn: Phòng kế toán)

Hình 2.15. Giao diện tính giá xuất kho trên phần mềm MISA tháng 1/2026

Theo cách thức này, hàng hóa xuất bán sẽ được cập nhật đơn giá xuất kho bình quân cả kỳ, do vậy kế toán chỉ cần nhập số lượng xuất bán và cuối cùng ấn vào **Cất** để hoàn thành phiếu xuất kho như giao diện dưới đây:

Chứng từ bán hàng PT0043

1. Bán hàng hóa trong nước

Nhập số phiếu xuất

Hướng dẫn sử dụng

Chưa thu tiền

Thu tiền ngay

Tiền mặt

✓

Kiểm phiếu xuất

✓

Lập kèm hóa đơn

ĐÃ LẬP HÓA ĐƠN

Phiếu thu

Phiếu xuất

Hóa đơn

Mã khách hàng

MINH DUC

+

▼

Tên khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ XÂY DỰNG MINH ĐỨC

Ngày hạch toán

17/01/2026 00:25:23

Người nhận

Địa chỉ

SN 09, ngõ 3, đường Tôn Đức Thắng, phố 11, Phường Hoa Lư, Ninh Bình

Ngày chứng từ

17/01/2026

Nhân viên bán hàng

+

▼

Lý do xuất

Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ XÂY DỰNG MINH ĐỨC theo hóa đơn

Số phiếu xuất

XK00842

Kèm theo

Số lượng

Chứng từ gốc

Tham chiếu

PT0043 00000032 ...

Hàng tiền

Giá vốn

Trợ lý AI

Loại tiền

VND

Chiết khấu

Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	TK giá vốn	TK kho	ĐVT	Số lượng	Đơn giá vốn	Tiền vốn	
1	156335	Thép tròn phi 25	632	156	kg	69,000	13.448,93	927.976	
							69,000	927.976	

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước

1

Sau

Thêm dòng

Thêm ghi chú

Xóa hết dòng

Là hóa đơn thay thế

Số đơn hàng từ hệ thống khác

Sản thương mại điện tử

Tên shop

Tổng tiền hàng

Thuế GTGT

Tổng tiền thanh toán

1.191.837

119.184

1.311.021

(Nguồn: Phòng kế toán)

Hình 2.16. Giao diện phiếu xuất kho XK00842

Giá vốn thực tế xuất kho được xác định có giá trị là 927.976 đồng. Khi đó kế toán hạch toán giá vốn của hàng hóa xuất kho như sau:

Nợ TK 632: 927.976

Có TK 156 (156335): 927.976

Sau khi hạch toán xong, kế toán sẽ kiểm tra lại các số liệu, định khoản, sau đó in phiếu xuất kho từ phần mềm như sau: Tại giao diện “Chứng từ bán hàng” / “In” / Lựa chọn “Phiếu xuất kho”. Dưới đây là phiếu xuất kho được in từ phần mềm kế toán ngày 17/1/2026 ở trích dẫn 1:

Biểu 2.17. Phiếu xuất kho số XK00842 ngày 17/01/2026

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT				Mẫu số: 02 - VT			
SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.				(Kèm theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính)			
PHIẾU XUẤT KHO Ngày 17 tháng 01 năm 2026 Số: XK00842							
- Họ và tên người nhận hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ XÂY DỰNG MINH ĐỨC				Nợ: 632 Có: 156			
- Địa chỉ (bộ phận): SN 09, Ngõ 3, đường Tôn Đức Thắng, phố 11, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình. - Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ XÂY DỰNG MINH ĐỨC theo hóa đơn số 000000074 - Xuất tại kho (ngăn lô): Kho hàng hóa 156							
				Địa điểm:			
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	Yêu cầu 1	Thực xuất 2	3	4
1	Thép tròn phi 25	156335	kg	69	69	13.449	927.976
	Cộng						927.976
- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Chín trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng chẵn. - Số chứng từ gốc kèm theo:							
Ngày 17 tháng 01 năm 2026							
Người lập biểu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)		Giám đốc		
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

(Nguồn: phòng kế toán)

Người lập phiếu sau khi ký tên sẽ chuyển cho kế toán trưởng (hoặc bộ phận có nhu cầu nhận) xem xét, đối chiếu, ký xác nhận và được chuyển cho giám đốc ký duyệt, đóng dấu. Tiếp theo phiếu xuất kho được chuyển cho thủ

kho, sau khi kiểm tra hàng hóa đủ, thủ kho sẽ ký phiếu và xuất hàng. Nhân viên giao hàng hóa và chuyển giao cho khách.

Trích dẫn 6: Ngày 17/01/2026, Công ty có nhận được đơn đặt hàng 3.756 kg Tôn lạnh màu đỏ BRL01 AZ050 17/05: 0.45mmx1200mm G550 và 2.232 kg Tôn mạ màu 0.40x1200 TL của Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Quốc Phong với tổng số tiền là 169.286.656 đồng (Đã gồm 10% thuế VAT). Khách hàng chưa thanh toán.

Dưới đây là Bảng báo giá kiêm xác nhận đơn hàng 17/01/2026 mà Công ty lập gửi cho Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Quốc Phong để xác nhận đơn hàng và làm căn cứ để xuất kho.

Biểu 2.18. Bảng báo giá kiêm xác nhận đơn hàng của Công ty

	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT		VP: SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, P. Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình			
			Địa điểm KD: - Đ10, Chợ Dầu, Phường Đông Hoa Lư, T. Ninh Bình			
			- Phố Bình Chương, P. Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình			
			Email: vinhphatcompany.nb@gmail.com			
Ninh Bình, ngày 17, tháng 01, năm 2026						
BẢNG BÁO GIÁ KIÊM XÁC NHẬN ĐƠN HÀNG						
Kính gửi: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI QUỐC PHONG						
Địa chỉ: Lô A8, cụm công nghiệp Đồng Hướng, Xã Quang Thiện, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam						
Liên hệ:			Điện thoại:			
Chúng tôi xin hân hạnh gửi đến Quý công ty bản báo giá các loại sản phẩm với nội dung như sau						
I: NỘI DUNG HÀNG HÓA						
STT	Hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Tôn lạnh màu đỏ BRL01 AZ050 17/05: 0.45mmx1200mm G550	kg	3.756	26.000	97.643.000	
2	Tôn mạ màu 0.40x1200 TL	kg	2.232	25.200	56.253.960	
TỔNG					153.896.960	
VAT 10%					15.389.696	
TỔNG CỘNG					169.286.656	
2. Số tiền bằng chữ: Một trăm sáu mươi chín triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng chẵn.						
3. Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT						
4. Địa điểm giao hàng: tại kho bên mua						
5. Phương thức thanh toán: theo thỏa thuận của 2 bên						
(tài khoản thanh toán: Công ty TNHH SX TM Vĩnh Phát						
STK: 117.002.636.888 - Tại ngân hàng TM CP Công thương - CN Ninh Bình						
STK: 190.370.170.11016 - Tại ngân hàng TM CP Kỹ thương - CN Ninh Bình						
6. Thời gian giao hàng: theo thỏa thuận của 2 bên kể từ khi đơn hàng được xác nhận						
7. Báo giá có hiệu lực trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi báo giá						
XÁC NHẬN BÊN MUA			XÁC NHẬN BÊN BÁN			

(Nguồn: phòng kế toán)

Chứng từ bán hàng 000058

1. Bán hàng hóa trong nước

Nhập số phiếu xuất

Hướng dẫn sử dụng

Mã khách hàng
QUOC PHONG

Tên khách hàng
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI QUỐC PHONG

Ngày hạch toán
18/01/2026 11:59:31

Tổng tiền thanh toán
169.286.656

Người nhận
Lê Văn Vinh

Địa chỉ
Lô A8, cụm công nghiệp Đồng Hưởng, Xã Quang Thiện, Ninh Bình

Ngày chứng từ
18/01/2026

Nhân viên bán hàng

Lý do xuất
Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI QUỐC PHONG t

Số phiếu xuất
XK00848

Kèm theo
Số lượng Chứng từ gốc Tham chiếu 000058 00000133 ...

Điều khoản thanh toán
Số ngày được nợ Hạn thanh toán DD/MM/YYYY

Hàng tiền [Giá vốn](#)

Trợ lý AI

Loại tiền VND

Chiết khấu Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	TK giá vốn	TK kho	ĐVT	Số lượng	Đơn giá vốn	Tiền vốn
1	156336	Tôn lạnh màu đỏ BRL01 AZ050 17/05: 0.45 mmx1200mm G550	632	156	kg	3.755,500	25.732,38	96.637.953
2	15648	Tôn mạ màu 0.40x1200 TL	632	156	kg	2.232,300	24.692,33	55.120.688
							5.987,800	151.758.641

Tổng số: 2 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước 1 Sau

Thêm dòng

Thêm ghi chú

Xóa hết dòng

Số đơn hàng từ hệ thống khác

Sàn thương mại điện tử

Tên shop

Tổng tiền hàng

Thuế GTGT

Tổng tiền thanh toán

153.896.960

15.389.696

169.286.656

(Nguồn: phòng kế toán)

Hình 2.19. Giao diện phiếu xuất kho XK00848

Giá vốn thực tế xuất kho được xác định có giá trị là 151.758.641 đồng. Khi đó kế toán hạch toán giá vốn của hàng hóa xuất kho như sau:

Nợ TK 632: 151.758.641

Có TK 156 (156337): 96.637.953

Có TK 156 (15648) : 55.120.688

Sau khi hạch toán xong, kế toán sẽ kiểm tra lại các số liệu, định khoản, sau đó in phiếu xuất kho. Dưới đây là phiếu xuất kho được in từ phần mềm kế toán ngày 18/1/2026 ở trích dẫn 2:

Biểu 2.20. Phiếu xuất kho số XK00774 ngày 18/01/2026

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT				Mẫu số: 02 - VT			
SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.				<i>(Kèm theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính)</i>			
PHIẾU XUẤT KHO Ngày 18 tháng 01 năm 2026							
S: XK00848				Nợ: 632 Có: 156			
- Họ và tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI QUỐC PHONG - Địa chỉ (bộ phận): Lô A8, cụm công nghiệp Đồng Hương, Xã Quang Thiện, Tỉnh Ninh Bình - Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI QUỐC PHONG theo hóa đơn số 000000080 - Xuất tại kho (ngăn lô): Kho hàng hóa 156							
				Địa điểm:			
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	Yêu cầu	Thực xuất	3	4
1	Tôn lạnh màu đỏ BRL01 AZ050 17/05: 0.45mmx1200mm G550	156337	kg	3.755,5	3.755,5	25.732	96.636.526
2	Tôn mạ màu 0.40x1200 TL	15648	kg	2.232,3	2.232,3	24.692	55.119.952
Cộng							151.756.478
- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Một trăm năm mươi một triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi tám đồng chẵn. - Số chứng từ gốc kèm theo:							
Ngày 18 tháng 01 năm 2026							
Người lập biểu <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nhận hàng <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ kho <i>(Ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập) <i>(Ký, họ tên)</i>		Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>		

(Nguồn: phòng kế toán)

Trích dẫn 7: Ngày 20/1/2026 Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Quốc Phong trả lại hàng, kế toán Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát căn cứ từ hóa đơn GTGT trả lại hàng số 00000101 tiến hành ghi giảm doanh thu và nhập kho số hàng bị trả lại. Trị giá vốn của hàng bán trả lại ngày 20/1/2026 là 29.902.012 đồng.

Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh số 00000101 kế toán đã lập phiếu nhập kho kèm chứng từ hàng bán bị trả lại trước đó. Khi đó kế toán hạch toán giá vốn của hàng hóa nhập kho bị trả lại như sau:

Nợ TK 156 (15648): 29.902.012

Có TK 632: 29.902.012

Chứng từ bán hàng bị trả lại BTL00001 1. Bán hàng hóa, dịch vụ Nhập chứng từ bán hàng, dịch vụ Hướng dẫn sử dụng

☒ Giảm trừ công nợ ☐ Trả lại tiền mặt ☒ Kiểm phiếu nhập kho Người bán xuất hóa đơn điều chỉnh

Giảm trừ công nợ **Phiếu nhập** Hóa đơn

Mã khách hàng QUOC PHONG **Tên khách hàng** CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI QUỐC PHONG **Ngày hạch toán** 20/01/2026 16:44:43 **Tổng tiền thanh toán** **33.568.920**

Người giao hàng Lê Văn Vinh **Địa chỉ** Lô A8, cụm công nghiệp Đồng Hướng, Xã Quang Thiện, Ninh Bình **Ngày chứng từ** 20/01/2026

Nhân viên bán hàng **Diễn giải** Nhập kho trả lại hàng bán CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI **Số phiếu nhập** NK000084

Kèm theo Số lượng Chứng từ gốc Tham chiếu BTL00001

Hàng tiền **Giá vốn** **Gợi ý hồ sơ** Loại tiền VND Đơn giá nhập kho Nhập đơn giá bằng tay

#	Mã hàng	Tên hàng	TK kho	TK giá vốn	ĐVT	Số lượng	Đơn giá vốn	Tiền vốn
1	15648	Tôn mạ màu 0.40x1200 TL	156	632	kg	1.211,000	24.692,00	29.902.012
							1.211,000	29.902.012

Tổng số: 1 bản ghi 20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau

Thêm dòng Thêm ghi chú Xóa hết dòng

Số đơn hàng từ hệ thống khác Sản thương mại điện tử Tên shop

Tổng tiền hàng 30.517.200
Thuế GTGT 3.051.720
Tổng tiền thanh toán 33.568.920

(Nguồn: phòng kế toán)

Hình 2.21. Giao diện phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại số NK000083

Sau khi hạch toán xong, kế toán sẽ kiểm tra lại các số liệu, định khoản, sau đó in phiếu nhập kho. Dưới đây là phiếu nhập kho được in từ phần mềm kế toán ngày 18/1/2026.

Biểu 2.22. Phiếu nhập kho hàng bị trả lại số NK000083

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VINH PHÁT					Mẫu số: 01 - VT		
SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.					(Kèm theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính)		
PHIẾU NHẬP KHO							
Ngày 20 tháng 01 năm 2026					Nợ: 156		
Số: NK000083					Có: 632		
- Họ và tên người giao hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI QUỐC PHONG - Địa chỉ (bộ phận): Lô A8, cụm công nghiệp Đồng Hường, Xã Quang Thiệu, Tỉnh Ninh Bình, Việt - Lý do nhập kho: nhập kho hàng bán bị trả lại CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI QUỐC PHONG theo hóa đơn GTGT số 00000080 - Nhập tại kho (ngăn lô): Kho hàng hóa 156							
					Địa điểm:		
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Tôn mạ màu 0.40x1200 TL	15648	kg	1.211	1.211	24.692	29.902.012
Cộng							29.902.012
- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Hai mươi chín triệu chín trăm linh hai nghìn không trăm mười hai đồng chẵn. - Số chứng từ gốc kèm theo:							
Ngày 20 tháng 01 năm 2026							
Người lập biểu		Người nhận hàng		Thủ kho		Kế toán trưởng	
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Hoặc bộ phận có (Ký, họ tên)	

(Nguồn: phòng kế toán)

Người lập phiếu sau khi ký tên sẽ chuyển cho kế toán trưởng xem xét, đối chiếu, ký xác nhận và được chuyển cho giám đốc ký duyệt, đóng dấu. Tiếp theo phiếu xuất kho được chuyển cho thủ kho, sau khi kiểm tra hàng hóa đủ, thủ kho sẽ ký phiếu và nhập hàng.

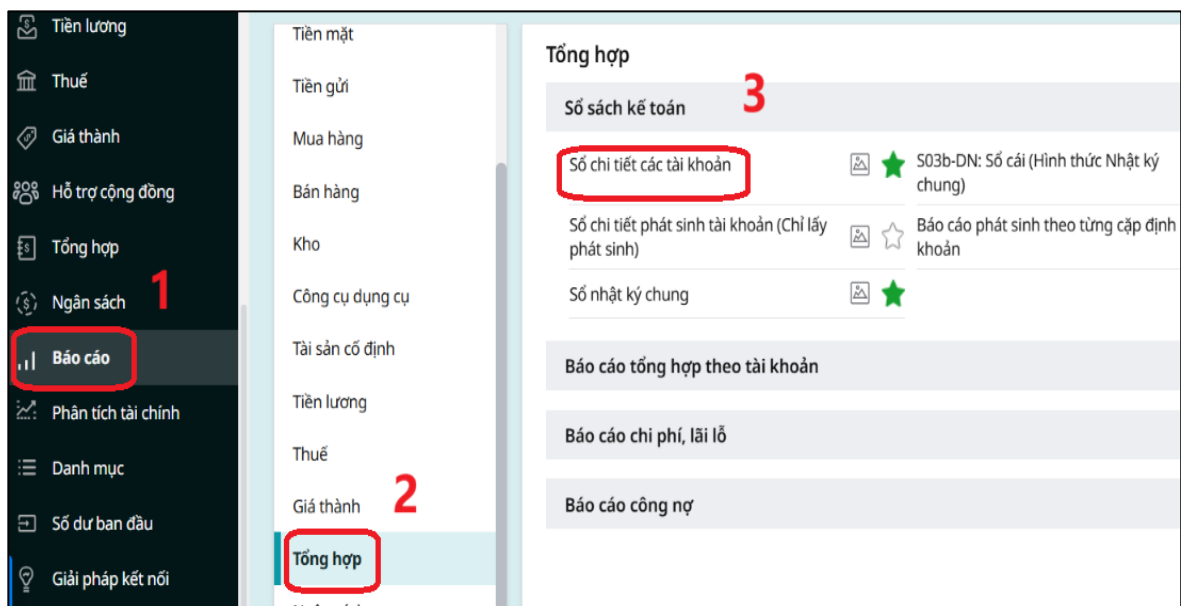
• **Ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán:**

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vinh Phát sử dụng phần mềm kế toán MISA trong công tác ghi sổ kế toán về việc tính giá vốn hàng bán. Việc sử dụng phần mềm sẽ giúp cho quá trình xác định giá vốn cũng như công tác tính toán, đối chiếu số liệu được nhanh chóng và thuận tiện hơn, giảm thiểu sai sót.

Trình tự ghi sổ tại Công ty được thực hiện như sau: Hàng ngày, kế toán dựa trên các chứng từ kế toán như Phiếu xuất kho, Giấy báo có, Giấy báo nợ,

Hóa đơn GTGT, ... đã được kiểm tra và xác định tài khoản ghi nợ cũng như tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào phần mềm máy tính theo trình tự quy định. Phần mềm kế toán sẽ tự động cập nhật số liệu vào Sổ Nhật ký chung và Sổ cái tài khoản 632. Đến cuối kỳ, kế toán sẽ in đầy đủ các sổ sách và báo cáo theo quy định hiện hành. Trên phần mềm kế toán MISA, để cập nhật vào sổ cái TK 632, kế toán kích vào **Báo cáo** sau đó kích vào phân hệ **Tổng hợp**, tiếp đó vào mục **S03b-DNN: Sổ cái (Hình thức Nhật ký chung)**, cuối cùng nhập thời gian muốn xem và chọn tên tài khoản 632, ấn **Đồng ý**.

Để cập nhật vào sổ chi tiết TK 632, kế toán kích vào **Báo cáo** sau đó kích vào phân hệ **Tổng hợp**, tiếp đó vào mục **Sổ chi tiết các tài khoản**, cuối cùng nhập thời gian muốn xem là tháng 1 và chọn tên tài khoản 632, ấn **Đồng ý**. Dưới đây là bảng trích từ sổ chi tiết TK 632 trong tháng 1 năm 2026:



Hình 2.23. Quy trình xuất sổ chi tiết trên MISA

Biểu 2.13. Trích sổ chi tiết TK 632

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT

SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S16 -DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 632

Tháng 01 năm 2026

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
					22.007.226.806	22.007.226.806		
...	...						...	
17/1/2026	17/1/2026	XK00842	Thép tròn phi 25	156	927.976		8.340.860.615	
17/1/2026	17/1/2026	XK00843	Tôn lạnh màu đen BRL01 AZ050 17/05: 0.45 mmx1200mm G550	156	47.576.235		8.388.436.850	
17/1/2026	17/1/2026	XK00844	Thép hộp mạ kẽm 40 x 40 x 1.4 x 6000	156	26.812.463		8.415.249.313	
17/1/2026	17/1/2026	XK00845	Thép hộp mạ kẽm 20 x 40 x 1.4	156	227.638.682		8.642.887.995	
17/1/2026	17/1/2026	XK00846	Thép hộp mạ kẽm 30 x 30 x 1.1 x 6000	156	69.299.951		8.712.187.946	
18/1/2026	18/1/2026	XK00848	Tôn lạnh màu đỏ BRL01 AZ050 17/05: 0.45 mmx1200mm G550	156	55.183.494		8.767.371.440	
18/01/2026	18/01/2026	XK00848	Tôn mạ màu 0.40x1200 TL	156	96.637.953		8.864.009.393	
...	...	...						
20/01/2026	20/01/2026	NK000083	Nhập kho hàng bán bị trả lại Tôn mạ màu 0.40x1200 TL	156		29.902.012	8.834.107.514	
...	...	...						
31/01/2026	31/01/2026	NVK000056	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		22.007.226.806		
			Cộng		22.007.226.806	22.007.226.806		

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.14. Trích sổ cái TK 632

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam						Mẫu số: S03b-DNN <i>(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)</i>		
SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung) Năm 2026								
Tài khoản: 632- Giá vốn hàng bán								
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
16/1/2026	0000 51	16/1/2026	DT bán hàng theo HĐ số 0000073			156	19.748.58.	
17/1/2026	0000 52	17/1/2026	DT bán hàng theo HĐ số 0000074			156	927.976	
17/1/2026	0000 53	17/1/2026	DT bán hàng theo HĐ số 0000075			156	55.183.494	
17/1/2026	0000 54	17/1/2026	DT bán hàng theo HĐ số 0000076			156	26.812.463	
17/1/2026	0000 55	17/1/2026	DT bán hàng theo HĐ số 0000077			156	227.638.682	
17/1/2026	0000 56	17/1/2026	DT bán hàng theo HĐ số 0000078			156	69.299.951	
18/1/2026	0000 57	18/1/2026	DT bán hàng theo HĐ số 0000079			156	47.576.235	
18/1/2026	0000 58	18/1/2026	DT bán hàng theo HĐ số 0000080			156	151.758.641	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
20/1/2026	0000 83	20/1/2026	Nhập kho hàng bán bị trả lại theo HD số 00000101					29.902.012
31/1/2026	NVK 36	31/1/2026	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026			911		22.007.226.806
			Cộng phát sinh				22.007.226.806	22.007.226.806
			Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có 12 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 12

- Ngày mở sổ: 01/01/2026

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.4.1. Kế toán chi phí bán hàng

- **Các vấn đề chung về chi phí bán hàng:**

Chi phí bán hàng của Công ty bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ hàng hoá. Chi phí bán hàng của Công ty được tập hợp theo khoản mục chi phí, trong đó chi phí chủ yếu của Công ty bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng (khoản lương phải trả cho nhân viên bán hàng và các khoản trích theo lương, bảo hiểm; chi phí khấu hao TSCĐ (khấu hao nhà kho, xe vận chuyển).

- **Chứng từ và quy trình luân chuyển chứng từ:**

Chứng từ được kế toán sử dụng trong chi phí bán hàng gồm: Hóa đơn GTGT, Phiếu chi, Bảng thanh toán tiền lương, Bảng phân bổ tiền lương và BHXH, Bảng khấu hao TSCĐ.

- **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản sử dụng là TK 6421 – “Chi phí bán hàng” dùng để phản ánh chi phí bán hàng trong thực tế khi bán hàng hóa, sản phẩm và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng từ TK 6421 sang TK 911 vào cuối kỳ để xác định KQHDKD. Kết cấu của tài khoản này như sau:

Tài khoản 6421: Chi phí hàng bán	
Bên nợ	Bên có
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ.	Kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 để xác định Kết quả hoạt động kinh doanh.
Tài khoản 6421 không có số dư cuối kỳ	

Để hiểu rõ hơn về chi phí bán hàng của Công ty, em xin phép phân tích trích dẫn dưới đây:

Trích dẫn 8: Ngày 31/01/2026, căn cứ vào bảng theo dõi trích khấu hao cho bộ phận bán hàng, kế toán hạch toán nghiệp vụ trích khấu hao vào chi phí cho bộ phận bán hàng với số tiền là 174.115.499 VNĐ.

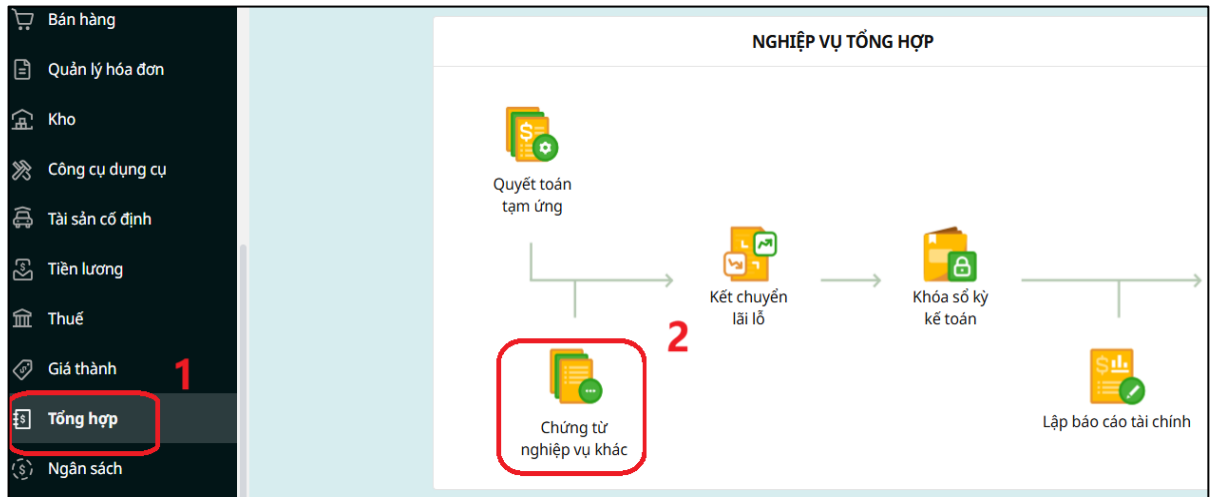
Bảng 2.3. Bảng tính khấu hao TSCD bộ phận bán hàng tháng 1

Tên TSCD	Ngày ghi tăng	Ngày bắt đầu tính khấu hao	Nguyên giá TSCD	Giá trị tính KH	Thời gian sử dụng (tháng)	Giá trị khấu hao tháng	Thời gian sử dụng lũy kế đầu kỳ (tháng)	Hao mòn lũy kế đầu kỳ	Giá trị khấu hao theo tháng		Thời gian sử dụng lũy kế cuối kỳ	Hao mòn lũy kế cuối kỳ	Thời gian SD còn lại (tháng)	Giá trị còn lại
									Tháng 1	Tổng cộng				
Ô TÔ TẢI	14/11/2011	14/11/2011	441.318.183	441.318.183	180,000	2.451.768	170,000	414.348.757	2.451.768	2.451.768	171,000	416.800.525	9,000	24.517.658
Ô TÔ ALTIS 35N-00.579	01/09/2012	01/09/2012	818.623.637	818.623.637	180,000	4.547.909	160,000	764.048.722	4.547.909	4.547.909	161,000	768.596.631	19,000	50.027.006
Ô TÔ TẢI	12/07/2013	12/07/2013	288.947.273	288.947.273	180,000	1.605.263	150,000	231.157.841	1.605.263	1.605.263	151,000	232.763.104	29,000	56.184.169
Ô TÔ TẢI	22/10/2013	22/10/2013	288.947.273	288.947.273	180,000	1.605.263	147,000	234.368.366	1.605.263	1.605.263	148,000	235.973.629	32,000	52.973.644
Ô TÔ TOYOTA 35A-106.17	02/12/2015	02/12/2015	580.909.091	580.909.091	180,000	3.227.273	121,000	390.500.016	3.227.273	3.227.273	122,000	393.727.289	58,000	187.181.802
Ô TÔ TẢI HUYNDAI 35C-06821	10/04/2016	10/04/2016	1.263.636.364	1.263.636.364	180,000	7.020.202	117,000	779.242.423	7.020.202	7.020.202	118,000	786.262.625	62,000	477.373.739
NHÀ XƯỞNG KHU VỰC BÁN HÀNG	16/01/2017	16/01/2017	3.195.770.500	3.195.770.500	300,000	10.652.568	108,000	1.139.824.792	10.652.568	10.652.568	109,000	1.150.477.360	191,000	2.045.293.140
XE BÁN TẢI 35 -07550	01/01/2018	01/01/2018	610.000.000	610.000.000	180,000	3.388.889	96,000	325.333.340	3.388.889	3.388.889	97,000	328.722.229	83,000	281.277.771
Ô TÔ TOYOTA CAMRY 2.5Q 35A-106.17	31/01/2018	31/01/2018	1.183.636.364	1.183.636.364	180,000	6.575.758	96,000	624.696.995	6.575.758	6.575.758	97,000	631.272.753	83,000	552.363.611
XE Ô TÔ 18 TẤN 35C -08521	09/03/2018	09/03/2018	1.070.000.000	1.070.000.000	180,000	5.944.444	94,000	558.777.751	5.944.444	5.944.444	95,000	564.722.195	85,000	505.277.805
XE Ô TÔ TẢI	30/01/2019	30/01/2019	586.363.636	586.363.636	96,000	6.107.955	84,000	506.960.254	6.107.955	6.107.955	85,000	513.068.209	11,000	73.295.427
Ô TÔ THUÊ TÀI CHÍNH 35LD001.18	20/04/2019	20/05/2019	1.300.727.273	1.300.727.273	96,000	13.549.242	80,000	1.083.939.369	13.549.242	13.549.242	81,000	1.097.488.611	15,000	203.238.662
Ô TÔ THUÊ TÀI CHÍNH 35LD000.62	20/04/2019	20/05/2019	1.300.727.273	1.300.727.273	96,000	13.549.242	80,000	1.083.939.369	13.549.242	13.549.242	81,000	1.097.488.611	15,000	203.238.662
Ô TÔ THUÊ TÀI CHÍNH 35LD000.95	20/04/2019	20/05/2019	1.300.727.273	1.300.727.273	96,000	13.549.242	80,000	1.083.939.369	13.549.242	13.549.242	81,000	1.097.488.611	15,000	203.238.662
Ô TÔ THUÊ TÀI CHÍNH 35LD001.00	20/04/2019	20/05/2019	1.300.727.273	1.300.727.273	96,000	13.549.242	80,000	1.083.939.369	13.549.242	13.549.242	81,000	1.097.488.611	15,000	203.238.662
Ô TÔ THUÊ TÀI CHÍNH 35LD001.11	20/04/2019	20/05/2019	1.300.727.273	1.300.727.273	96,000	13.549.242	80,000	1.083.939.369	13.549.242	13.549.242	81,000	1.097.488.611	15,000	203.238.662
Ô TÔ THUÊ TÀI CHÍNH 35LD001.12	01/03/2020	01/03/2020	1.458.672.727	1.458.672.727	96,000	15.194.508	70,000	1.063.615.556	15.194.508	15.194.508	71,000	1.078.810.064	25,000	379.862.663
Ô TÔ THUÊ TÀI CHÍNH 35LD001.45	01/03/2020	01/03/2020	1.458.672.727	1.458.672.727	96,000	15.194.508	70,000	1.063.615.556	15.194.508	15.194.508	71,000	1.078.810.064	25,000	379.862.663
Ô TÔ THUÊ TÀI CHÍNH 35LD001.92	01/03/2020	01/03/2020	1.458.672.727	1.458.672.727	96,000	15.194.508	70,000	1.063.615.556	15.194.508	15.194.508	71,000	1.078.810.064	25,000	379.862.663
TOYOTA COROLLA.8G-2020 ZRE172L-GEXGKH	29/01/2021	29/01/2021	689.090.909	689.090.909	180,000	3.828.283	60,000	226.239.176	3.828.283	3.828.283	61,000	230.067.459	119,000	459.023.450
Tivi Samsung QLED 75"	01/02/2021	01/02/2021	35.445.455	35.445.455	60,000	590.733	59,000	34.854.722	590.733	590.733	60,000	35.445.455		
Tủ lạnh Panasonic	01/09/2024	01/09/2024	37.809.091	37.809.091	48,000	787.689	16,000	12.603.024	787.689	787.689	17,000	13.390.713	31,000	24.418.378
			22.411.470.505	22.411.470.505	3.252	174.115.499	2.258	15.267.848.449	174.115.499	174.115.499	2.281	15.441.963.948	971	6.969.506.557

(Nguồn: Phòng kế toán)

Trong tháng 1 năm 2026, khi phát sinh nghiệp vụ trích khấu hao TSCD kế toán thao tác trên phần mềm như sau:

Vào phân hệ **Tổng hợp**, sau đó chọn **Chứng từ nghiệp vụ khác**, kế toán điền các thông tin chung: Diễn giải là Trích khấu hao TSCĐ tháng 1/2026, Ngày hạch toán, Ngày chứng từ là 31/1/2026; Số chứng từ là KH00008.



(Nguồn: Phòng kế toán)

Hình 2.24. Giao diện vào Chứng từ nghiệp vụ khác trên MISA

Sau đó kế toán điền thông tin vào phần hạch toán, ấn Ctrl để hoàn thành.

Dưới đây là chứng từ nghiệp vụ khác số KH00008 ngày 31/1/2026:

Chứng từ nghiệp vụ khác KH000...

Diễn giải

Trích khấu hao TSCD tháng 1/2026

Hạn thanh toán

DD/MM/YYYY

Tham chiếu ...

4. Khác

Ngày hạch toán

31/01/2026

Ngày chứng từ

31/01/2026

Số chứng từ

KH00008

Tổng tiền

174.115.499

[Hạch toán](#) [Kê khai hóa đơn và hạch toán thuế](#)

☐ Hạch toán gộp nhiều hóa đơn

Trợ lý AI

Loại tiền VND

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Nghiệp vụ
1	Trích khấu hao TSCD tháng 1/2026	6421	2141	174.115.499	
				174.115.499	

(Nguồn: Phòng kế toán)

Hình 2.25. Giao diện chứng từ nghiệp vụ khác số KH00008 tại Công ty

Với nghiệp vụ ở trên, kế toán hạch toán vào phần mềm như sau:

Nợ TK 6421: 174.115.499

Có TK 2141: 174.115.499

Sau khi hạch toán xong trên phần mềm, kế toán in chứng từ và trình lên kế toán trưởng kiểm tra và xem xét. Sau khi kế toán ký tên, chứng từ sẽ trình lên giám đốc để ký duyệt và đóng dấu. Dưới đây là chứng từ kế toán số KH00008.

Biểu 2.15. Chứng từ kế toán số KH00008

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.				
CHỨNG TỪ KẾ TOÁN				
Tên:			Số: KH00008	
Địa chỉ:			Ngày: 31/01/2026	
Diễn giải: Khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2026				
STT	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Thành tiền
1	Khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2026	6421	2141	174.115.499
Cộng				174.115.499
Thành tiền bằng chữ: <i>Một trăm bảy mươi bốn triệu một trăm mười lăm nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng chẵn.</i>				
Ghi chú:.....				
Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		

(Nguồn: Phòng kế toán)

Trích dẫn 9: Ngày 15/01/2026, tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát phát sinh nghiệp vụ mua dầu xe phục vụ cho việc vận chuyển hàng hóa số tiền 500.000 VND (Đã gồm phí VAT 8%). Khi có nghiệp vụ phát sinh, kế toán căn cứ vào Hóa đơn GTGT để hạch toán vào phần mềm. Dưới đây là Hóa đơn GTGT mua xăng dầu số 00003067

	CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU DẦU KHÍ NAM ĐỊNH Số 36 Phùng Khắc Khoan, Phường Trường Thi, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam Điện thoại: (84 0228).3863.650 Fax: (84 0228).3864.560		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: 1K26TAC Số: 00003067
	Ngày 15 tháng 01 năm 2026				
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP XÃNG DẦU DẦU KHÍ NAM ĐỊNH Mã số thuế: 0600759399 Địa chỉ: Số 36 Phùng Khắc Khoan, Phường Trường Thi, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam Điểm bán hàng: CHXD Khánh Hòa					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT Mã số thuế: 2700282755 Địa chỉ: SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam Mã đơn vị quan hệ ngân sách (Budget Unit Code): Căn cước công dân (Identity Code): Số hộ chiếu (Passport Number): Hình thức thanh toán: TM/CK					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dầu Diesel 0,05S Mức 2	Lít	28,376	16.314,81	462.963
Cộng tiền hàng trước thuế:					462.963
Thuế suất GTGT: 8%					Tiền thuế GTGT: 37.037
Tổng cộng tiền thanh toán:					500.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng			Người bán hàng Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP XÃNG DẦU DẦU KHÍ NAM ĐỊNH Ký ngày: 15 /01 /2026		

(Nguồn: Phòng kế toán)

Hình 2.26. Hóa đơn GTGT số 00003067 tại Công ty

Với nghiệp vụ trên, kế toán hạch toán như sau:

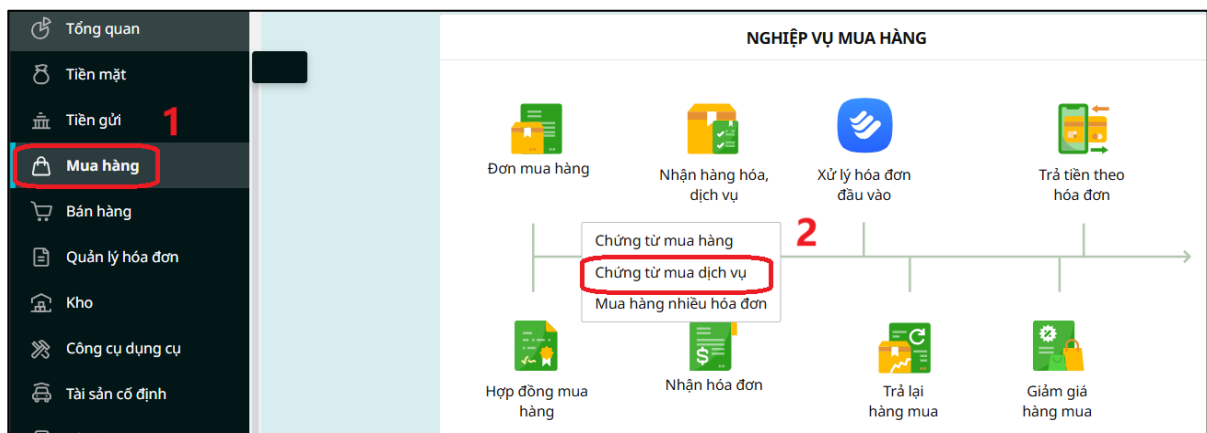
Nợ TK 6421: 462.963

Nợ TK 1331: 37.037

Có TK 331: 500.000

Từ Hóa đơn GTGT số 00003067 kế toán sẽ cập nhật vào phần mềm MISA.

Đầu tiên, vào phân hệ Mua hàng, chọn Chứng từ mua dịch vụ.



(Nguồn: Phòng kế toán)

Hình 2.27. Giao diện vào Chứng từ mua dịch vụ trên MISA

Do chưa thanh toán ngay nên kế toán tích vào Chưa thanh toán, sau đó chọn Nhận kèm hóa đơn. Kế toán sẽ điền các thông tin chung gồm: Nhà cung cấp, diễn giải; ngày hạch toán, ngày chứng từ, Số chứng từ. Sau khi nhập mã dịch vụ, tên dịch vụ và số tiền, kế toán ấn **Cất** để hoàn thành. Dưới đây là Chứng từ mua dịch vụ số MDV000011 hạch toán mua dầu xe

Chứng từ mua dịch vụ...

Chưa thanh toán ☒ Thanh toán ngay ☐ Tiền mặt ☐ Nhận kèm hóa đơn ☐ Là chi phí mua hàng ☐

Mã nhà cung cấp: NCC00003 Tên nhà cung cấp: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ NAM ĐỊNH Ngày hạch toán: 15/01/2026 Tổng tiền thanh toán: **500.000**

Địa chỉ: Số 36 Phùng Khắc Khoan, Phường Trường Thi, Ninh Bình Ngày chứng từ: 15/01/2026

Nhân viên mua hàng: ... Diễn giải: Mua dầu xe của CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU SỐ chứng từ: MDV000011

Điều khoản thanh toán: ... Số ngày được nợ: ... Hạn thanh toán: DD/MM/YYYY

Hạch toán: Thuế **AVA Kế toán** Loại tiền: VND Chiết khấu: Không chiết khấu

#	Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	TK chi phí/TK kho	TK Công nợ	Tên đối tượng	Thành tiền
1	CPMH	Mua dầu xe	6421	331	CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ NAM ĐỊNH	462.963
						462.963

Thêm dòng Thêm ghi chú Xóa hết dòng

Sàn thương mại điện tử Tên shop

Tổng tiền dịch vụ: 462.963
Thuế GTGT: 37.037
Tổng tiền thanh toán: 500.000

(Nguồn: Phòng kế toán)

Hình 2.28. Giao diện chứng từ mua dịch vụ MDV000011 của Công ty

- Ghi sổ kế toán chi phí bán hàng:**

Quy trình ghi sổ kế toán tại Công ty diễn ra như sau: Cuối tháng, kế toán dựa trên các chứng từ như bảng trích khấu hao và bảng thanh toán lương đã kiểm tra, xác định tài khoản nợ và có sau đó kế toán sẽ tiến hành nhập các số liệu vào các phân hệ tương ứng trên phần mềm kế toán theo thứ tự. Phần mềm tự động cập nhật số liệu vào sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 6421. Cuối tháng, kế toán in toàn bộ sổ sách và báo cáo tài chính, đồng thời lưu trữ theo quy định.

Để cập nhật vào sổ chi tiết TK 6421, kế toán kích vào **Báo cáo** sau đó kích vào phân hệ **Tổng hợp**, tiếp đó vào mục **Sổ chi tiết các tài khoản**, cuối cùng nhập thời gian muốn xem là tháng 1 và chọn tên tài khoản 6421, ấn **Đồng ý**. Dưới đây là bảng trích từ sổ chi tiết TK 6421 trong tháng 1 năm 2026:

Biểu 2.16. Trích sổ chi phí bán hàng 6421

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT

SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S16 -DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6421

Tháng 01 năm 2026

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
					517.685.365	517.685.365		
...					...			
15/1/2026	15/1/2026	MDV000011	Mua dầu xe	331	462.963		187.541.761	
...					...			
31/1/2026	31/1/2026	NVK000016	Hạch toán chi phí lương tháng 1/2026	334	100.343.113		331.682.190	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000017	Hạch toán các khoản trích theo lương tháng 1/2026	3385	505.859		505.859	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000017	Hạch toán các khoản trích theo lương tháng 1/2026	3383	8.852.524		8.852.524	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000017	Hạch toán các khoản trích theo lương tháng 1/2026	3384	1.517.576		1.517.576	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000017	Hạch toán các khoản trích theo lương tháng 1/2026	3382	1.011.717		1.011.717	
31/1/2026	31/1/2026	KH000008	Khấu hao TSCD tháng 1 năm 2026	2141	174.115.499		174.115.499	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000036	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026	911		517.685.365		
			Cộng		517.685.365	517.685.365		

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.2.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

- **Các vấn đề chung về chi phí quản lý doanh nghiệp:**

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát là chi phí tiền điện. Ngoài ra còn có các khoản chi phí như: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí văn phòng phẩm, chi phí khấu hao TSCĐ,...

- **Chứng từ và quy trình luân chuyển chứng từ:**

Chứng từ được kế toán sử dụng trong chi phí quản lý doanh nghiệp gồm: Bảng tính lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, phiếu xuất kho vật tư dùng cho QLDN, bảng phân bổ khấu hao bộ phận quản lý doanh nghiệp, Hóa đơn dịch vụ mua ngoài dùng cho hoạt động QLDN

- **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản sử dụng là TK 6422 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp”, nhằm phản ánh chi phí quản lý chung thực tế tại doanh nghiệp. Cuối kỳ, tài khoản này sẽ được kết chuyển từ TK 6422 sang TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Kết cấu của tài khoản này như sau:

Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp	
Bên nợ	Bên có
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Tài khoản 6422 không có số dư cuối kỳ	

Dưới đây là một trích dẫn minh họa về chi phí quản lý doanh nghiệp:

Trích dẫn 10: Ngày 31/1/2026, kế toán căn cứ vào bảng chấm công để lập bảng thanh toán lương nhân viên cho các bộ phận tháng 1. Tiền lương nhân viên được thanh toán bằng chuyển khoản.

Hàng ngày, nhân viên đi làm sẽ được theo dõi trên máy chấm công. Bộ phận chấm công sẽ tổng hợp số ngày công đi làm vào cuối tháng và chuyển cho kế toán sau đó kế toán tổng hợp và lập bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội tháng 1. Dưới đây là bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội tháng 1:

Bảng 2.4. Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội tháng 1

Đơn vị: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát
Bộ phận: Phòng Kế toán

Mẫu số 11 - LĐTL
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI
Tháng 01 năm 2026

Số TT	Ghi có Tài khoản Đối tượng sử dụng (Ghi Nợ các Tài khoản)	TK 334 - Phải trả người lao động			TK 338 - Phải trả, phải nộp khác				
		Lương	Các khoản khác	Cộng Có TK 334	Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm YT	Bảo hiểm thất nghiệp	Kinh phí công đoàn	Cộng Có TK 338 (3382,3383,3384, 3385)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1	TK 6422 – Chi phí quản lý doanh	45.938.415	46.847.508	92.785.923	8.039.223	1.378.152	459.384	918.768	10.795.528
2	TK 6421 - Chi phí bán hàng	50.585.852	49.757.261	100.343.113	8.852.524	1.517.576	505.859	1.011.717	11.887.675
3	TK 154 - Chi phí sản xuất chung	77.847.696	59.684.423	137.532.119	13.623.347	2.335.431	778.477	1.556.954	18.294.209
4	TK 334 - Phải trả người lao động	-	-	-	17.639.677	3.307.439	2.204.960	-	23.152.076
	Cộng	174.371.963	156.289.192	330.661.156	48.154.771	8.538.598	3.948.679	3.487.439	64.129.496

Người lập bảng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

(Nguồn: Phòng kế toán)

Với nghiệp vụ này kế toán hạch toán tiền lương như sau:

Nợ TK 6421: 100.343.113

Nợ TK 6422: 92.786.323

Nợ TK 154: 137.532.119

Có TK 334: 330.661.555

Từ bảng chấm công và bảng thanh toán tiền lương, kế toán sẽ cập nhật vào phần mềm MISA. Tương tự như trích dẫn 8, vào

phân hệ **Tổng hợp**, chọn **Chứng từ nghiệp vụ khác**, sau đó chọn **Hạch toán chi phí lương**. Kế toán sẽ điền các thông tin chung gồm: Diễn giải: Hạch toán chi phí lương tháng 1/2026, ngày hạch toán: 31/01/2026, Số chứng từ: NVK000016. Sau khi nhập diễn giải: Hạch toán chi phí tiền lương tháng 01/2026, số tiền, kế toán ấn **Cất** để hoàn thành. Dưới đây là Chứng từ nghiệp vụ khác số NVK000016 ngày 31/01/2026.

Chứng từ nghiệp vụ khác ...

3. Hạch toán chi phí lương

+ ▾ ⚙️ ? ✕

Diễn giải

Hạch toán chi phí lương tháng 1/2026

🔍

Hạn thanh toán

DD/MM/YYYY

Tham chiếu

...

Ngày hạch toán

31/01/2026

📅

Ngày chứng từ

31/01/2026

📅

Số chứng từ

NVK000016

Tổng tiền
330.661.555

Hạch toán

💬 Trợ lý AI ▾

Loại tiền VND ▾

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Khoản mục CP	
1	Hạch toán chi phí lương tháng 1/2026	6421	334	100.343.113		🗑️
2	Hạch toán chi phí lương tháng 1/2026	6422	334	92.786.323		🗑️
3	Hạch toán chi phí lương tháng 1/2026 🔍	154	334	137.532.119		🗑️
				330.661.555		

(Nguồn: Phòng kế toán)

Hình 2.26. Giao diện Chứng từ nghiệp vụ khác số NVK000016

Dưới đây là chứng từ kế toán để hạch toán lương cho nhân viên được in ra từ phần mềm MISA trong tháng 1:

Biểu 2.17. Chứng từ kế toán số NVK000016 tại Công ty

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VINH PHÁT
SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

Số: NVK000016

Tên:
Địa chỉ:
Diễn giải: HT tiền lương T1/2026

Ngày: 31/01/2026

STT	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Thành tiền
1	HT tiền lương T1/2026	6421	334	100.343.113
2	HT tiền lương T1/2026	6422	334	92.786.323
3	HT tiền lương T1/2026	154	334	137.532.119
Cộng				330.661.555

Thành tiền bằng chữ:

Ba trăm ba mươi triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng chẵn.

Ghi chú:

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Trích dẫn 11: Ngày 31/01/2026 căn cứ vào hóa đơn tiền điện tháng 1/2026 số 50153 của Công ty Điện lực Ninh Bình số tiền 42.763.507 (gồm VAT 8%).

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VATINVOICE)		Ký hiệu (Serial): 1K26TPG Số (No): 50153			
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)		Ngày (Date) 31 tháng (month) 01 năm (year) 2026			
Họ tên người mua hàng (Buyer name): Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH sản xuất thương mại Vĩnh Phát Mã số thuế (Tax code): 2700282755 Địa chỉ (Address): SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam Mã khách hàng (Customer's Code): PNYK000038145 Số tài khoản (Account No): Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2026 từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/01/2026	kWh	16.000	-	39.595.840
	(kèm theo bảng kê số 1720668762 ngày 31 tháng 01 năm 2026)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					39.595.840
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.167.667
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 42.763.507
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm linh bảy đồng.					
Người mua hàng (Buyer)			Người bán hàng (Seller)		
			Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC NINH BÌNH - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC Ngày ký: 01/01/2026 16:00:14		

Hình 2.27. Hóa đơn GTGT điện tiêu thụ tháng 1/2026 số 50153

(Nguồn: Phòng kế toán)

Với nghiệp vụ trên, kế toán tiếp tục hạch toán như sau:

Nợ TK 6422: 39.595.840

Nợ TK 1331: 3.167.667

Có TK 331: 42.763.507

Từ Hóa đơn GTGT số 00003067 kế toán sẽ cập nhật vào phần mềm MISA. Đầu tiên, vào phân hệ Mua hàng, chọn Chứng từ mua dịch vụ. Do chưa thanh toán ngay nên kế toán tích vào Chưa thanh toán, sau đó chọn Nhận kèm hóa đơn. Kế toán sẽ điền các thông tin chung gồm: Nhà cung cấp, diễn; ngày hạch toán, ngày chứng từ: 31/01/2026, Số chứng từ: MDV00038. Sau khi nhập mã dịch vụ, tên dịch vụ và số tiền, kế toán ấn Cất để hoàn thành. Dưới đây là

Chứng từ mua dịch vụ số MDV00038 hạch toán tiền điện tháng 1/ 2026.

Chứng từ mua dịch vụ...

☒ Chưa thanh toán ☐ Thanh toán ngay Tiền mặt Nhận kèm hóa đơn ☐ Là chi phí mua hàng

Mã nhà cung cấp: NCC00085 Tên nhà cung cấp: CÔNG TY ĐIỆN LỰC NINH BÌNH - CHI NHÁNH Ngày hạch toán: 31/01/2026 Tổng tiền thanh toán: **42.763.507**

Địa chỉ: Số 09, đường Trần Hưng Đạo, phố 12, Phường Hoa Lư, Ninh Bình Ngày chứng từ: 31/01/2026

Nhân viên mua hàng: Diên giải: Mua dịch vụ của CÔNG TY ĐIỆN LỰC NINH BÌNH Số chứng từ: MDV00038

Tham chiếu: ...

Điều khoản thanh toán: Số ngày được nợ: Hạn thanh toán: DD/MM/YYYY

Hạch toán Thuế: **AVA Kế toán** Loại tiền: VND Chiết khấu: Không chiết khấu

#	Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	TK chi phí/TK kho	TK Công nợ	Tên đối tượng	Thành tiền
1	CPMH	Tiền điện tháng 01/2026	6422	331	CÔNG TY ĐIỆN LỰC NINH BÌNH - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN...	39.595.840
						39.595.840

Thêm dòng Thêm ghi chú Xóa hết dòng

Sàn thương mại điện tử Tên shop

Tổng tiền dịch vụ: 39.595.840
Thuế GTGT: 3.167.667
Tổng tiền thanh toán: **42.763.507**

(Nguồn: Phòng kế toán)

Hình 2.28. Chứng từ mua dịch vụ số MDV00038

- Ghi sổ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:**

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty như sau: Hằng ngày, bộ phận kế toán dựa vào các chứng từ liên quan đến QLDN, gồm Hóa đơn GTGT và Bảng khấu hao tài sản cố định đã được kiểm tra, để xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có. Sau đó, dữ liệu sẽ được nhập vào phần mềm kế toán theo một trình tự cụ thể. Phần mềm này sẽ tự động cập nhật thông tin vào sổ Nhật ký chung và Sổ cái tài khoản 6422. Đến cuối tháng, kế toán tiến hành in các loại sổ sách kế toán và báo cáo, đồng thời thực hiện lưu trữ chứng từ theo đúng quy định.

Quy trình mở sổ chi tiết của tài khoản 6422 trong phần mềm MISA như sau: Vào phân hệ chức năng “**Báo cáo**”/ Chọn “**Tổng hợp**”/Chọn “**Sổ chi tiết các tài khoản**”/Chọn kỳ báo cáo và tích chọn tài khoản “6422”/ “**Đồng ý**”.

Để cập nhật vào sổ cái TK 642, kế toán Chọn mục **Báo cáo** → chọn mục **Tổng hợp** → **S03b-DNN: Sổ cái (Hình thức Nhật ký chung)**, nhập tháng cần

lấy dữ liệu cùng tên tài khoản 642 rồi nhấn **Đồng ý**. Sau khi xem số cái, để in số nhân chọn chức năng in. Dưới đây là sổ cái TK 642 của Công ty trong tháng 1:

Biểu 2.18. Trích sổ cái TK 642

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT						Mẫu số: S03b-DNN		
SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam						(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TBTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)		
SỔ CÁI								
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)								
Năm 2026								
Tài khoản: 642- Chi phí quản lý kinh doanh								
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
....								
15/1/2026	MDV00011	15/1/2026	Mua dầu xe			331	462.963	
....								
31/1/2026	NVK00016	31/1/2026	Hạch toán chi phí lương tháng 1/2026			334	193.129.436	
31/1/2026	NVK00017	31/1/2026	Hạch toán các khoản trích theo lương tháng 1/2026			3385	1.284.336	
31/1/2026	NVK00017	31/1/2026	Hạch toán các khoản trích theo lương tháng 1/2026			3383	22.475.871	
31/1/2026	NVK00017	31/1/2026	Hạch toán các khoản trích theo lương tháng 1/2026			3384	3.853.007	
31/1/2026	NVK00017	31/1/2026	Hạch toán các khoản trích theo lương tháng 1/2026			3382	2.568.671	
31/1/2026	MDV00038	31/1/2026	Tiền điện tháng 01/2026			331	39.595.840	
31/1/2026	KH000008	31/1/2026	Khấu hao TSCD tháng 1 năm 2026			2141	328.669.713	
31/1/2026	NVK00036	31/1/2026	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026			911		916.771.757
			Cộng phát sinh				916.771.757	916.771.757
			Số dư cuối kỳ					
- Sổ này có 6 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 6								
- Ngày mở sổ: 01/01/2026								
Ngày 31 tháng 01 năm 2026								
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.19. Trích sổ chi tiết tài khoản 6422

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT					Mẫu số: S16 -DNN			
SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam					(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6422								
Tháng 01 năm 2026								
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
					399.086.392	399.086.392		
....							...	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000016	Hạch toán chi phí lương tháng 1/2026	334	92.786.323		341.196.343	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000017	Hạch toán các khoản trích theo lương tháng 1/2026	3385	778.477		341.974.820	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000017	Hạch toán các khoản trích theo lương tháng 1/2026	3383	13.623.347		355.598.167	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000017	Hạch toán các khoản trích theo lương tháng 1/2026	3384	2.335.431		357.933.598	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000017	Hạch toán các khoản trích theo lương tháng 1/2026	3382	1.556.954		359.490.552	
31/1/2026	31/1/2026	MDV000038	Tiền điện tháng 01/2026	331	39.595.840		399.086.392	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000036	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026	911		399.086.392		
			Cộng		399.086.392	399.086.392		

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát trong năm 2026 chủ yếu là từ tiền lãi của tài khoản tiền gửi không kỳ hạn ở Ngân hàng Vietinbank– Chi nhánh Ninh Bình.

- **Chứng từ sử dụng:**

Kế toán tại Công ty sử dụng các chứng từ sau: GBC, Sổ phụ ngân hàng

- **Tài khoản sử dụng :**

Tài khoản sử dụng là TK 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính” dùng để phản ánh tiền lãi gửi ngân hàng của Công ty. Kết cấu của tài khoản này như sau:

Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính	
Bên nợ	Bên có
Kết chuyển sang tài khoản 911 xác định kết quả hoạt động kinh doanh.	Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ	

Trích dẫn 12: Ngày 28/1/2026, nhận được thư thông báo của ngân hàng về việc cộng lãi nhập vốn cho tài khoản tiền gửi tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, số tiền 108.991 VNĐ.

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam


GIẤY BẢO CỐ Credit Advice		
Số giao dịch Transaction number	:25328	
Ngày thực hiện Transaction date	:28-01-2026 02:18:38	
Tên người chuyển Applicant name		
Số tài khoản From account number	:	
Tại Ngân hàng With Bank	:Back Office Operations	
Người thụ hưởng Beneficiary	:CÔNG TY TNHH SXTM VINH PHAT	
Số tài khoản To account number	:117002636888	
Tại Ngân hàng With Bank	:40098 - CN NINH BINH - HOI SO	
Số tiền bằng số Amount in figures	Số tiền Currency	:VND
Số tiền bằng chữ Amount in words	:Một trăm linh tám nghìn, chín trăm chín mươi mốt đồng.	
Nội dung Remarks	:Tra lại tại khoan DDA	
Kênh chuyển tiền Channel	In từ dịch vụ VietinBank eFAST Date Printed	:12/03/2026 14:19:18

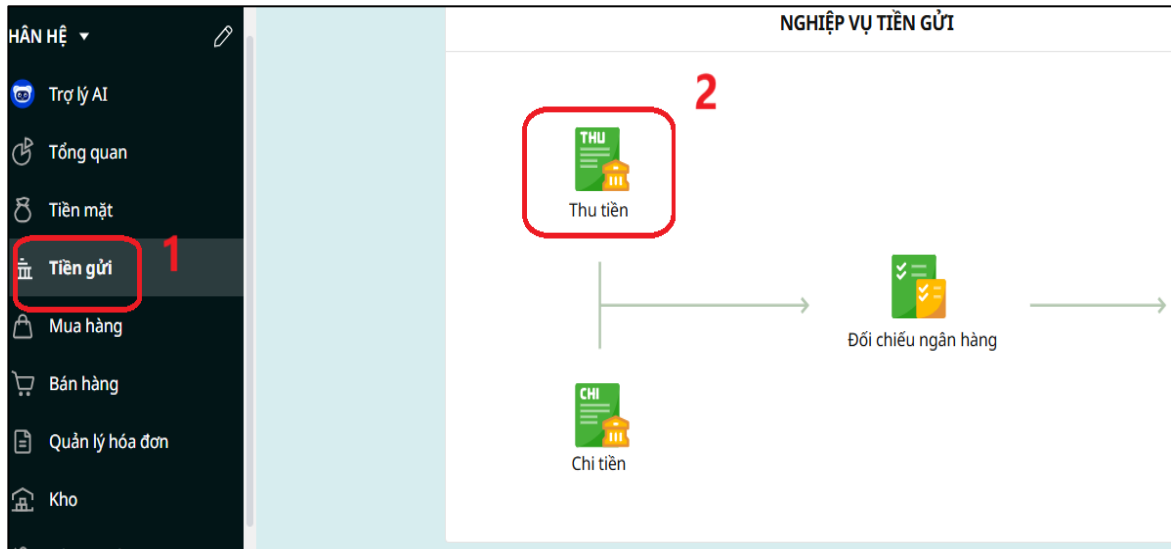
Lập bảng
Maker
Kiểm soát viên
Supervisor

(Nguồn: phòng kế toán)

Hình 2.29. Hình ảnh GBC của khoản lãi nhập gốc của Công ty

Căn cứ vào GBC từ ngân hàng, kế toán sẽ hạch toán trên phần mềm như sau: Vào phân hệ **Tiền gửi**, chọn **Thu tiền**, lúc này trên màn hình sẽ xuất hiện

giao diện **Thu tiền gửi**. Kế toán điền các thông tin chung và điền vào mục hạch toán, ấn **Cất** để hoàn thành. Dưới đây là giao diện phiếu Thu tiền gửi số 00000018 trên phần mềm:



(Nguồn: phòng kế toán)

Hình 2.30. Giao diện vào thu tiền trên MISA

Tiếp đó, ta sẽ có giao diện Thu tiền gửi NTTK000018 sau đây:

Thu tiền gửi NTTK000018 7. Thu khác + Nhập số UNC từ chi nhánh khác chuyển đến

Mã đối tượng: NH CONG THUONG + Tên đối tượng: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG Ngày hạch toán: 28/01/2026 Tổng tiền: **108.991**

Địa chỉ: Số 951, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Hoa Lư, Ninh Bình Ngày chứng từ: 28/01/2026

Nộp vào tài khoản: 117002636888 + Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Số chứng từ: NTTK000018

Nhân viên thu nợ: + Lý do thu: Thu lãi tiền gửi của NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG

Tham chiếu: ...

Hạch toán: Trợ lý AI Loại tiền: VND

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Tên đối tượng
1	Thu lãi tiền gửi của NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG	1121	515	108.991	NH CONG THUONG	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI ...
				108.991		

(Nguồn: phòng kế toán)

Hình 2.31. Giao diện doanh thu hoạt động tài chính trên phần mềm MISA

Cuối tháng 1, sau khi nhận được thông báo của ngân hàng về khoản tiền lãi không kỳ hạn hàng tháng, kế toán sẽ hạch toán vào phần mềm như sau:

Nợ TK 1121: 108.991

Có TK 515: 108.991

• **Ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính:**

Trình tự ghi sổ của Công ty: Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán bán hàng như GBC đã được kiểm tra, xác định TK ghi nợ, ghi có để nhập dữ liệu vào MISA. MISA sẽ tự động cập nhật số liệu vào sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 515. Cuối tháng, kế toán sẽ in sổ sách kế toán và báo cáo để lưu trữ chứng từ theo quy định.

Trên phần mềm kế toán MISA, để cập nhật vào sổ cái của tài khoản TK 515, kế toán cũng vào mục **Báo cáo** và chọn phân hệ **Tổng hợp**. Sau đó, truy cập mục **S03b-DNN: Sổ cái (Hình thức Nhật ký chung)**, TK 515 và nhấn **Đồng ý**. Dưới đây là sổ cái của tài khoản TK 515 trong tháng 1 năm 2026

Biểu 2.20. Trích sổ cái TK 515

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT						Mẫu số: S03b-DNN		
SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam						(<i>Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính</i>)		
SỔ CÁI								
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)								
Năm 2026								
Tài khoản: 515 – Doanh thu hoạt động tài chính								
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
....								
28/1/2026	0000 0018	28/1/2026	Ngân hàng trả lãi tiền gửi tháng 1/2026			1121		108.991
31/1/2026	NVK0 00036	31/1/2026	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026			911	3.108.991	
			Cộng phát sinh				3.108.991	3.108.991
			Số dư cuối kỳ					
- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 1 - Ngày mở sổ: 01/01/2026								
Ngày 31 tháng 01 năm 2026								
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

(Nguồn: phòng kế toán)

2.2.6. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

- **Các vấn đề chung về chi phí hoạt động tài chính:**

Chi phí hoạt động tài chính tại Công ty là các chi phí phát sinh trả lãi từ các khoản vay của ngân hàng.

- **Chứng từ sử dụng:**

Kế toán sử dụng các chứng từ sau: GBN, Sao kê ngân hàng.

- **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản sử dụng là TK 635 – “Chi phí hoạt động tài chính” dùng để phản ánh các chi phí trả lãi vay của Công ty phát sinh trong kỳ. Kết cấu của tài khoản này như sau:

Tài khoản 635: Chi phí hoạt động tài chính	
Bên nợ	Bên có
Chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911
Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ	

Trích dẫn 13: Ngày 23/1, Công ty nhận được thông báo trả lãi vay định kỳ từ ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam số tiền 13.424.658 VND. Công ty sẽ thanh toán qua chuyển khoản.

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam		VietinBank 	
GIẤY BÁO NỢ Debit Advice			
Số giao dịch <i>Transaction number</i>	: 25284		
Ngày thực hiện <i>Transaction date</i>	: 23-01-2026 23:26:20		
Tên người chuyển <i>Application Name</i>	: CONG TY TNHH SXTM VINH PHAT		
Số tài khoản <i>From account number</i>	: 117002636888		
Tại ngân hàng <i>With Bank</i>	: 40098 - CN NINH BINH - HOI SO		
Người thụ hưởng <i>Beneficiary</i>	:		
Số tài khoản <i>To account number</i>	:		
Tại ngân hàng <i>With Bank</i>	:		
Số tiền bằng số <i>Amount in figures</i>	: 13,424,658	Loại tiền <i>Currency</i>	: VND
Số tiền bằng chữ <i>Amount in words</i>	: Mười ba triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi tám		
Nội dung <i>Remarks</i>	: Tra nợ TK vay 806007650640, số tiền 13424658 VND		
Kênh chuyển tiền <i>Channel</i>	:	In từ dịch vụ VietinBank eFast <i>Date printed</i>	: 12/03/2026 14:20:06
Lập bảng <i>Maker</i>	Kiểm soát viên <i>Supervisor</i>		

(Nguồn: phòng kế toán)

Hình 2.32. Giấy báo nợ số 25284

Căn cứ vào GBN, kế toán sẽ hạch toán trên phần mềm như sau: Vào phân hệ **Ngân hàng**, chọn **Chi tiền**, lúc này trên màn hình sẽ xuất hiện giao diện **Chi tiền**. Kế toán điền các thông tin chung và điền vào mục hạch toán, ấn **Cất** để hoàn thành. Dưới đây là giao diện phiếu ủy nhiệm chi số UNC00012 trên phần mềm:

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Khế ước đi vay
1	Trả các khoản vay cho ngân hàng tháng 1/2026	635	112	13.424.658	
				13.424.658	

(Nguồn: Phòng kế toán)

Hình 2.33. Giao diện ủy nhiệm chi số UNC00012

Sau khi nhận được thông báo của ngân hàng về việc thanh toán lãi vay hàng tháng, kế toán sẽ hạch toán vào phần mềm như sau:

Nợ TK 635: 13.424.658

Có TK 1121: 13.424.658

- **Ghi sổ kế toán chi phí hoạt động tài chính:**

Quy trình ghi sổ của Công ty được thực hiện như sau: Kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hợp lệ (như GBN đã kiểm tra), xác định tài khoản ghi nợ và tài khoản ghi có. Sau đó, kế toán nhập dữ liệu lên phần mềm MISA theo thứ tự quy định. Phần mềm sẽ tự động cập nhật thông tin vào sổ Nhật ký chung và sổ cái TK 635. Kết thúc tháng, toàn bộ sổ sách và báo cáo sẽ được in đầy đủ để bảo quản và lưu trữ theo đúng quy định.

Trên phần mềm kế toán MISA, để cập nhật dữ liệu vào sổ cái của tài khoản TK 635, kế toán cần mở mục **Báo cáo**, sau đó chọn phân hệ **Tổng hợp**. Tiếp theo, truy cập mục **S03b-DNN: Sổ cái (Hình thức Nhật ký chung)**, nhập khoảng thời gian theo yêu cầu, chọn chính xác tên tài khoản TK 635 và nhấn **Đồng ý**. Minh họa dưới đây thể hiện sổ cái của tài khoản TK 635 trong tháng 1 năm 2026.

Biểu 2.21. Trích sổ cái TK 635

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT

SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2026

Tài khoản: 635 – Chi phí hoạt động tài chính

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
....								
23/1/2026	UNC00010	23/1/2026	Trả các khoản vay cho ngân hàng tháng 1/2026			1121	4.881.682	
23/1/2026	UNC00012	23/1/2026	Trả các khoản vay cho ngân hàng tháng 1/2026			1121	13.424.658	
31/1/2026	NVK000056	31/1/2026	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026			911		48.306.340
			Cộng phát sinh				48.306.340	48.306.340
			Số dư cuối kỳ					

Sổ này có 2 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 2

Ngày mở sổ: 01/01/2026

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

(Nguồn: phòng kế toán)

2.2.7. Kế toán thu nhập khác

- **Nội dung:**

Tại Công ty, thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ thanh lý nhượng bán từ TSCD và các khoản chênh lệch thanh toán. Tháng 1/2026, tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát, thu nhập khác chủ yếu là các khoản tiền thu nhập từ các khoản điều chỉnh chênh lệch thanh toán.

- **Chứng từ sử dụng:**

Kế toán tại Công ty sử dụng chứng từ GBC, sao kê ngân hàng, Biên bản thanh lý TSCD, ..

- **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản sử dụng là TK 711 – “Thu nhập khác” dùng để phản ánh các khoản khoản tiền thanh lý tài sản, thu nhập từ các khoản điều chỉnh chênh lệch thanh toán. Kết cấu của tài khoản này như sau:

Tài khoản 711: Thu nhập khác	
Bên nợ	Bên có
Kết chuyển các khoản thu nhập khác sang TK 911 xác định kết quả hoạt động kinh doanh.	Khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ	

Để hiểu rõ hơn về các khoản thu nhập khác của Công ty, em xin phép đưa ra trích dẫn dưới đây:

Trích dẫn 14: Ngày 31/01/2026 Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long còn nợ tiền hàng là 169.278.030 đồng nhưng lại trả thừa tiền hàng cho Công ty với số tiền thừa là 1.970 đồng.

Cuối tháng, căn cứ vào sao kê ngân hàng cùng với Quyết định của Giám đốc về xử lý nợ nhỏ lẻ, kế toán hạch toán vào ngày 31/01/2026:

Nợ TK 131: 1.970

Có TK 711: 1.970

Vào phân hệ **Tổng hợp**, chọn **Chứng từ nghiệp vụ khác**, lúc này trên màn hình sẽ xuất hiện giao diện **Chứng từ nghiệp vụ khác**. Kế toán điền các thông tin chung và điền vào mục hạch toán, ấn **Cất** để hoàn thành. Dưới đây là giao diện

Chứng từ nghiệp vụ khác số KH00009 trên phần mềm:

Chứng từ nghiệp vụ khác KH00009 4. Khác + -

Diễn giải
Xử lý công nợ lẻ

Hạn thanh toán
DD/MM/YYYY

Tham chiếu ...

Ngày hạch toán
31/01/2026

Ngày chứng từ
31/01/2026

Số chứng từ
KH00009

Tổng tiền
1.970

Hạch toán Kế khai hóa đơn và hạch toán thuế ☐ Hạch toán gộp nhiều hóa đơn ? **Trợ lý AI** Loại tiền VND

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng Nợ	Tên đối tượng nợ	Đồ
1	Xử lý công nợ lẻ	131	711	1.970	THANG LONG	Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	
				1.970			

(Nguồn: Phòng kế toán)

Hình 2.34. Giao diện Chứng từ nghiệp vụ khác số KH00009

- **Ghi sổ kế toán thu nhập khác:**

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty như sau: Kế toán căn cứ vào các chứng từ như GBC đã kiểm tra và xác định tài khoản ghi nợ cũng như tài khoản ghi có để nhập liệu lên phần mềm MISA một cách tuần tự. Dữ liệu sẽ được phần mềm tự động cập nhật vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết và sổ cái TK 711. Vào cuối mỗi tháng, toàn bộ sổ sách cùng báo cáo sẽ được in ra để lưu trữ theo đúng tiêu chuẩn.

Để cập nhật vào sổ cái TK 711, kế toán kích vào **Báo cáo** sau đó kích vào phân hệ **Tổng hợp**, tiếp đó vào mục **S03b-DNN: Sổ cái (Hình thức Nhật ký chung)**, cuối cùng nhập thời gian muốn xem và chọn tên tài khoản 711, ấn **Đồng ý**. Dưới đây là mẫu sổ cái của các TK 711 trong tháng 1 năm 2026.

Biểu 2.22. Trích sổ cái TK 711

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam						Mẫu số: S03b-DNN <i>(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)</i>		
SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung) Năm 2026								
Tài khoản: 711 – Thu nhập khác								
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
....								
31/1/2026	KH00004	31/1/2026	Xử lý công nợ lẻ			131		1.970
31/1/2026	KH00005	31/1/2026	Xử lý công nợ lẻ			131		330
31/1/2026	KH00006	31/1/2026	Xử lý công nợ lẻ			131		248
31/1/2026	KH00007	31/1/2026	Xử lý công nợ lẻ			131		293
31/1/2026	KH00008	31/1/2026	Xử lý công nợ lẻ			1121		75
31/1/2026	NVK0 00036	31/1/2026	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026			911	9.979	
			Cộng phát sinh				9.979	9.979
			Số dư cuối kỳ					
- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 1 - Ngày mở sổ: 01/01/2026								
Người ghi sổ <i>(Ký, họ tên)</i>			Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>			Ngày 31 tháng 01 năm 2026 Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>		

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.2.8. Kế toán chi phí khác

- Nội dung:**

Tại Công ty, chi phí khác bao gồm các khoản chi từ thanh lý nhượng bán từ TSCD và các khoản chênh lệch thanh toán. Tháng 1/2026, tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát, thu nhập khác chủ yếu là các khoản tiền chi phí từ các khoản điều chỉnh chênh lệch thanh toán.

- Chứng từ sử dụng:**

Kế toán tại Công ty sử dụng chứng từ GBC, Phiếu chi, Biên bản thanh lý TSCD được lập khi Công ty quyết định thanh lý TSCD,..

• **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 811: Chi phí khác	
Bên nợ	Bên có
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCD và các khoản điều chỉnh chênh lệch thanh toán	Kết chuyển chi phí thanh lý, nhượng bán TSCD hoặc các khoản điều chỉnh thanh toán sang TK 911.
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ	

Tài khoản sử dụng là TK 811 – “Chi phí khác”. Kết cấu của tài khoản này như sau:

Trích dẫn 15: Ngày 15/01/2026, Ông Nguyễn Văn Hải chuyển khoản thanh toán tiền hàng còn nợ là 29.900.000 thiếu 730 đồng, kế toán hạch toán vào bút toán tổng hợp, điều chỉnh dứt nợ cho Ông Nguyễn Văn Hải:

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam		VietinBank	
GIẤY BÁO CỐ Credit Advice			
Số giao dịch <i>Transaction number</i>	:25363		
Ngày thực hiện <i>Transaction date</i>	:15-01-2026 09:51:57		
Tên người chuyển <i>Applicant name</i>	:		
Số tài khoản <i>From account number</i>	:110000113640		
Tại Ngân hàng <i>With Bank</i>	:40098 - CN NINH BINH - HOI SO		
Người thụ hưởng <i>Beneficiary</i>	:CONG TY TNHH SXTM VINH PHAT		
Số tài khoản <i>To account number</i>	:117002636888		
Tại Ngân hàng <i>With Bank</i>	:40098 - CN NINH BINH - HOI SO		
Số tiền bằng số <i>Amount in figures</i>	29.900.000.	Loại tiền <i>Currency</i>	:VND
Số tiền bằng chữ <i>Amount in words</i>	:Hai mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng chẵn,		
Nội dung <i>Remarks</i>	:Nguyen Van Hai chuyen tien		
Kênh chuyển tiền <i>Channel</i>	:77 - eFAST - Corporate Internet Banking	In từ dịch vụ VietinBank eFAST <i>Date Printed</i>	:12/03/2026 13:46:38
Lập bảng <i>Maker</i>	Kiểm soát viên <i>Supervisor</i>		

(Nguồn: phòng kế toán)

Hình 2.35. Giấy báo Có số 25363

Căn cứ vào GBC, kế toán sẽ hạch toán trên phần mềm như sau:

Nợ TK 1121: 29.900.000

Có TK 131: 29.900.000

Cuối tháng, căn cứ vào sao kê ngân hàng cùng với Quyết định của Giám đốc về xử lý nợ nhỏ lẻ, kế toán hạch toán vào ngày 31/01/2026:

Nợ TK 811: 730

Có TK 131: 730

Vào phân hệ **Tổng hợp**, chọn **Chứng từ nghiệp vụ khác**, lúc này trên màn hình sẽ xuất hiện giao diện **Chứng từ nghiệp vụ khác**. Kế toán điền các thông tin chung và điền vào mục hạch toán, ấn **Cất** để hoàn thành. Dưới đây là giao diện Chứng từ nghiệp vụ khác số KH00015 trên phần mềm:

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng có	Tên đối tượng có	Khoản
1	Xử lý công nợ lẻ	811	131	730	TOAN AN	Công ty TNHH MTV Xây dựng Toàn An	
				730			

(Nguồn: phòng kế toán)

Hình 2.36. Giao diện Chứng từ nghiệp vụ khác số KH00015

- **Ghi sổ kế toán chi phí khác:**

Trình tự ghi sổ của Công ty: Cuối tháng, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán như GBC, Phiếu chi đã được kiểm tra, xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào phần mềm máy tính theo trình tự nhất định. Phần mềm kế toán sẽ tự cập nhật số liệu vào sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 811. Cuối tháng, kế toán sẽ in toàn bộ sổ sách và báo cáo để lưu trữ và bảo quản.

Trên phần mềm kế toán MISA, để cập nhật vào sổ cái TK 811, kế toán kích vào **Báo cáo** sau đó kích vào phân hệ **Tổng hợp**, tiếp đó vào mục **S03b-**

DNN: Sổ cái (Hình thức Nhật ký chung), cuối cùng nhập thời gian muốn xem và chọn tên tài khoản 811, ấn **Đồng ý**.

Biểu 2.23. Trích sổ cái TK 811

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam						Mẫu số: S03b-DNN <i>(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)</i>		
SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung) Năm 2026								
Tài khoản: 811 – Chi phí khác								
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
....								
31/1/2026	KH00014	31/1/2026	Xử lý công nợ lẻ			131	500	
31/1/2026	KH00015	31/1/2026	Xử lý công nợ lẻ			131	730	
31/1/2026	KH00017	31/1/2026	Xử lý công nợ lẻ			131	180	
31/1/2026	KH00018	31/1/2026	Xử lý công nợ lẻ			131	200	
31/1/2026	NVK0 00036	31/1/2026	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026			911		6.394
			Cộng phát sinh				6.394	6.394
			Số dư cuối kỳ					
- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 1 - Ngày mở sổ: 01/01/2026								
Người ghi sổ <i>(Ký, họ tên)</i>			Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>			Ngày 31 tháng 01 năm 2026 Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>		

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.2.9. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nội dung:**

Chi phí thuế TNDN của Công ty bao gồm toàn bộ khoản thuế TNDN tạm ứng phát sinh trong năm hiện tại. Cuối năm tài chính mới xác định số thực tế phải nộp.

- Chứng từ sử dụng:**

Kế toán tại Công ty sử dụng chứng từ: biên lai nộp thuế; Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước; Báo cáo quyết toán thuế TNDN hàng năm; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh...

- **Tài khoản sử dụng:**

TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài khoản 821: Chi phí thuế TNDN	
Bên nợ	Bên có
Chi phí thuế TNDN	Kết chuyển chi phí thuế TNDN sang TK 911.
Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ	

Tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát chỉ phát sinh và sử dụng tài khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hàng kỳ, kế toán lập tờ khai thuế TNDN dựa trên lợi nhuận kế toán của quý, nộp thuế cho cơ quan thuế với mức thuế suất 20%.

Thuế TNDN phải nộp trong kỳ = Thu nhập tính thuế x 20%

Trong đó:

Thu nhập tính thuế = Thu nhập + Thu nhập được miễn thuế - Các khoản lỗ kỳ trước chuyển sang

Để có thể hiểu rõ hơn về kế toán thuế TNDN tại Công ty, em xin trình bày ví dụ minh họa dưới đây:

Trích dẫn 16: Tháng 1, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát có:

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = 23.064.833.253 + 3.108.991 - 22.007.226.806 - 517.685.365 - 399.086.392 - 48.306.340 - 30.517.200 = 65.120.141
- Lợi nhuận khác = 9.979 - 6.394 = 3.585
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : 65.123.726
- Thuế TNDN phải nộp trong kỳ: 65.123.726 x 20% = 13.024.745

Sau khi tính được chi phí thuế TNDN tạm tính phải nộp trong tháng 1/2026, kế toán sẽ hạch toán trên phần mềm như sau:

Dựa vào đó kế toán định khoản:

Nợ TK 821: 13.024.745

Có TK 3334: 13.024.745

Để hạch toán trên phần mềm, kế toán thực hiện các bước như sau: Vào phân hệ **Tổng hợp**, chọn **Chứng từ nghiệp vụ khác**, chọn ngày hạch toán là

Chứng từ nghiệp vụ khác ... 1. Hạch toán thuế TNDN phải nộp

Diễn giải
Hạch toán chi phí thuế TNDN tạm tính tháng 1/2026

Ngày hạch toán
31/01/2026

Ngày chứng từ
31/01/2026

Số chứng từ
NVK000055

Tổng tiền
13.024.745

Hạch toán Trợ lý AI Loại tiền VND

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Hạch toán chi phí thuế TNDN tạm tính tháng 1/2026	821	3334	13.024.745
				13.024.745

31/1/2026, ghi diễn giải, TK Nợ, TK Có và nhập số tiền, ấn **Cất**. Dưới đây là chứng từ nghiệp vụ khác số NVK000055 trên phần mềm.

(Nguồn: Phòng kế toán)

Hình 2.37. Giao diện chứng từ nghiệp vụ khác số NVK000055

Sau khi hạch toán xong trên phần mềm, kế toán in chứng từ và trình lên kế toán trưởng kiểm tra và xem xét và ký tên. Dưới đây là Chứng từ kế toán số NVK000055

Biểu 2.24. Chứng từ kế toán số NVK000055

CHỨNG TỪ KẾ TOÁN				
Tên:		Số: NVK000055		
Địa chỉ:		Ngày: 31/01/2026		
Diễn giải: Hạch toán chi phí thuế TNDN tạm tính tháng 1/2026				
STT	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Thành tiền
1	Hạch toán chi phí thuế TNDN tạm tính tháng 1/2026	821	3334	13.024.745
Cộng				13.024.745
Thành tiền bằng chữ: Mười ba triệu không trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng.				
Ghi chú:				
Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

(Nguồn: Phòng kế toán)

• Ghi sổ kế toán thuế TNDN:

Trình tự ghi sổ kế toán cụ thể như sau: Kế toán căn cứ vào các chứng từ để xác định đúng tài khoản ghi nợ và tài khoản ghi có. Sau đó, thông tin được nhập vào phần mềm MISA theo thứ tự quy định. Phần mềm sẽ tự động cập nhật dữ liệu vào sổ Nhật ký chung và sổ cái của TK 821.

Trên phần mềm kế toán MISA, để cập nhật vào sổ cái TK 821, kế toán kích vào **Báo cáo** sau đó kích vào phân hệ **Tổng hợp**, tiếp đó vào mục **S03b-DNN: Sổ cái (Hình thức Nhật ký chung)**, cuối cùng nhập thời gian muốn xem và chọn tên tài khoản 821, ấn **Đồng ý**.

Biểu 2.25. Trích sổ cái TK 821

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT						Mẫu số: S03b-DNN		
SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam						(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)		
SỔ CÁI								
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)								
Năm 2026								
Tài khoản: 821- Chi phí thuế TNDN								
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
....								

(Nguồn: Phòng kế toán)

Đề cập nhập vào sổ chi tiết TK 821, kế toán kích vào **Báo cáo** sau đó kích vào phân hệ **Tổng hợp**, tiếp đó vào mục **Sổ chi tiết các tài khoản**, cuối cùng nhập thời gian muốn xem là tháng 1 và chọn tên tài khoản 821, ấn **Đồng ý**. Dưới đây là bảng trích từ sổ chi tiết TK 821 trong tháng 1 năm 2026:

Biểu 2.26. Trích sổ chi tiết TK 821

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT					Mẫu số: S16 -DNN			
SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam					(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 821								
Tháng 01 năm 2026								
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
					13.024.745	13.024.745		
31/1/2026	31/1/2026	NVK000055	Hạch toán chi phí thuế TNDN tạm tính tháng 1/2026	3334	13.024.745		13.024.745	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026	911		13.024.745		
			Cộng		13.024.745	13.024.745		
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		
Ngày 31 tháng 01 năm 2026								

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.2.10. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

- Các vấn đề chung về xác định kết quả hoạt động kinh doanh:**

KQHDKD của Công ty là kết quả của những hoạt động nhằm tạo ra doanh thu từ việc bán hàng hóa, biểu hiện bằng lỗ hoặc lãi trong kỳ kế toán và được xác định cụ thể bằng công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận} & & \text{Doanh thu} & & \\ \text{thuần từ} & = & \text{gộp về BH} & + & \text{hoạt động} & - & \text{Chi phí tài} \\ \text{hoạt động} & & \text{và cung cấp} & & \text{tài chính} & & \text{chính} \\ \text{SXKD} & & \text{dịch vụ} & & & & \text{QLKD} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận thuần} & & \text{Thu nhập} & & \text{Chi phí} \\ \text{kế toán trước} & = & \text{từ hoạt động} & + & \text{khác} & - & \text{khác} \\ \text{thuế} & & \text{SXKD} & & & & \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận sau thuế} & & \text{Tổng lợi nhuận kế toán} & & \text{Chi phí thuế} \\ \text{TNDN} & = & \text{trước thuế} & - & \text{TNDN} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí quản lý kinh} & & \text{Chi phí bán hàng} & + & \text{Chi phí quản lý} \\ \text{doanh} & = & & & \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Doanh thu thuần về bán} & & \text{Doanh thu bán hàng} & & \text{Các khoản giảm} \\ \text{hàng và cung cấp dịch} & = & \text{và cung cấp dịch vụ} & - & \text{trừ doanh thu} \\ \text{vụ} & & & & \end{array}$$

- Chứng từ sử dụng:**

Chứng từ sử dụng là một số chứng từ khác có liên quan như Phiếu thu, Phiếu chi, GBN, GBC, Hóa đơn GTGT. Cuối năm, kế toán cần thực hiện bút toán kết chuyển doanh thu và chi phí để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Cụ thể kết chuyển từ TK 511, 515, 711 sang TK 911, TK 632, 642, 635, 811 sang TK 911.

• **Tài khoản sử dụng:**

Kế toán Công ty sử dụng TK 911 - “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”. Tài khoản này có kết cấu như sau:

TK 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh	
Bên nợ	Bên có
Trị giá của hàng hóa đã bán trong kỳ; Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; Kết chuyển lãi.	DT thuần về số sản phẩm, hàng hóa đã bán trong kỳ; DT hoạt động tài chính, khoản thu nhập khác; Kết chuyển lỗ.
Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ	

Ngoài ra kế toán còn sử dụng TK 421 - “Lợi nhuận chưa phân phối” để phản ánh KQHDKD (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết cấu tài khoản này như sau:

TK 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
Bên nợ	Bên có
Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bị âm (lỗ) Trích lập các quỹ doanh nghiệp; Chia cổ tức, lợi nhuận và bổ sung vốn cho các chủ sở hữu;	Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có lãi Số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù; Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh
Dư nợ	Dư có
Số lỗ chưa xử lý.	Số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2 là TK 4211 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước” và TK 4212 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay”. Để xem tài khoản chi tiết của TK 421 trên phần mềm MISA, kế toán vào Danh mục, chọn Tài khoản, sau đó ấn vào Hệ thống tài khoản. Dưới đây là hình ảnh tài khoản chi tiết của TK 421:

 421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lường tính	Undistributed earnings
4211	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	Lường tính	Previous year undistributed earnings
4212	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	Lường tính	This year undistributed earnings

Hình 2.38. Giao diện tài khoản chi tiết của TK 421 trên phần mềm MISA

Cuối tháng, ngày 31/1, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí, lợi nhuận liên quan đến hoạt động bán hàng. Các bút toán kết chuyển thực hiện như sau:

Kết chuyển TK 511, 515, 711 sang TK 911

Kết chuyển TK 632, 635, 6421, 6422, 811 sang TK 911

Kết chuyển TK 421 sang TK 911

Để hiểu rõ hơn về kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh, em xin phép phân tích trích dẫn sau:

Trích dẫn 17: Ngày 31/1/2026, kế toán tiến hành kết chuyển lãi lỗ xác định KQHDKD trên phần mềm MISA.

Để hạch toán trên phần mềm, kế toán thực hiện các bước như sau: Vào phân hệ **Tổng hợp**, chọn **Kết chuyển lãi lỗ**, chọn khoảng thời gian từ 01/01/2026 đến 31/1/2026, ấn **Đồng ý**. Dưới đây là giao diện kết chuyển lãi lỗ

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	23.034.316.053	
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	3.108.991	
3	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	22.007.226.806	
4	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	48.306.340	
5	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	6421	517.685.635	
6	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	6422	399.086.392	
7	Kết chuyển thu nhập khác phát sinh trong kỳ	711	911	9.979	
8	Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ	911	811	6.394	
9	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911	821	13.024.745	
10	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh	911	4212	52.098.981	
				46.074.870.316	

trên phần mềm.

(Nguồn: Phòng kế toán)

Hình 2.39. Giao diện kết chuyển lãi lỗ NVK000056

Cuối tháng, kế toán kết chuyển để xác định KQHDKD như sau:

- Bút toán kết chuyển doanh thu thuần

Nợ TK 511: 23.034.316.053

Có TK 911: 23.034.316.053

- Bút toán kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác

Nợ TK 515: 3.108.991

Nợ TK 711: 9.979

Có TK 911: 3.118.970

- Bút toán kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ

Nợ TK 911: 22.007.226.806

Có TK 632: 22.007.226.806

- Bút toán kết chuyển chi phí tài chính và chi phí khác

Nợ TK 911: 48.312.734

Có TK 635: 48.306.340

Có TK 811: 6.394

- Bút toán kết chuyển chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 911: 916.771.757

Có TK 6421: 517.685.635

Có TK 6422: 399.086.392

- Bút toán kết chuyển thuế TNDN

Nợ TK 911: 13.024.745

Có TK 821: 13.024.745

- Bút toán kết chuyển lãi

Nợ TK 911: 52.098.981

Có TK 4212: 52.098.981

Sau khi hạch toán xong trên phần mềm, kế toán in chứng từ và trình lên kế toán trưởng kiểm tra và xem xét. Sau khi kế toán ký tên, chứng từ sẽ trình

lên giám đốc để ký duyệt và đóng dấu. Dưới đây Chứng từ kế toán số NVK000056.

Biểu 2.27. Chứng từ kế toán số NVK000056

CHỨNG TỪ KẾ TOÁN				
Tên:		Số: NVK000056		
Địa chỉ:		Ngày: 31/01/2026		
Diễn giải: Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026				
STT	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Thành tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	23.034.316.053
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	3.108.991
3	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	22.007.226.806
4	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	48.306.340
5	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	6421	517.685.635
6	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	6422	399.086.392
7	Kết chuyển thu nhập khác phát sinh trong kỳ	711	911	9.979
8	Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ	911	811	6.394
9	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911	821	13.024.745
10	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh	911	4212	52.098.981
Cộng				46.074.870.316
Thành tiền bằng chữ: <i>Bốn mươi sáu tỷ không trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi nghìn ba trăm mười sáu đồng.</i>				
Ghi chú:				
Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		

(Nguồn: Phòng kế toán)

- **Ghi sổ kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh**

Trình tự ghi sổ của Công ty: Căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được tổng hợp và kiểm tra, kế toán tiến hành kết chuyển lãi lỗ trên phần mềm. Phần mềm kế toán sẽ tự động tổng hợp số liệu và xác định KQHDKD vào sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 911 và TK 4212. Cuối kỳ, kế toán sẽ in tất cả các chứng từ, sổ sách để nộp cho các cơ quan quản lý theo đúng quy định.

Để cập nhật vào sổ cái TK 911 và TK4212, kế toán kích vào **Báo cáo** sau đó kích vào phân hệ **Tổng hợp**, tiếp đó vào mục **S03b-DNN: Sổ cái (Hình thức Nhật ký chung)**. Kế toán sẽ nhập thời gian muốn xem là tháng 1 và chọn

tên tài khoản và ấn **Đồng ý**. Dưới đây là mẫu sổ cái của TK 911 và TK4212 trong 1/2026.

Trên phần mềm kế toán MISA, để cập nhật sổ nhật ký chung, kế toán chọn mục **Báo cáo**, tiếp tục nhấn vào phân hệ **Tổng hợp**, chọn mục **Sổ Nhật ký chung**, sau đó đặt thời gian cần xem rồi nhấn **Đồng ý**.

Biểu 2.28. Trích sổ cái TK 4212

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT						Mẫu số: S03b-DNN		
SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam						(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)		
SỔ CÁI								
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)								
Năm 2026								
Tài khoản: 4212 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối								
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
31/1/2026	NVK00056	31/1/2026	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026			911		52.098.981
			Cộng phát sinh				52.098.981	52.098.981
			Số dư cuối kỳ					
- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 1 - Ngày mở sổ: 01/01/2026								
						Ngày 31 tháng 01 năm 2026		
Người ghi sổ (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		

(Nguồn: Phòng kế toán)

Để cập nhật vào sổ chi tiết TK 4212, kế toán kích vào **Báo cáo** sau đó kích vào phân hệ **Tổng hợp**, tiếp đó vào mục **Sổ chi tiết các tài khoản**, cuối cùng nhập thời gian muốn xem là tháng 1 và chọn tên tài khoản 4212, ấn **Đồng ý**. Dưới đây là bảng trích từ sổ chi tiết TK 4212 trong tháng 1 năm 2026:

Biểu 2.29. Trích sổ chi tiết TK 4212

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT

SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S16 -DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 4212

Tháng 01 năm 2026

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
					52.098.981	52.098.981		
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026	911		52.098.981		
			Cộng		52.098.981	52.098.981		

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2.30. Trích sổ cái TK 911

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT						Mẫu số: S03b-DNN		
SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam						(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)		
SỔ CÁI								
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)								
Năm 2026								
Tài khoản: 911- Xác định kết quả kinh doanh								
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
31/1/2026	NVK00056	31/1/2026	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026			632	22.007.226.806	
31/1/2026	NVK00056	31/1/2026	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026			515		3.108.991
31/1/2026	NVK00056	31/1/2026	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026			635	48.306.340	
31/1/2026	NVK00056	31/1/2026	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026			4212	52.098.981	
31/1/2026	NVK00056	31/1/2026	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026			6422	399.086.392	
31/1/2026	NVK00056	31/1/2026	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026			6421	517.685.365	
31/1/2026	NVK00056	31/1/2026	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026			711		9.979
31/1/2026	NVK00056	31/1/2026	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026			811	6.394	
31/1/2026	NVK00056	31/1/2026	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026			821	13.024.745	
31/1/2026	NVK00056	31/1/2026	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026			5111		23.034.316.053
			Cộng phát sinh				23.037.435.023	23.037.435.023
			Số dư cuối kỳ					
- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 1 - Ngày mở sổ: 01/01/2026								
Ngày 31 tháng 01 năm 2026								
Người ghi sổ (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		

(Nguồn: Phòng kế toán)

Đề cập nhập vào sổ chi tiết TK 911, kế toán kích vào **Báo cáo** sau đó kích vào phân hệ **Tổng hợp**, tiếp đó vào mục **Sổ chi tiết các tài khoản**, cuối cùng nhập thời gian muốn xem là tháng 1 và chọn tên tài khoản 911, ấn **Đồng ý**. Dưới đây là bảng trích từ sổ chi tiết TK 911 trong tháng 1 năm 2026:

Biểu 2.31. Trích sổ chi tiết TK 911

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT

SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S16 -DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 911

Tháng 01 năm 2026

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
					23.037.435.023	23.037.435.023		
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026	5111		23.034.316.053		23.034.316.053
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026	515		3.108.991		23.037.425.044
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026	635	48.306.340			22.989.118.704
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026	4212	52.098.981			22.937.019.723
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026	6422	399.086.392			22.537.933.331
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026	6421	517.685.365			22.020.247.966
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026	711		9.979		22.020.257.945
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026	811	6.394			22.020.251.551
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026	821	13.024.745			22.007.226.806
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/1/2026	632	22.007.226.806			
			Cộng		23.037.435.023	23.037.435.023		

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

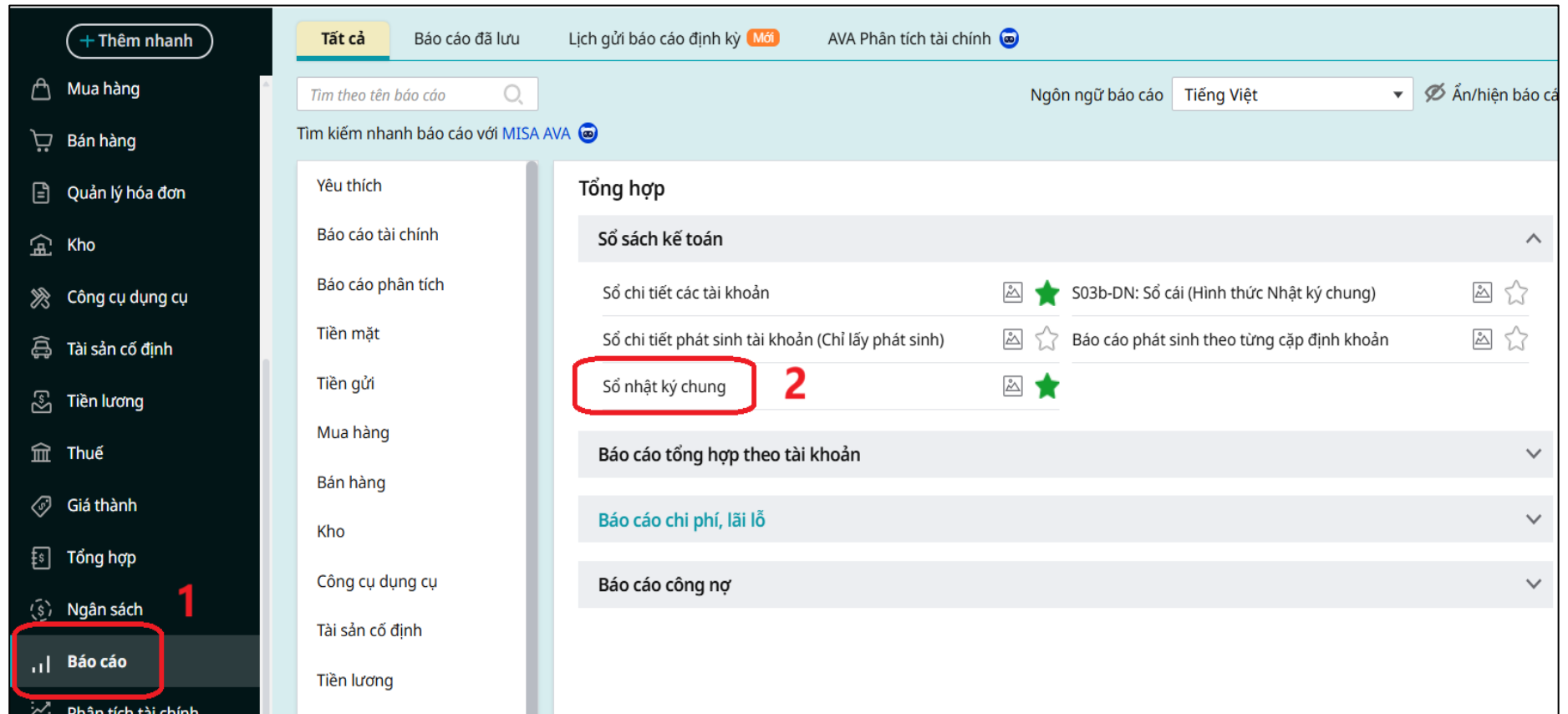
Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Trên phần mềm kế toán MISA, để cập nhật sổ nhật ký chung, kế toán chọn mục **Báo cáo**, tiếp tục nhấn vào phân hệ **Tổng hợp**, chọn mục **Sổ Nhật ký chung**, sau đó đặt thời gian cần xem rồi nhấn **Đồng ý**.



(Nguồn: Phòng kế toán)

Hình 2.40. Giao diện trích Sổ nhật ký chung trên MISA

Biểu 2.32. Trích sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT

SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 1 năm 2026

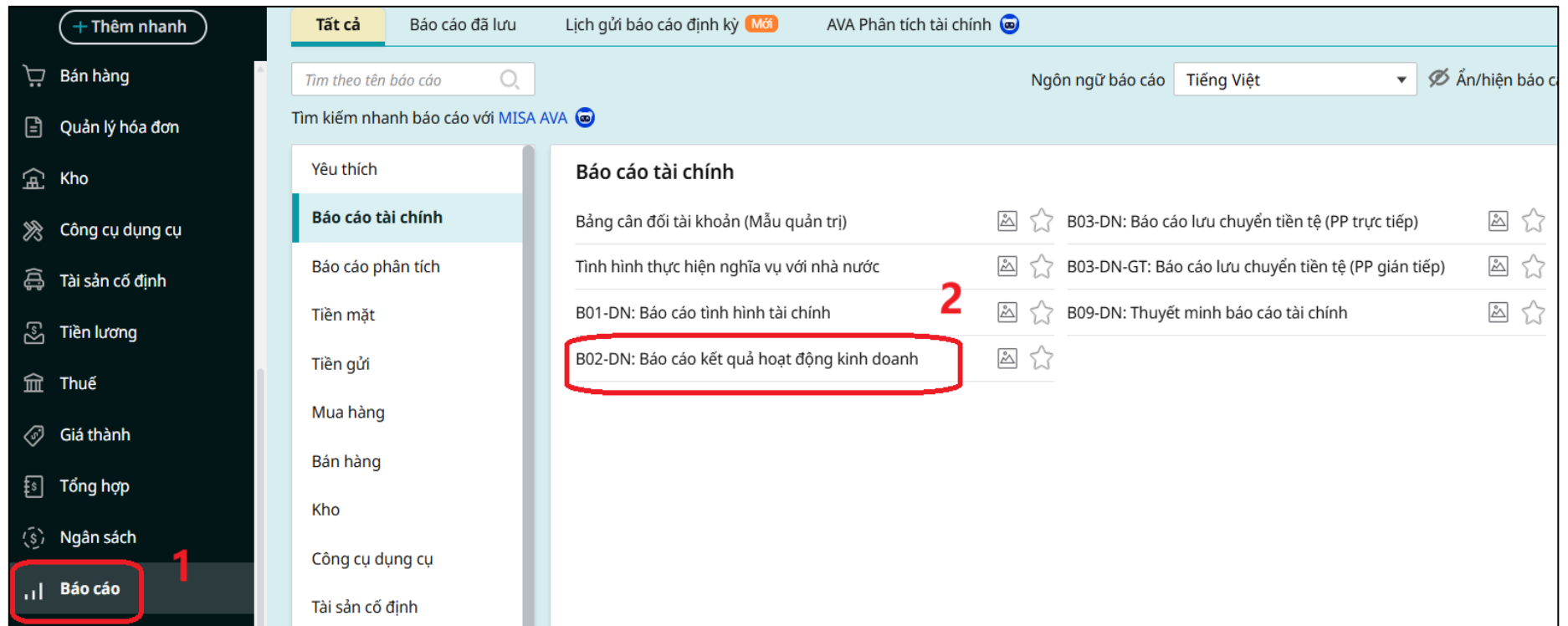
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
....							
17/1/2026	17/1/2026	0000052	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số 0000074	1111	5111	1.191.837	
17/1/2026	17/1/2026	0000052	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số 0000074	5111	1111		1.191.837
17/1/2026	17/1/2026	0000052	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số 0000074	1111	33311	119.184	
17/1/2026	17/1/2026	0000052	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số 0000074	33311	1111		119.184
17/1/2026	17/1/2026	XK00842	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn số 0000074	632	156	927.976	
17/1/2026	17/1/2026	XK00842	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn số 0000074	156	632		927.976
....							
18/1/2026	18/1/2026	0000058	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số 0000080	131	5111	153.896.960	
18/1/2026	18/1/2026	0000058	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số 0000080	5111	131		153.896.960
18/1/2026	18/1/2026	0000058	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số 0000080	131	33311	15.389.969	
18/1/2026	18/1/2026	0000058	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số 0000080	33311	131		15.389.969
18/1/2026	18/1/2026	XK00848	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn số 0000080	632	156	151.758.641	
18/1/2026	18/1/2026	XK00848	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn số 0000080	156	632		151.758.641
....							
20/1/2026	20/1/2026	00000101	Điều chỉnh giảm theo hóa đơn số 000000101	5111	131	30.517.200	
20/1/2026	20/1/2026	00000101	Điều chỉnh giảm theo hóa đơn số 000000101	131	5111		30.517.200

20/1/2026	20/1/2026	00000101	Điều chỉnh giảm theo hóa đơn số 000000101	33311	131	3.051.720	
20/1/2026	20/1/2026	00000101	Điều chỉnh giảm theo hóa đơn số 000000101	131	33311		3.051.720
20/1/2026	20/1/2026	NK000083	Nhập kho hàng bị trả lại theo hóa đơn 00000101	156	632	29.902.012	
20/1/2026	20/1/2026	NK000083	Nhập kho hàng bị trả lại theo hóa đơn 00000101	632	156		29.902.012
...							
15/1/2026	15/1/2026	MDV000011	Mua dầu xe	6422	331	462.963	
15/1/2026	15/1/2026	MDV000011	Mua dầu xe	331	6422		462.963
15/1/2026	15/1/2026	MDV000011	Mua dầu xe	1331	331	37.037	
15/1/2026	15/1/2026	MDV000011	Mua dầu xe	331	1331		37.037
....							
23/1/2026	23/1/2026	UNC00013	Trả các khoản vay cho ngân hàng tháng 1/2026	635	112	13.424.658	
23/1/2026	23/1/2026	UNC00013	Trả các khoản vay cho ngân hàng tháng 1/2026	112	635		13.424.658
....		...					...
28/1/2026	28/1/2026	00000018	Ngân hàng trả lãi tiền gửi tháng 1/2026	112	515	108.991	
28/1/2026	28/1/2026	00000018	Ngân hàng trả lãi tiền gửi tháng 1/2026	515	112		108.991
31/1/2026	31/1/2026	MDV000038	Thanh toán tiền điện tháng 1/2026	6422	331	39.595.840	
31/1/2026	31/1/2026	MDV000038	Thanh toán tiền điện tháng 1/2026	331	6422		39.595.840
31/1/2026	31/1/2026	MDV000038	Thanh toán tiền điện tháng 1/2026	1331	331	3.167.667	
31/1/2026	31/1/2026	MDV000038	Thanh toán tiền điện tháng 1/2026	331	1331		3.167.667
31/1/2026	31/1/2026	NVK000015	Trích khấu hao TSCD tháng 1/2026	6421	2141	174.115.499	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000015	Trích khấu hao TSCD tháng 1/2026	2141	6421		174.115.499
31/1/2026	31/1/2026	NVK000016	Hạch toán chi phí lương tháng 1/2026	6422	334	92.786.323	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000016	Hạch toán chi phí lương tháng 1/2026	334	6422		92.786.323
....	...	...				...	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000055	Hạch toán chi phí thuế TNDN tạm tính tháng 1/2026	821	3334	13.024.745	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000055	Hạch toán chi phí thuế TNDN tạm tính tháng 1/2026	3334	821		13.024.745

31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026	911	821	13.024.745	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026	821	911		13.024.745
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026	511	911	23.034.316.053	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026	911	511		23.034.316.053
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026	515	911	3.108.991	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026	911	515		3.108.991
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026	911	632	22.007.226.806	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026	632	911		22.007.226.806
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026	911	635	48.306.340	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026	635	911		48.306.340
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026	711	911	9.979	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026	911	711		9.979
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026	911	811	6.394	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026	811	911		6.394
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026	911	6421	517.685.635	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026	6421	911		517.685.635
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026	911	6422	399.086.392	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026	6422	911		399.086.392
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026	911	4212	52.098.981	
31/1/2026	31/1/2026	NVK000056	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2026	4212	911		52.098.981
Tổng cộng						95.299.840.803	95.299.840.803

(Nguồn: Phòng kế toán)

Trên phần mềm kế toán MISA, để cập nhật Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán chọn mục **Báo cáo**, tiếp tục nhấn vào phân hệ **Báo cáo tài chính**, chọn mục **B02-DN: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**, sau đó đặt thời gian cần xem là Tháng 1 rồi nhấn **Đồng ý**.



Hình 2.41. Giao diện vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên MISA

Biểu 2.33. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tháng 1 năm 2026

**Đơn vị báo cáo: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại
Vĩnh Phát**

**Địa chỉ: SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường
Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam**

Mẫu số B02 - DNN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tháng 1 năm 2026

Đơn vị tính: VND.

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tháng 1
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		23.064.833.253
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		30.517.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		23.034.316.053
4. Giá vốn hàng bán	11		22.007.226.806
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		1.027.089.247
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.108.991
7. Chi phí tài chính	22		48.306.340
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		48.306.340
8. Chi phí bán hàng	24		517.685.635
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		399.086.392
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		65.120.141
11. Thu nhập khác	31		9.979
12. Chi phí khác	32		6.394
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.585
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		65.123.726
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		13.024.745
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		52.098.981
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		

Ninh Bình, ngày 31 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Chương 3

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT

3.1. Đánh giá chung về thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát

Trong suốt thời gian thực tập tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát, cùng với sự hỗ trợ nhiệt tình từ các anh chị nhân viên trong phòng kế toán, em đã có cơ hội học hỏi và tiếp thu được nhiều kiến thức thực tiễn quý giá. Dựa trên những gì đã quan sát và tìm hiểu, em xin đưa ra một số nhận xét về công tác kế toán bán hàng cũng như việc xác định KQHDKD tại Công ty.

3.1.1. Ưu điểm

Dưới góc độ kế toán tài chính, Công ty nghiêm túc tuân thủ các quy định trong thông tư, nghị định và chế độ kế toán hiện hành. Các chính sách về thuế cùng việc tổ chức sổ sách được thực hiện đầy đủ, hợp lý, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả.

Về tổ chức bộ máy kế toán, Bộ máy kế toán được thiết lập một cách hợp lý, phù hợp với đặc điểm của một doanh nghiệp có quy mô nhỏ như công ty đang hoạt động trong lĩnh vực thương mại. Tại phòng kế toán, mỗi kế toán viên đảm nhiệm một phần hành nhất định dưới sự quản lý của Kế toán trưởng nhưng luôn có sự tương tác và hỗ trợ lẫn nhau nhằm đảm bảo cho bộ máy vận hành một cách có hiệu quả nhất. Một điểm chú ý nữa là phòng kế toán được bố trí tách biệt với các phòng ban khác, tạo không gian làm việc yên tĩnh, sự tập trung cao độ. Được trang bị đầy đủ các cơ sở vật chất cần thiết cho công việc như: máy tính, máy scan, máy in, hệ thống Internet được kết nối nội bộ với nhau giúp quá trình thu thập thông tin được nhanh chóng, thuận tiện.

Về đội ngũ nhân viên, Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của hầu hết các kế toán viên đều tốt nghiệp Đại học, thông thạo trong kỹ năng sử dụng các phần mềm hỗ trợ (Phần mềm kế toán, bộ phần mềm của Microsoft Office,...), máy photocopy, máy scan, máy in,... Đội ngũ nhân viên kế toán năng động, nhiệt huyết, thích ứng nhanh với điều kiện môi trường Công ty, chịu được áp lực cao với độ tuổi trung bình từ 26 tuổi trở lên góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả làm

việc. Hằng năm, Công ty luôn đạo điều kiện cho nhân viên tham gia các lớp tập huấn về đạo tạo nghiệp vụ nhằm nâng cao hơn nữa trình độ chuyên môn cho kế toán.

Về hệ thống sổ sách và chứng từ, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát đang áp dụng theo Thông tư 133/2016/TT-BTC với đầy đủ các loại như hóa đơn GTGT, phiếu thu chi, GBN/GBC ... Tất cả đều đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ và được lập, kiểm tra theo đúng quy trình và trình tự. Việc ứng dụng hình thức Nhật ký chung trên phần mềm máy tính giúp giảm bớt công việc thủ công, tiết kiệm thời gian và đảm bảo độ chính xác cao. Sổ tổng hợp và chi tiết được đối chiếu tự động, hỗ trợ kế toán quản lý các nghiệp vụ tài chính một cách sát sao. Bên cạnh đó, công ty thực hiện việc lưu trữ và sắp xếp chứng từ một cách khoa học, theo trình tự thời gian và nội dung nghiệp vụ, giúp việc tra cứu được thực hiện nhanh chóng và hiệu quả.

Về phần mềm kế toán, Công ty sử dụng phần mềm kế toán MISA để thực hiện các nghiệp vụ kế toán. Phần mềm giúp đơn giản hóa công tác kế toán, giảm thời gian thực hiện và tích hợp hóa đơn điện tử nhằm thuận tiện hơn trong phát hành. Việc tự động lập báo cáo, quyết toán thuế và đối chiếu sổ sách tránh được tối đa các sai sót. Các mẫu báo cáo trên phần mềm rất chi tiết và chuyên biệt theo từng đối tượng, giúp kế toán phát hiện lỗi một cách kịp thời trong quá trình làm việc.

Những mẫu báo cáo như báo cáo tổng hợp lãi lỗ theo đơn hàng, doanh số bán hàng theo kỳ hay tổng hợp công nợ khách hàng cung cấp thông tin nhanh chóng và chính xác cho nhà quản lý trong quá trình ra quyết định.

Đồng thời, việc lưu trữ dữ liệu điện tử giúp dễ dàng tra cứu, đối chiếu thông tin, nâng cao tính minh bạch và khả năng kiểm soát. Bên cạnh đó, ứng dụng công nghệ thông tin còn tạo điều kiện kết nối dữ liệu giữa các bộ phận trong doanh nghiệp, hỗ trợ làm việc từ xa và nâng cao khả năng phối hợp.

Về phương pháp hạch toán và tính giá vốn hàng bán, Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên nhằm kiểm soát tình hình tồn kho hiệu quả. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ, giúp phản ánh chính xác tình hình biến động của hàng hóa. Điều này cung cấp thông tin

cần thiết cho ban lãnh đạo để đưa ra quyết định giá bán phù hợp với thị trường.

Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được thực hiện dựa trên các chứng từ hợp lệ đã phê duyệt, đảm bảo ghi nhận doanh thu đúng thời điểm một cách chính xác. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là cung cấp hàng hóa cho khách hàng, khu công nghiệp,..... Do đó, doanh thu bán hàng được hạch toán vào tài khoản 5111, hỗ trợ quản lý hiệu quả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Về việc xác định kết quả hoạt động kinh doanh: Công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp được tổ chức theo quy trình chặt chẽ, tuân thủ đúng các quy định của chế độ kế toán hiện hành. Là một doanh nghiệp kinh doanh thương mại có nhiều mặt hàng với nhiều chủng loại, quy cách khác nhau với số lượng khách hàng khá lớn nên công việc của các kế toán đảm nhiệm phần hành này là tương đối phức tạp. Tuy vậy, bộ phận kế toán bán hàng đã thực hiện khá tốt việc theo dõi chi tiết tình hình nhập – xuất – tồn kho hàng hóa cũng như kết quả bán hàng với từng mặt hàng, tình hình công nợ đối với từng khách hàng cũng được theo dõi cụ thể. Các báo cáo kết quả bán hàng được lập định kỳ theo tháng, quý và năm, cung cấp thông tin chi tiết về doanh thu, chi phí, lợi nhuận, cơ cấu mặt hàng và hiệu quả từng kênh phân phối. Thông tin này giúp ban lãnh đạo đánh giá đúng thực trạng tiêu thụ, từ đó kịp thời điều chỉnh chính sách giá, chương trình khuyến mãi, phương thức bán hàng hoặc kế hoạch sản xuất – kinh doanh để tối đa hóa lợi nhuận và nâng cao sức cạnh tranh.

Nhìn chung, nhờ sự tổ chức hợp lý, kết hợp công nghệ thông tin, công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty vừa đáp ứng yêu cầu quản lý nội bộ, luôn có sự đối chiếu trao đổi giữa kế toán bán hàng và kế toán các phần hành khác, đảm bảo sự thống nhất, vừa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo đối với cơ quan quản lý nhà nước, góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Tuy nhiên, ngoài những ưu điểm nêu trên vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục.

3.1.2. Nhược điểm

Có thể nhận thấy rằng, mô hình kế toán của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát đã được triển khai tương đối hoàn chỉnh. Tuy nhiên,

bên cạnh các ưu điểm, bộ phận kế toán và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vẫn còn tồn tại một số sai sót và hạn chế cần khắc phục. Những bất cập này đòi hỏi phải có giải pháp cụ thể để cải thiện, giúp bộ máy kế toán hoạt động hiệu quả hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu quản lý doanh nghiệp.

Về Trích lập nợ phải thu khó đòi: Trong quá trình thực tập được tìm hiểu và trao đổi kĩ càng với phòng kế toán nhận thấy hầu hết khách hàng của Công ty đều thanh toán theo phương thức trả chậm, thanh toán sau 90 ngày nhưng thực tế vẫn có số ít khách hàng thanh toán tiền hàng sau 90 ngày có khi đến 4 tháng. Điều này dẫn đến Công ty bị chiếm dụng một số vốn lớn. Hiện nay kế toán của công ty chỉ theo dõi công nợ khách hàng chi tiết cho từng đối tượng mà không thực hiện phân loại nợ để theo dõi theo thời gian, nợ quá hạn không trích lập dự phòng. Việc không trích lập khoản dự phòng này ảnh hưởng đến tính trung thực hợp lý của BCTC và vi phạm nguyên tắc thận trọng trong công tác hạch toán kế toán.

Về chứng từ kế toán và phương thức thanh toán: Trong quá trình hạch toán, Công ty vẫn bỏ sót một số chứng từ quan trọng như Phiếu đề nghị thanh toán hay Phiếu đề nghị mua hàng. Điều này dẫn đến nguy cơ phát sinh sai sót trong các chứng từ như Phiếu chi hoặc Hóa đơn GTGT, khiến việc đối chiếu trở nên khó khăn. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ sự chủ quan của nhân viên kế toán, thiếu chú ý trong khâu kiểm tra và rà soát chứng từ.

Về kế toán khấu hao tài sản cố định: Trên phần mềm kế toán MISA, sau khi hạch toán nghiệp vụ mua tài sản cố định, kế toán có thể tính khấu hao ngay trên phân hệ tài sản cố định. Tuy nhiên, ở Trích dẫn 3-Hình 2.12 kế toán lại hạch toán khấu hao tài sản cố định vào Chứng từ dịch vụ khác trên phân hệ Tổng hợp. Như vậy kế toán sẽ mất nhiều thời gian để ghi thông tin tài sản, tính toán thủ công về mức trích khấu hao và số năm khấu hao của tài sản đó rồi mới hạch toán vào phần mềm. Khi đó kế toán sẽ phải thêm thao tác, công việc hạch toán mà không tận dụng được hết tất cả các chức năng của phần mềm. Nguyên nhân của tồn tại này là do kế toán chưa khai thác được hết các chức năng của phần mềm kế toán.

Về kế toán quản trị, trong Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh

Phát, hiện tại Công ty vẫn chủ yếu tập trung vào việc lập Báo cáo tài chính nhằm phục vụ nhu cầu thông tin của các đối tượng bên ngoài mà chưa triển khai kế toán quản trị. Điều này dẫn đến việc không xây dựng được các dự toán phục vụ lập kế hoạch cũng như các báo cáo hỗ trợ kiểm soát, đánh giá và đưa ra quyết định của nhà quản trị. Kế toán quản trị chưa được áp dụng nên Công ty không thể dự báo hiệu quả các sự kiện kinh tế và kinh doanh trong tương lai để lập kế hoạch ngắn hạn hoặc dài hạn một cách hợp lý. Thiếu vắng thông tin chính xác và kịp thời từ kế toán quản trị khiến nhà quản lý gặp khó khăn trong việc đưa ra các quyết định chiến lược, đặc biệt là những chiến lược về giá để cạnh tranh và thu hút khách hàng. Điều này làm giảm vai trò tham mưu cho ban giám đốc, khiến Công ty thiếu sự nhanh nhạy và chính xác trong quản lý và điều hành kinh doanh, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt như hiện nay. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc Công ty vẫn còn nhỏ, dẫn đến sự chưa chú trọng đối với việc xây dựng hệ thống quản trị riêng biệt chuyên trách phân tích, thu thập thông tin và đánh giá thị trường. Ngoài ra, đội ngũ kế toán của Công ty chưa thật sự quan tâm hoặc nhận thức đầy đủ về vai trò và tầm quan trọng của kế toán quản trị trong hoạt động kinh doanh.

Về các chính sách bán hàng, hiện tại công ty chưa thực sự chú trọng vào việc xây dựng và triển khai các chính sách dành cho khách hàng mua số lượng lớn. Sự thiếu hụt này đã khiến công ty chưa khai thác hết tiềm năng kích cầu, đặc biệt đối với các đơn hàng có giá trị cao. Trong khi đó, chính sách chiết khấu vốn là một công cụ quan trọng để khuyến khích khách hàng tăng số lượng mua, qua đó góp phần đẩy mạnh tiêu thụ và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Việc này không chỉ làm giảm sức hút đối với nhóm khách hàng sỉ và đại lý mà còn khiến công ty gặp bất lợi khi so với các đối thủ sở hữu chính sách giá linh hoạt và hấp dẫn hơn.

Về lâu dài, tình trạng này có nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng mở rộng thị trường, tốc độ quay vòng vốn cũng như hiệu quả kinh doanh tổng thể của doanh nghiệp. Ngoài ra, công ty vẫn chưa đa dạng hóa các hình thức khuyến khích khách hàng mà chủ yếu tập trung vào phương thức bán hàng

truyền thông, chưa kết hợp hiệu quả với các chiến dịch marketing hoặc chương trình tri ân. Điều này làm hạn chế tiềm năng cạnh tranh trên thị trường, đặc biệt trong bối cảnh các đối thủ không ngừng đổi mới chiến lược bán hàng và nâng cao trải nghiệm chăm sóc khách hàng.

Những vấn đề nêu trên đều có thể được khắc phục nếu Công ty quan tâm hơn đến việc tối ưu hóa quy trình kế toán, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và đa dạng hóa phương thức kinh doanh để đạt được hiệu quả hoạt động tối ưu nhất.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát

Trong quá trình nghiên cứu về kế toán bán hàng và xác định KQHDKD tại Công ty, em nhận thấy mặc dù có rất nhiều phần hành kế toán đang được thực hiện hiệu quả, vẫn còn một số tồn tại và hạn chế cần khắc phục. Việc cải thiện những hạn chế này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả vận hành chung của Công ty cũng như bộ máy kế toán. Dưới đây là một số ý kiến đóng góp cá nhân nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Về chứng từ kế toán và phương thức thanh toán: Kế toán cần đảm bảo lập đầy đủ các chứng từ như Phiếu đề nghị thanh toán hoặc Phiếu đề nghị mua hàng để làm cơ sở cho việc phát hành các chứng từ khác như Phiếu chi hoặc Hóa đơn GTGT. Điều này giúp kế toán có căn cứ rõ ràng để đối chiếu trước khi thực hiện các giao dịch thanh toán hoặc mua bán, đảm bảo tính chính xác và minh bạch cao hơn trong công việc. Công ty cũng có thể triển khai sử dụng mẫu giấy đề nghị thanh toán chuẩn để tạo sự thống nhất và thuận tiện trong quản lý nghiệp vụ liên quan đến thanh toán. Việc này sẽ giúp quy trình làm việc giữa các bộ phận trở nên mượt mà hơn và giảm thiểu tối đa những sai sót không đáng có.

Biểu 3.1. Mẫu giấy đề nghị thanh toán

Đơn vị:..... Địa chỉ:.....	Mẫu số 05 – TT <i>(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)</i>
GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN Ngày.....tháng.....năm.....	
Kính gửi:	
Họ và tên người đề nghị thanh toán:..... Bộ phận (Hoặc địa chỉ):..... Nội dung thanh toán:..... Số tiền:.....(Viết bằng chữ):..... (Kèm theo.....chứng từ gốc).	
Người đề nghị thanh toán <i>(Ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>
Người duyệt <i>(Ký, họ tên)</i>	

(Nguồn: Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

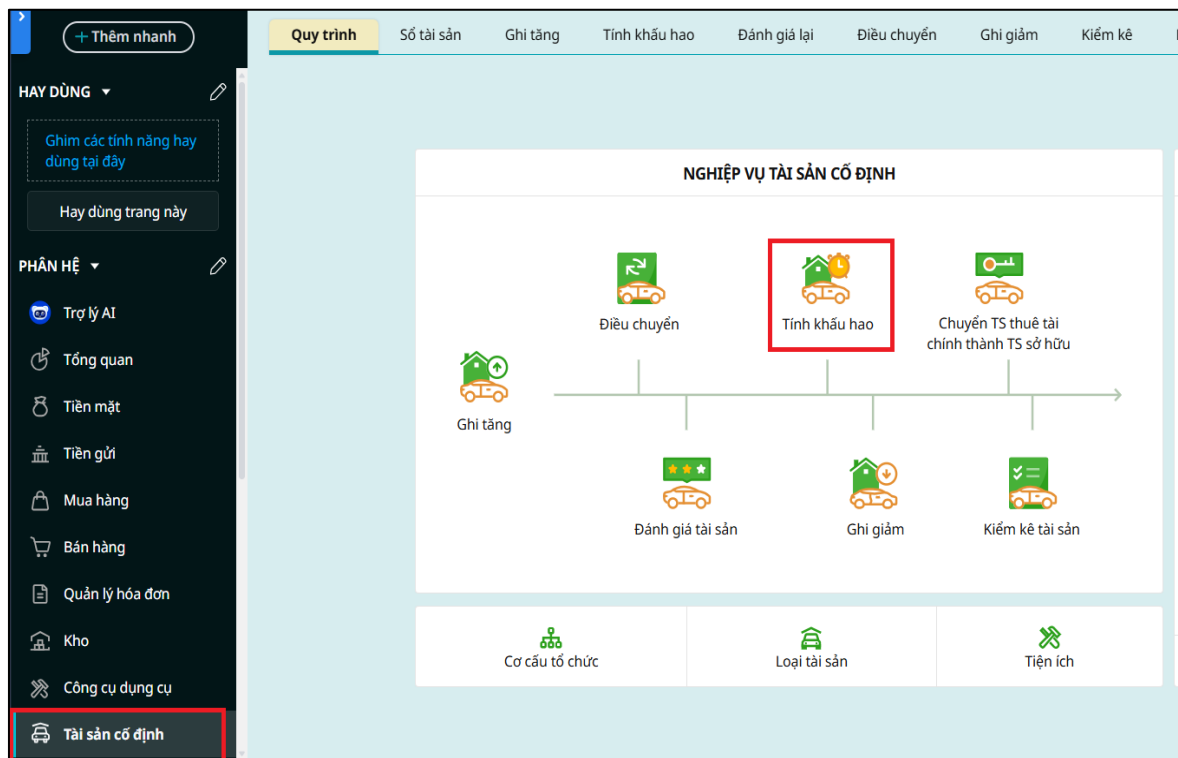
Về lập hợp đồng: Theo nguyên tắc những hóa đơn có giá trị lớn thường phải có kèm theo bản Hợp đồng kinh tế, nhưng tại Công ty vào đầu năm kế toán sẽ lập một hợp đồng nguyên tắc (áp dụng cho những khách hàng thân thuộc) làm căn cứ bán hàng chỉ khi có yêu cầu từ phía khách hàng sẽ lập thêm Hợp đồng kinh tế. Cách làm như vậy tuy sẽ tiết kiệm được thời gian khi hai bên muốn hợp tác với nhau trong một thời gian nhất định mà không bắt buộc phải ký kết mỗi Hợp đồng khi có giao dịch phát sinh, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng. Tuy nhiên, loại hợp đồng này chỉ mang tính chất định hướng, quy định các vấn đề chung nên khi xảy ra tranh chấp rất khó để giải quyết, nhất là khi các bên không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Ví dụ: Trên Hợp đồng nguyên tắc chỉ phản ánh loại mặt hàng mà khách hàng yêu cầu, không thể hiện được rõ về số lượng, đơn giá, tổng số tiền bên mua cần thanh toán cho Công ty.

Về vấn đề kế toán khấu hao tài sản cố định: Đây là quá trình phân bổ giá trị của tài sản đó trong suốt thời gian sử dụng. Mặc dù thời gian khấu hao

có thể do doanh nghiệp tự quyết định, nhưng vẫn phải tuân theo khung thời gian trích khấu hao tài sản cố định được Bộ Tài chính ban hành. Hiện tại, bộ phận kế toán trong Công ty đang thực hiện hạch toán khấu hao tài sản cố định thông qua phân hệ Tổng hợp. Tuy nhiên, phần mềm MISA đã tích hợp sẵn chức năng tính khấu hao, điều này cho thấy kế toán chưa tận dụng hết các tính năng của phần mềm. Để sử dụng chức năng tính khấu hao tài sản cố định trên MISA, kế toán cần làm theo các bước sau: Truy cập vào phân hệ Tài sản cố định, chọn Tính khấu hao, sau đó giao diện tính khấu hao sẽ hiển thị như sau:

Hình 3.1. Giao diện tính khấu hao trên phần mềm MISA

Để tính khấu hao kế toán sẽ ấn vào Tính khấu hao, màn hình sẽ xuất hiện giao diện chọn kỳ tính khấu hao, nhập thời gian muốn tính khấu hao như sau:



Hình 3.2. Giao diện chọn kỳ tính khấu hao trên phần mềm MISA

Kế toán ấn vào Đồng ý, khi đó hệ thống sẽ tự động tính ra giá trị khấu hao cho các tài sản cố định đang được quản lý trên sổ Tài sản cố định. Cụ thể ở trích dẫn 8 khi trích khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bán hàng, phần mềm MISA sẽ tính được khấu hao tài sản cố định trong tháng 1 năm 2026 là 174.115.499 đồng.

Đối với kế toán quản trị, do hiện nay chưa có quy chuẩn pháp lý thống nhất về hình thức và nội dung của các báo cáo kế toán quản trị, Công ty cần chủ động xây dựng một bộ phận kế toán quản trị chuyên biệt, phù hợp với mục tiêu mà ban lãnh đạo đã đề ra. Các chỉ tiêu trong bộ phận này cần đảm bảo tính so sánh liên kỳ để từ đó đưa ra được những đánh giá chính xác về tình hình hoạt động thực tế của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty cũng cần tiếp tục cải tiến hệ thống kế toán tổng thể nhằm thích nghi với yêu cầu của nền kinh tế thị trường đang phát triển dưới sự quản lý của Nhà nước. Trong mỗi kỳ kế toán, Công ty cần lập dự toán doanh thu bán hàng. Đây là một bản kế hoạch chi tiết nhằm dự tính các khoản thu từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Công thức dự toán doanh thu bán hàng sẽ được áp dụng và triển khai tùy thuộc vào từng giai đoạn cụ thể trong hoạt động kinh doanh.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Dự toán doanh} & & \text{Số lượng sản phẩm} & & \text{Giá bán đơn} \\ & = & & \times & \\ \text{thu bán hàng} & & \text{dự tính bán được} & & \text{vị sản phẩm} \end{array}$$

Việc lập dự toán đóng vai trò quan trọng trong việc giúp doanh nghiệp dự tính các khoản doanh thu có thể đạt được trong tương lai, từ đó định hướng chiến lược nhằm đạt kết quả như mong đợi. Dự toán doanh thu bán hàng nên được thực hiện định kỳ hàng tháng, bởi cách làm này sẽ giúp dễ dàng định hướng và nâng cao độ chính xác của dự báo. Đặc biệt, doanh nghiệp có thể nhanh chóng điều chỉnh kịp thời để phù hợp với sự biến động của thị trường. Dựa trên các số liệu dự toán, vào cuối tháng, doanh nghiệp có thể tiến hành so sánh giữa doanh thu thực tế phát sinh trong kỳ và dự toán đã lập, qua đó phân tích và đưa ra những biện pháp thúc đẩy doanh thu cho các tháng tiếp theo. Đồng thời, nhà quản trị cần dành sự quan tâm đặc biệt đến việc phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến doanh thu, trong đó có hai yếu tố chủ chốt là đơn giá bán và số lượng bán ra. Cụ thể:

Biến động giá bán phản ánh sự chênh lệch về doanh thu do thay đổi mức

giá sản phẩm. Tương tự, biến động lượng bán thể hiện sự khác biệt trong doanh thu xuất phát từ sự thay đổi về số lượng hàng hóa được tiêu thụ. Với cách tiếp cận phân tích này, nhà quản trị có thể hiểu sâu hơn về cơ cấu doanh thu bán hàng của Công ty, từ đó đưa ra các quyết định chính xác nhằm gia tăng doanh thu và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Về chính sách bán hàng: Công ty cần tạo 1 website nên được tối ưu hóa với đầy đủ thông tin về sản phẩm, bảng giá, hướng dẫn sử dụng,... đi kèm và các thông tin về thành tựu mà Công ty đã đạt được. Tất cả đều góp phần nâng cao lòng tin từ phía khách hàng. Ngoài ra, Công ty cũng cần quan tâm xây dựng các chính sách ưu đãi phù hợp như giảm giá hoặc chiết khấu cho khách hàng mới và khách hàng lâu năm

- **Chiết khấu thanh toán**

Chiết khấu thanh toán là khoản ưu đãi tài chính mà doanh nghiệp dành cho khách hàng nhằm khuyến khích họ thanh toán trước thời hạn được ghi trong hợp đồng hoặc hóa đơn.

Tỷ lệ chiết khấu thường được điều chỉnh tùy thuộc vào từng đối tượng khách hàng và thời gian thanh toán. Để xác định mức chiết khấu phù hợp, kế toán sẽ xem xét các yếu tố như quy mô công nợ, thói quen thanh toán và mức độ thanh toán sớm. Thông thường, tỷ lệ chiết khấu dao động từ 0,5% đến 2% trên tổng giá trị thanh toán.

Doanh nghiệp nên phân loại khách hàng thành các nhóm riêng biệt, như đại lý, khách sỉ, khách lẻ lớn hoặc khách hàng tiềm năng, để áp dụng các chính sách chiết khấu một cách hiệu quả. Việc này không chỉ giúp linh hoạt hơn trong các chương trình ưu đãi mà còn ngăn chặn việc chiết khấu tràn lan dẫn đến thất thoát lợi nhuận. Đối với những khách hàng có lịch sử mua hàng và thanh toán ổn định, doanh nghiệp có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu thấp hơn để cân bằng lợi ích tài chính.

Điều khoản về chiết khấu thanh toán cần được nêu rõ trong hợp đồng, bao gồm các điều kiện áp dụng để tránh tranh chấp sau này. Doanh nghiệp cũng phải tuân thủ quy định về hóa đơn và lập hóa đơn điều chỉnh khi phát sinh chiết

khấu. Dù khoản chiết khấu không làm thay đổi giá trị tính thuế GTGT, nó vẫn cần được hạch toán riêng để phục vụ cho công tác quyết toán thuế. Quy trình phê duyệt cần minh bạch, với trách nhiệm được phân định rõ ràng nhằm đảm bảo kiểm soát nội bộ tốt hơn. Ngoài ra, việc thường xuyên đánh giá và điều chỉnh chính sách, cũng như đào tạo nhân viên thực hiện đúng quy trình, là rất cần thiết.

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, các khoản chiết khấu thanh toán thường áp dụng cho những khách hàng có công nợ lớn và thực hiện việc thanh toán trước hạn. Các khoản này được ghi nhận trong Tài khoản 635 (Chi phí tài chính) và cần có đầy đủ các chứng từ liên quan như Hợp đồng mua bán, Hóa đơn GTGT, Phiếu thu, Giấy báo có, và Biên bản đối chiếu công nợ. Ghi sổ kế toán cụ thể như sau:

Nợ TK 635 (Khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng)

Có TK 131 (nếu bù trừ vào khoản phải thu)

Có TK 111, 112 (nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản)

Cuối cùng, doanh nghiệp nên định kỳ đánh giá hiệu quả của chính sách chiết khấu để đo lường tác động thực tế lên doanh thu, lợi nhuận và tốc độ luân chuyển hàng tồn kho. Kết quả đánh giá sẽ là cơ sở để điều chỉnh mức chiết khấu, điều kiện áp dụng hoặc thay đổi hình thức ưu đãi cho phù hợp với biến động thị trường. Đồng thời, cần cân nhắc sự cân đối giữa các ưu đãi và lợi nhuận thông qua phân tích chi phí – lợi ích, tránh việc áp dụng mức chiết khấu vượt quá khả năng kiểm soát của biên lợi nhuận.

Công ty có thể xem xét áp dụng thời hạn nợ đối với khách hàng là 90 ngày, nhưng nếu khách hàng thanh toán sớm từ 5-20 ngày thì Công ty sẽ cho khách hàng hưởng chiết khấu thanh toán 0,5% trên tổng số tiền thanh toán, thanh toán sớm từ 20-45 ngày thì khách hàng được hưởng chiết khấu thanh toán 1% trên tổng số tiền thanh toán.

Ví dụ: Ngày 02/1/2026, Công ty bán thép ống hộp mạ kẽm cho Công ty TNHH Tiến Lợi với tổng giá trị thanh toán là 35.096.292đ. Hạn thanh toán là

22/01/2026. Nhưng đến 14/1/2026 Công ty này đã chuyển khoản thanh toán toàn bộ tiền như hợp đồng. Như vậy, Công ty TNHH Tiến Lợi đã thanh toán sớm trước hạn 8 ngày. Chiết khấu thanh toán mà Công ty TNHH Tiến Lợi được hưởng là:

$$0.5\% \times 35.096.292 = 175.481 \text{ đồng}$$

Số tiền Công ty TNHH Tiến Lợi còn phải thanh toán:

$$35.096.292 - 175.481 = 34.920.811 \text{ đồng}$$

Kế toán định khoản chiết khấu thanh toán như sau:

Nợ TK 112: 34.920.811 đồng

Nợ TK 635: 175.481 đồng

Có TK 131: 35.096.292 đồng

- **Chiết khấu thương mại**

Công ty áp dụng hình thức chiết khấu thương mại đối với khách hàng mua với số lượng lớn.

+ Công ty có thể giảm giá theo tỉ lệ 1% cho khách hàng thân quen mua với số lượng nhiều vào cuối tháng hoặc cuối quý để có ưu đãi phù hợp.

+ Công ty có thể đưa ra một mức chiết khấu theo tỉ lệ 2% khi mà khách hàng mua với một mức số lượng trên 500 triệu đồng trong một thời gian nhất định.

Nợ TK 5111 Tổng số tiền đã chiết khấu.

Nợ TK 3331 Thuế GTGT

Có TK 111, 112, 131 Tổng số tiền đã chiết khấu.

Những trường hợp sử dụng Hợp đồng nguyên tắc làm căn cứ mua bán hàng hóa giữa bên mua với Công ty, cần theo dõi sát sao các khoản phải thu trên từng lần mua hàng của khách hàng. Trên cơ sở của hợp đồng này, hai bên nên cân nhắc việc tiến tới ký kết Hợp đồng kinh tế chính thức hoặc bổ sung thêm các phụ lục hợp đồng của hợp đồng nguyên tắc.

Đối với các khoản nợ phải thu kéo dài chưa thu hồi được, doanh nghiệp cần xác định rõ nguyên nhân và lý do khiến khách hàng không có khả năng thanh toán. Những thông tin này sẽ làm cơ sở để nhận định xem khoản nợ đó có phải là

nợ khó đòi không. Đến cuối niên độ kế toán, doanh nghiệp cần trích lập dự phòng theo nguyên tắc thận trọng. Căn cứ trích lập dự phòng được xác định dựa trên chứng từ gốc hoặc cam kết từ phía đơn vị nợ liên quan đến số tiền chưa thanh toán. Doanh nghiệp cần dự kiến tổn thất tiềm năng hoặc xác định thời gian quá hạn của các khoản nợ và trích lập dự phòng phù hợp kèm theo minh chứng cụ thể.

Việc công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi sẽ khiến khi tổn thất thực sự xảy ra, chi phí sẽ biến động mạnh, hơn nữa, công tác kế toán quản trị cũng rất khó khăn trong điều kiện không tính trước các rủi ro.

Đối với việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi thì phải xác định chính xác các điều kiện trích lập như sau:

- Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn đang bị cơ quan pháp luật truy tố hoặc đang thi hành án.... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Sau khi trích lập dự phòng từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tập hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp để khi có các khoản nợ khó đòi, không đòi được thì tình hình tài chính của doanh nghiệp không bị ảnh hưởng.

Tỷ lệ trích lập dự phòng cho các khoản nợ khó đòi được đề xuất như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên.

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập các báo cáo tài chính. Mức lập dự phòng đối với nợ khó đòi và việc xử lý xóa nợ khó đòi phải tuân thủ TK 229 – Dự phòng phải thu khó đòi

Cuối kỳ kế toán năm, căn cứ vào các khoản nợ phải thu xác định là không chắc chắn thì được, kế toán tính toán xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập.

Các tài khoản sử dụng bao gồm: 2293, 131, 511, và 3331.

Ví dụ: Ngày 06/04/2024, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát bán hàng cho Công ty Cổ phần Hùng Sơn với giá trị 110.000.000 VND, nhưng chưa thanh toán. Đến tháng 5/2025, Công ty vẫn không nhận được khoản tiền bán hàng từ Công ty Cổ phần Hùng Sơn. Theo quy định, cuối kỳ kế toán công ty cần trích lập dự phòng giảm giá nợ phải thu khó đòi là 30% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm: $30\% \times 110.000.000 = 33.000.000$ VND. Ngày 6/4/2022, kế toán định khoản xuất kho bán hàng hóa:

Nợ TK 131: 121.000.000 VND

Có TK 511: 110.000.000 VND

Có TK 3331: 11.000.000 VND

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Nợ TK 642: 33.000.000 VND

Có TK 2293: 33.000.000 VND

Cuối niên độ kế toán, doanh nghiệp sẽ tính toán các khoản nợ không chắc chắn thu hồi (nợ khó đòi) để trích lập dự phòng bổ sung nếu cần thiết. Nếu số dự phòng phải trích lập năm nay lớn hơn số đã trích lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết, phần chênh lệch được hạch toán như sau:

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi.

- Nếu số dự phòng phải trích lập năm nay nhỏ hơn số đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết, phần chênh lệch được hoàn nhập:

Nợ TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.

Xử lý các khoản nợ không thể thu hồi: Đối với các khoản nợ khó đòi xác định không thể thu hồi, việc xóa nợ được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành với định khoản như sau: Nợ các TK 111, 112, 331, 334,... (phần tổ chức, cá nhân phải bồi thường)

Nợ TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi (phần đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh (phần chưa lập dự phòng)

Có các TK 131, 138, 128,...

Trong trường hợp nợ khó đòi đã xóa nhưng sau đó thu hồi được, kế toán ghi nhận vào giá trị thực tế đã thu hồi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 711 – Thu nhập khác.

Về công tác kế toán: Để công tác kế toán nói chung và kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có hiệu quả cao thì Công ty cần chú trọng đến việc bồi dưỡng nhân lực, tuyển chọn và đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, khả năng xử lý công việc nhanh và hiệu quả. Công ty cũng cần đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho công tác kế toán như hệ thống máy tính, phần mềm kế toán hiện đại... để nâng cao hiệu quả công việc. Một yêu cầu đặt ra đối với Công ty là cần có sự phân công công việc một cách hợp lý, cần tổ chức thêm bộ phận kế toán quản trị tại phòng Tài chính kế toán, cần có sự kết hợp hài hòa giữa các bộ phận kế toán tài chính và kế toán quản trị nhằm mang lại những thông tin tài chính chính xác nhất cho các nhà quản lý doanh nghiệp. Mặt khác, Công ty cũng nên nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các chính sách, các quy định cho phù hợp, tạo ra môi trường làm việc tốt để khuyến khích cán bộ công nhân viên làm việc hiệu quả hơn

KẾT LUẬN

Có thể nói bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh đóng một vai trò rất quan trọng trong mỗi Doanh nghiệp. Trong đó, kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là một công cụ có đầy đủ kiến thức tổng hợp, am hiểu về lĩnh vực kinh tế và giúp nhà quản lý đưa ra được những quyết định góp phần vào chiến lược kinh doanh lâu dài của Doanh nghiệp. Do vậy, để Doanh nghiệp tồn tại và phát triển bền vững trong môi trường kinh tế gay gắt hiện nay thì công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh cần được tổ chức khoa học và hợp lý.

Qua quá trình học tập tại trường và thực tập tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát, em đã được tìm hiểu về quy mô, tổ chức hoạt động giữa các phòng ban và đặc điểm kinh doanh của Công ty, đặc biệt trong quá trình thực tập, hoàn thiện chuyên đề em đã được nghiên cứu sâu hơn về công tác bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty. Em đã tiếp thu, học hỏi được những ưu điểm mà Công ty có được, đây cũng là cơ sở để em vận dụng giữa kiến thức giảng đường và kiến thức tích lũy thực tiễn phục vụ cho công việc của bản thân sau khi ra trường. Nhận thấy trong quá trình thực tập tại Công ty, ngoài những ưu điểm, tích cực đáng học hỏi thì Công ty vẫn tồn tại một số mặt hạn chế, chưa hợp lý.

Qua đây, em cũng xin phép được gửi lời cảm ơn chân tình đến (Cô) ThS. Phạm Thị Oanh – giảng viên hướng dẫn cho em trong suốt thời gian làm khóa luận tốt nghiệp. Mặc dù công việc giảng dạy của cô cũng bận rộn nhưng không ngần ngại chỉ dẫn em, định hướng đi cho em, để em hoàn thành tốt nhiệm vụ. Cùng các (thầy), cô giảng viên Khoa kinh tế đã tận tình chỉ bảo em và cảm ơn các (anh), chị kế toán viên tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát đã giúp đỡ em hoàn thành khóa Khóa luận tốt nghiệp.

Tuy nhiên vì kiến thức chuyên môn còn hạn chế và bản thân vẫn chưa tiếp xúc nhiều với kinh nghiệm thực tiễn nên nội dung của Khóa luận tốt nghiệp không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp từ quý (thầy) cô giáo và các bạn để bài Khóa luận này của em được hoàn chỉnh hơn.

Cuối cùng em xin kính chúc Quý thầy cô, các anh các chị luôn luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công trong công việc.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2020), *Nghị định số 145/2020/NĐ-CP*, hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.
2. Bộ tài chính (2016), *Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Hà Nội, hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 8 năm 2016.
3. GS.TS Đặng Thị Loan (2015), *Giáo trình tài chính trong các doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Kinh Tế Quốc dân.
4. Phạm Thị Khánh Huyền (2024), “*Kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Thành Tiến*”, Trường Đại học Hoa Lư.
5. Nguyễn Thị Mai Thao (2024), “*Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Vận Tải và Thương mại Duy Long*”, Trường Đại học Hoa Lư.
6. Nguyễn Thị Thu Quyên (2021), “*Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất phụ tùng xe máy Đức Minh*”, Học viện Tài Chính.
7. Vũ Thị Thương (2020), *Thực trạng và giải pháp hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH Tân Hoàng Hải NB*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Hoa Lư.
8. Tài liệu của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phát.